

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai” (Dự án VILG)

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội khóa 13;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1236/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”, vay vốn Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ Hiệp định tài trợ số Cr. 5887-VN ngày 23 tháng 12 năm 2016 giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hiệp hội phát triển quốc tế tài trợ cho dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”, vay vốn Ngân hàng Thế giới;

Xét đề nghị của Tổng cục Quản lý đất đai tại Công văn số 999/TCQLĐĐ-BQLDAVILG ngày 8 tháng 5 năm 2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt sửa đổi, bổ sung kèm theo Quyết định này Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai” (Dự án VILG).

Quyết định này thay thế Quyết định số 1364/QĐ-BTNMT ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai” (Dự án VILG).

Điều 2. Tổng cục Quản lý đất đai có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan, tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo đảm bảo đúng quy định hiện hành và các điều ước quốc tế đã ký kết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch - Tài chính, Hợp tác quốc tế, Tổ chức cán bộ; Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham gia thực hiện Dự án VILG; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Các Bộ: KH&ĐT, TC;
- Lưu: VT, KHTC, LHa.

h *g*



KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Ký bởi: Bộ Tài
nguyên và Môi
trường

Cơ quan: Bộ Tài
nguyên và Môi
trường

Ngày ký: 20.05.2020

09:54:19 +07:00
* Lê Minh Ngân



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

**SỔ TAY HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN
DỰ ÁN TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI VÀ
CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI**

Năm 2020

GIỚI THIỆU

Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và CSDL đất đai” vay vốn ưu đãi của Ngân hàng Thế giới (Dự án VILG) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục Dự án tại Quyết định số 930/QĐ-TTg ngày 30 tháng 05 năm 2016 và được Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Thế giới ký Hiệp định tài trợ số 5887-VN ngày 23 tháng 12 năm 2016.

Sở tay Hướng dẫn thực hiện Dự án được xây dựng nhằm quy định các trình tự, thủ tục trong quản lý, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá triển khai Dự án VILG ở cấp Trung ương và địa phương. Sở tay được xây dựng dựa trên các quy định của Hiệp định tài trợ, Tài liệu thẩm định Dự án và các hướng dẫn quản lý thực hiện Dự án vay vốn của Ngân hàng Thế giới, Báo cáo nghiên cứu khả thi và các văn bản pháp lý có liên quan của Chính phủ Việt Nam.

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU	2
MỤC LỤC.....	3
CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ DỰ ÁN.....	1
1.1. Mục tiêu của Dự án.....	1
1.2. Các Hợp phần của Dự án	1
1.3. Phạm vi thực hiện Dự án	2
1.4. Thời gian thực hiện Dự án	4
1.5. Tổng mức đầu tư và cơ chế tài chính.....	4
1.6. Bài học, kinh nghiệm từ các dự án khác	5
CHƯƠNG II. TỔ CHỨC QUẢN LÝ DỰ ÁN.....	7
2.1. Các cơ quan tiếp nhận Dự án.....	7
2.2. Tổ chức thực hiện Dự án	7
2.3. Nguyên tắc quản lý, thực hiện Dự án	8
2.4. Trách nhiệm của các cơ quan tiếp nhận và thực hiện Dự án	8
2.5. Về nguồn lực quản lý và thực hiện Dự án	17
CHƯƠNG III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN	18
3.1. Hợp phần 1: Tăng cường chất lượng cung cấp dịch vụ đất đai.....	18
3.3. Hợp phần 3: Quản lý Dự án.....	51
CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO, TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC	61
4.1. Yêu cầu và đối tượng đào tạo	61
4.2. Nội dung đào tạo	62
4.3. Kế hoạch đào tạo	62
CHƯƠNG V. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG NÂNG CAO NHẬN THỨC CỘNG ĐỒNG	65
5.1. Tổng quan	65
5.2. Đối tượng của hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng	65
5.3. Nội dung tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng.....	66
5.4. Phương pháp, hình thức thực hiện.....	66
5.5. Huy động sự tham gia của người dân.....	66
5.6. Vấn đề giới	67
5.7. Các hoạt động chính cần thực hiện.....	67
CHƯƠNG VI. CHÍNH SÁCH AN TOÀN XÃ HỘI.....	69
6.1. Khung chính sách về DTTS của Việt Nam và NHTG	69
6.2. Khung DTTS của Dự án VILG	71
6.3. Các bước xây dựng và nội dung Kế hoạch phát triển DTTS cấp tỉnh.....	72

6.4. Giám sát nội bộ việc thực hiện Kế hoạch phát triển DTTS và lập báo cáo giám sát gửi CPMU và NHTG.....	73
6.5. Đánh giá việc thực hiện Kế hoạch phát triển DTTS sau khi kết thúc các hoạt động nêu trong Kế hoạch phát triển DTTS 6-12 tháng.	74
CHƯƠNG VII. CÔNG TÁC LẬP KẾ HOẠCH, THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ, BÁO CÁO.....	75
7.1. Công tác lập kế hoạch.....	75
7.2. Công tác giám sát, đánh giá Dự án.....	79
7.3. Chế độ báo cáo và Hệ thống theo dõi, đánh giá	85
CHƯƠNG VIII: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH.....	89
8.1. Giới thiệu	89
8.2. Trách nhiệm của các bên liên quan	89
8.3. Định mức và đơn giá	93
8.4. Thuế	94
CHƯƠNG IX. HƯỚNG DẪN ĐẦU THẦU	95
9. 1. Căn cứ pháp lý.....	95
9.2. Nguyên tắc và các điều kiện.....	96
9.3. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu	104
9.4. Tổ chức lựa chọn nhà thầu	115
9.5. Quản lý hợp đồng	115
9.6. Hệ thống theo dõi trao đổi thông tin đấu thầu (STEP).....	117
CHƯƠNG X. QUẢN TRỊ DỰ ÁN VÀ TĂNG CƯỜNG SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	119
10.1. Quản trị Dự án	119
10.2. Quy trình giải quyết khiếu nại, tranh chấp.....	124
10.3. Các biện pháp nhằm tăng cường quản trị Dự án, giảm thiểu nguy cơ gian lận và tham nhũng	131
DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC.....	132

TỪ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Nội dung
DTTS	Dân tộc thiểu số
BCĐ	Ban chỉ đạo
BQLDA	Ban Quản lý Dự án
Bộ TNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
CNTT	Công nghệ thông tin
CSDL	Cơ sở dữ liệu
DVKT	Dịch vụ kỹ thuật
GCN	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất
IDA	Vốn vay ưu đãi của Hiệp hội phát triển quốc tế
KHLCNT	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
LIS	Hệ thống thông tin đất đai
M&E	Theo dõi và Đánh giá
MPLIS	Hệ thống thông tin đất đai quốc gia đa mục tiêu
NHTG	Ngân hàng Thế giới
Sở TNMT	Sở Tài nguyên và Môi trường
TCQLĐĐ	Tổng cục Quản lý đất đai
TW	Trung ương
UBND	Ủy ban nhân dân
VILG	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và CSDL đất đai
VLAP	Dự án Hoàn thiện và hiện đại hóa Hệ thống quản lý đất đai Việt Nam
VPĐK	Văn phòng đăng ký đất đai
Cán bộ địa chính cấp cơ sở	Cán bộ Địa chính – Xây dựng – Đô thị và môi trường đối với phường, thị trấn; Cán bộ Địa chính – Nông nghiệp - Xây dựng và môi trường đối với xã

CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ DỰ ÁN

1.1. Mục tiêu của Dự án

- Mục tiêu tổng thể:

- Phát triển, vận hành một MPLIS nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của Chính phủ, doanh nghiệp, tổ chức và người dân.
- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả và minh bạch của công tác quản lý đất đai tại địa bàn thực hiện Dự án thông qua việc hoàn thiện CSDL đất đai.

- Mục tiêu cụ thể của Dự án:

- Xây dựng MPLIS trên cơ sở kiến trúc hệ thống, hạ tầng đồng bộ, phần mềm thống nhất trên toàn quốc.
- Hoàn thiện và vận hành CSDL đất đai quốc gia (dữ liệu địa chính, dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, dữ liệu giá đất, dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai,...) phục vụ công tác quản lý đất đai, cung cấp dịch vụ công về đất đai và chia sẻ thông tin đất đai với các ngành có liên quan (thuế, công chứng, quy hoạch, quản lý xây dựng và đô thị,...).
- Hoàn thiện việc cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai thông qua việc hiện đại hóa các Văn phòng đăng ký đất đai từ việc cải tiến quy trình, tiêu chuẩn dịch vụ tới việc trang bị thiết bị đầu - cuối của các Văn phòng đăng ký đất đai và đào tạo cán bộ.
- Nâng cao hiệu quả nhận thức của cộng đồng đối với công tác quản lý, xây dựng, vận hành hệ thống thông tin đất đai.

1.2. Các Hợp phần của Dự án

Dự án gồm 3 Hợp phần như sau:

Hợp phần 1: Tăng cường chất lượng cung cấp dịch vụ đất đai

Hợp phần 1 hỗ trợ hiện đại hóa và tăng cường chất lượng cung cấp dịch vụ công của các Văn phòng đăng ký đất đai, thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, xây dựng chiến lược và kế hoạch triển khai về quản lý sự thay đổi; triển khai các hoạt động đào tạo, truyền thông và kế hoạch phát triển DTTS của Dự án; tăng cường theo dõi, đánh giá việc quản lý, sử dụng đất để đảm bảo thi hành thống nhất Luật Đất đai.

Hợp phần này gồm 03 tiểu hợp phần:

- Tiểu hợp phần 1.1. Hiện đại hóa và tăng cường chất lượng cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai
- Tiểu hợp phần 1.2. Đào tạo, truyền thông và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển DTTS;
- Tiểu hợp phần 1.3. Theo dõi, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất.

Hợp phần 2: Xây dựng CSDL đất đai và triển khai MPLIS

Hợp phần 2 hỗ trợ xây dựng nền tảng kỹ thuật hiện đại để hỗ trợ cho công tác quản lý đất đai, chia sẻ và cung cấp thông tin đất đai cho các ngành, lĩnh vực và cung cấp dịch vụ công cho các đối tượng có nhu cầu, tiến tới xây dựng chính phủ điện tử trong lĩnh vực đất đai thông qua việc phát triển một hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu, được vận hành theo một hệ thống thống nhất, cho phép các ngành kinh tế - xã hội khai thác như là một nguồn dữ liệu đầu vào để xây dựng định hướng phát triển cũng như hỗ trợ các hoạt động có liên quan của ngành, lĩnh vực đó, cho phép người dân truy cập để nắm bắt thông tin.

Hợp phần này gồm 03 tiểu hợp phần:

- Tiểu hợp phần 2.1. Triển khai MPLIS;
- Tiểu hợp phần 2.2. Xây dựng CSDL đất đai quốc gia;
- Tiểu hợp phần 2.3. Tăng cường sự tham gia của người dân, doanh nghiệp và liên thông dữ liệu giữa các cấp, các ngành.

Hợp phần 3: Quản lý Dự án

Hợp phần 3 hỗ trợ việc điều phối, quản lý, theo dõi, giám sát và đánh giá Dự án, đảm bảo đạt được mục tiêu của Dự án một cách hiệu quả và bền vững hơn. Hợp phần này gồm 2 tiểu hợp phần:

- *Tiểu hợp phần 3.1. Hỗ trợ quản lý Dự án;*
- *Tiểu hợp phần 3.2. Theo dõi và đánh giá Dự án.*

1.3. Phạm vi thực hiện Dự án

Dự án được thực hiện trên phạm vi 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhằm xây dựng MPLIS trên cơ sở kiến trúc hệ thống, hạ tầng đồng bộ, phần mềm thống nhất trên toàn quốc.

1.3.1. Nhóm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được đầu tư xây dựng CSDL

a) Tiêu chí chính để lựa chọn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được đầu tư xây dựng CSDL

Trong quá trình chuẩn bị Dự án, để lựa chọn các tỉnh thành phố để đầu tư xây dựng CSDL, các tiêu chí lựa chọn địa bàn tham gia Dự án đã được xây dựng và tham vấn các cơ quan có liên quan. Cụ thể các nhóm tiêu chí chính như sau:

(i) *Nhóm tiêu chí định lượng:* dựa trên thống kê về kết quả thực hiện công tác quản lý đất đai trên địa bàn các tỉnh, bao gồm các tiêu chí: tỷ lệ số thửa đã có bản đồ địa chính chính quy, tỷ lệ Giấy chứng nhận đã cấp, tỷ lệ hoàn thành hồ sơ địa chính, số lượng giao dịch đất đai, ngân sách Nhà nước cấp, số thu từ đất, mức đầu tư kinh phí của địa phương cho nhiệm vụ quản lý đất đai cao trong các năm gần đây.

(ii) *Nhóm tiêu chí định tính*: là các tiêu chí đánh giá về sự sẵn sàng và phối hợp của các địa phương, bao gồm các tiêu chí: mức độ tuân thủ về chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, mức độ hợp tác, phối hợp công việc, mức độ sẵn sàng thực hiện Dự án.

(iii) *Nhóm tiêu chí về nhu cầu, tiềm năng*: có nhu cầu cao đối với thông tin đất đai, có tiềm năng phát triển kinh tế-xã hội, có tiềm năng phát triển thị trường quyền sử dụng đất và thị trường bất động sản, có khả năng tạo ra các tác động lan tỏa.

(iv) *Nhóm tiêu chí về cam kết*: có cam kết thực hiện Dự án, có năng lực thực hiện Dự án, có cam kết bố trí nguồn lực tài chính và con người để tiếp nhận và khai thác hệ thống, tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống sau khi tiếp nhận kết quả từ Dự án.

(v) *Nhóm tiêu chí về điều kiện kinh tế-xã hội*: điều kiện kinh tế-xã hội kém phát triển, địa bàn chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, địa bàn phát triển về nông sản như chuyên sản xuất lúa, cà phê,...

(vi) *Nhóm tiêu chí về vị trí địa lý*: mang tính đại diện vùng, miền, lựa chọn mỗi vùng (Bắc - Trung - Nam) một số tỉnh làm trọng tâm để nhân rộng mô hình, có thể sắp xếp các tỉnh thành các nhóm tỉnh có vị trí địa lý gần nhau để dễ thực hiện công tác quản lý Dự án sau này.

(vii) *Nhóm tiêu chí về hiệu quả đầu tư*: không lựa chọn các địa bàn đang có Dự án đầu tư, lựa chọn một số tỉnh đã tham gia Dự án Hoàn thiện và hiện đại hóa Hệ thống quản lý đất đai Việt Nam (Dự án VLAP) để tiếp tục hoàn thiện ở mức độ nâng cao các kết quả của Dự án VLAP.

(viii) *Nhóm tiêu chí mở*: sau khi cân đối nguồn kinh phí, nếu còn dư sẽ tiếp tục lựa chọn các tỉnh, huyện khác.

b) Danh sách 33 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được đầu tư xây dựng CSDL gồm:

- Khu vực Miền Bắc (14 tỉnh): Thái Nguyên, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Cao Bằng, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hà Nam, Lào Cai, Sơn La, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Yên Bái, Hải Phòng;

- Khu vực Miền Trung, Tây Nguyên (10 tỉnh): Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, Nghệ An, Phú Yên, Lâm Đồng, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Đắk Lắk;

- Khu vực Miền Nam (9 tỉnh): Vĩnh Long, An Giang, Kiên Giang, Cần Thơ, Long An, Tây Ninh, Trà Vinh, Tiền Giang, Bến Tre.

Số lượng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được đầu tư xây dựng CSDL đất đai sẽ được quyết định sau khi Bộ Tài chính thực hiện thẩm định khả năng trả nợ của ngân sách cấp tỉnh. Việc xem xét, mở rộng thêm phạm vi Dự án sẽ được cân nhắc khi tiến hành đánh giá giữa kỳ hoặc khi có nhu cầu phát sinh, được sự phê duyệt của Chính phủ Việt Nam và NHTG.

1.3.2. Nhóm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không được đầu tư xây dựng CSDL

Tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không được đầu tư xây dựng CSDL đất đai trong phạm vi Dự án, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở TNMT thành lập Tổ công tác tiếp nhận Hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu (MPLIS).

1.4. Thời gian thực hiện Dự án

Dự án được thực hiện trong thời gian 5 năm, từ 2017-2022 (các hoạt động sử dụng vốn IDA kết thúc năm 2021).

1.5. Tổng mức đầu tư và cơ chế tài chính

Tổng mức đầu tư: 180.000.000 Đô la Mỹ, trong đó:

- Vốn vay IDA của NHTG: 150.000.000 Đô la Mỹ
- Vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam: 30.000.000 Đô la Mỹ

Cơ chế tài chính áp dụng trong Dự án được thực hiện theo cơ chế Chính phủ hỗ trợ cấp phát và cho vay lại một phần từ nguồn vốn vay ưu đãi của Hiệp hội phát triển quốc tế (IDA) - NHTG.

Tại Trung ương: các hoạt động do Bộ TNMT thực hiện sẽ áp dụng theo cơ chế cấp phát ngân sách Nhà nước từ nguồn vốn vay NHTG.

Tại địa phương: các hoạt động thuộc nhiệm vụ chi của các địa phương có xây dựng cơ sở dữ liệu được Chính phủ hỗ trợ cấp phát và cho vay lại một phần từ nguồn vốn vay NHTG.

BẢNG CƠ CẤU NGUỒN VỐN DỰ ÁN VILG

Đơn vị tính: 1.000 Đô la Mỹ

STT	Hoạt động	Tổng kinh phí của toàn dự án			Trong đó:					
		Tổng số	IDA	CP	Trung ương			các tỉnh, thành phố		
					Tổng	IDA	CP	Tổng	IDA	CP
	Tổng	180.000,00	150.000,00	30.000,00	38.009,95	31.915,44	6.094,51	141.990,05	118.084,56	23.905,49
C1	Hợp phần 1: Tăng cường chất lượng cung cấp dịch vụ đất đai	6.497,40	3.986,48	2.510,92	2.715,92	745	1.970,92	3.781,48	3.241,48	540
C1.1	Hiện đại hóa và tăng cường chất lượng cung cấp dịch vụ của Văn phòng đăng ký đất đai	4.310,48	3.281,48	1.029,00	1.069,00	40	1.029,00	3.241,48	3.241,48	-
C1.2	Đào tạo, truyền thông và tổ chức kế hoạch phát triển DTTS	1.338,92	255	1.083,92	798,92	255	543,92	540	-	540
C1.3	Theo dõi, đánh giá tình hình quản lý sử dụng đất	848	450	398	848	450	398	-	-	-
C2	Hợp phần 2: Xây dựng CSDL đất đai và triển khai LIS quốc gia đa mục tiêu (MPLIS)	158.107,47	139.368,88	18.738,59	30.079,69	27.794,54	2.285,15	128.027,78	111.574,34	16.453,44
C2.1	Triển khai LIS đa mục tiêu	37.444,35	36.548,18	896,17	27.190,71	26.294,54	896,17	10.253,64	10.253,64	-
C2.2	Xây dựng CSDL đất đai quốc gia	119.163,12	101.320,70	17.842,42	1.388,98	-	1.388,98	117.774,14	101.320,70	16.453,44
C2.3	Tăng cường sự tham gia của người dân, doanh nghiệp và liên thông dữ liệu giữa các cấp, các ngành	1.500,00	1.500,00	-	1.500,00	1.500,00	-	-	-	-
C3	Hợp phần 3: Hỗ trợ quản lý dự án	15.395,13	6.644,64	8.750,49	5.214,34	3.375,90	1.838,44	10.180,79	3.268,74	6.912,05
C3.1	Chi phí quản lý dự án	13.553,13	5.141,64	8.411,49	4.137,34	2.343,90	1.793,44	9.415,79	2.797,74	6.618,05
C3.2	Hoạt động về M&E	1.264,00	970	294	970	970	-	294	-	294
C3.3	Chi phí dự phòng	578	533	45	107	62	45	471	471	

(Chi tiết kinh phí cho từng hoạt động tại Phụ đính 8.6)

1.6. Bài học, kinh nghiệm từ các dự án khác

Các kinh nghiệm chủ yếu từ Dự án VLAP và các dự án khác bao gồm:

- Các dự án về quản lý đất đai phải đối mặt với các thách thức phức tạp. Kinh nghiệm triển khai các dự án về quản lý đất đai tại Việt Nam và trong khu vực (ví dụ như ở Indonesia, Philippines) đã chỉ ra rằng các dự án đất đai tiềm ẩn nhiều phức tạp liên quan đến các yếu tố và sự can thiệp về chính trị, pháp lý, thể chế, kỹ thuật và xã

hội. Do đó, sự can thiệp trong quản trị về đất đai cần được hiểu như là một sự can thiệp dài hạn được hỗ trợ qua các dự án kế tiếp.

- Sự thay đổi trong cách tiếp cận về các giải pháp kỹ thuật được đánh giá là khá khó khăn. Điều này xuất phát từ thực tế là cần mất khá nhiều thời gian cho việc thay đổi tư duy quản lý, hạn chế về tiếp cận với các công nghệ mới, hạn chế về nguồn lực đầu tư cho cơ sở hạ tầng, phần mềm, phần cứng. Do vậy, sự thay đổi nên được áp dụng, thí điểm theo từng giai đoạn, trên cơ sở đúc kết kinh nghiệm để nhân rộng ở phạm vi lớn hơn. Mặt khác, mục tiêu của dự án về việc hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả, tính minh bạch và bền vững trong quản lý đất đai cũng yêu cầu dự án phải đổi mới, hợp lý hóa các quy trình nghiệp vụ thông qua việc đẩy nhanh áp dụng khoa học, công nghệ hiện đại trong lĩnh vực quản lý đất đai (ví dụ như số hóa, tin học hóa, phát triển cơ sở hạ tầng dữ liệu không gian,...).

- Việc xây dựng hệ thống tiêu chí lựa chọn các tỉnh và huyện tham gia dự án đóng vai trò quan trọng nhằm đảm bảo hiệu quả và tính bền vững của dự án. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các huyện thuộc mỗi tỉnh của dự án thường rất khác nhau về điều kiện kinh tế - xã hội, môi trường cũng như các cam kết, năng lực và nguồn lực. Do vậy, trong giai đoạn đầu, dự án VILG sẽ tập trung vào những khu vực đã sẵn sàng và có khả năng tốt nhất để triển khai.

- Sự hỗ trợ và tham gia mạnh mẽ của cộng đồng, bao gồm các nhóm dễ bị tổn thương (DTTS, phụ nữ) là yếu tố quan trọng để triển khai hệ thống quản lý đất đai bền vững. Dự án VILG xây dựng dựa trên sự thành công từ dự án VLAP về việc phát huy được sự tham gia tích cực, chủ động của các nhóm này.

- Việc xây dựng và triển khai có hiệu quả kế hoạch xây dựng năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý dự án là nền tảng để triển khai dự án thành công. Dự án VILG sẽ triển khai hoạt động này với mục tiêu tăng cường và hỗ trợ bền vững cho việc tăng cường năng lực cho cán bộ ở cấp Trung ương và địa phương.

Cam kết và sự hỗ trợ của NHTG và các nhà tài trợ tiềm năng khác trong lĩnh vực đất đai đóng vai trò chủ yếu trong việc đảm bảo nguồn lực cho triển khai dự án. Cơ quan chủ quản, Chủ dự án cấp trung ương đóng vai trò là các đơn vị kết nối, huy động nguồn tài trợ cho Dự án.

CHƯƠNG II. TỔ CHỨC QUẢN LÝ DỰ ÁN

2.1. Các cơ quan tiếp nhận Dự án

2.1.1. Tại Trung ương

- Cơ quan chủ quản Dự án thực hiện nhiệm vụ ở cấp Trung ương là Bộ TNMT. Bộ TNMT chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều phối việc triển khai Dự án và kiểm tra giám sát chung việc thực hiện toàn bộ Dự án, chịu trách nhiệm về việc quản lý thực hiện Dự án đảm bảo sử dụng đúng mục đích nguồn vốn tài trợ cho Dự án và đạt được mục tiêu theo Hiệp định tài trợ đã được ký kết; đồng thời là cơ quan chủ quản dự án đối với Hợp phần do trung ương thực hiện.

- Chủ Dự án của nhiệm vụ Dự án thực hiện ở cấp Trung ương là Tổng cục QLDD (Tổng cục QLDD) trực thuộc Bộ TNMT. Tổng cục QLDD thực hiện nhiệm vụ chủ Dự án đối với phần nội dung thực hiện ở cấp Trung ương đồng thời giúp Bộ TNMT thực hiện chức năng chỉ đạo, điều phối, theo dõi, giám sát và báo cáo việc triển khai toàn bộ Dự án.

2.1.2. Tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được đầu tư xây dựng CSDL đất đai

- Cơ quan chủ quản của nhiệm vụ Dự án thực hiện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được đầu tư xây dựng CSDL đất đai là UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Chủ quản Dự án chịu trách nhiệm chung trong việc chỉ đạo việc thực hiện tại địa phương nhằm đạt được các mục tiêu và đảm bảo việc sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư của Dự án.

- Chủ Dự án thực hiện tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được đầu tư xây dựng CSDL đất đai là Sở TNMT.

2.2. Tổ chức thực hiện Dự án

2.2.1. Tại cấp Trung ương

Bộ TNMT thành lập BCĐ Dự án cấp quốc gia (BCĐ cấp quốc gia) do Lãnh đạo Bộ TNMT làm Trưởng Ban. Tổng cục QLDD thành lập Ban quản lý Dự án cấp Trung ương (BQLDA VILG cấp Trung ương). BQLDA VILG cấp Trung ương do một Lãnh đạo Tổng cục QLDD làm Giám đốc, có trách nhiệm giúp Tổng cục QLDD quản lý và triển khai việc thực hiện Dự án tại Trung ương và giúp Tổng cục QLDD thực hiện chức năng điều phối, chỉ đạo, giám sát, theo dõi và báo cáo việc triển khai toàn bộ Dự án. BQLDA VILG cấp Trung ương được bố trí cán bộ từ Tổng cục QLDD, đồng thời thuê tuyển cán bộ hợp đồng với các vị trí nhân sự cần thiết phục vụ việc triển khai Dự án.

2.2.2. Tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được đầu tư xây dựng CSDL đất đai

UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là UBND cấp tỉnh) thành lập: BCĐ Dự án cấp tỉnh (BCĐ cấp tỉnh) do Lãnh đạo UBND tỉnh làm Trưởng ban và Ban quản lý Dự án cấp tỉnh (BQLDA cấp tỉnh) do Lãnh đạo Sở TNMT

làm Giám đốc. BQLDA cấp tỉnh có trách nhiệm giúp Sở TNMT quản lý và triển khai việc thực hiện Dự án tại địa phương và được bố trí cán bộ từ Sở TNMT, đồng thời thuê tuyển cán bộ hợp đồng với các vị trí nhân sự cần thiết phục vụ việc triển khai Dự án.

Khi Dự án triển khai trên địa bàn huyện, BCD cấp tỉnh sẽ chỉ đạo UBND cấp huyện phối hợp và hỗ trợ trong quá trình triển khai Dự án trên địa bàn.

Ủy ban nhân dân cấp xã tham gia xây dựng CSDL được tiếp nhận một số thiết bị và được đào tạo để tham gia khai thác hệ thống thông tin đất đai

2.2.3. Tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không được đầu tư xây dựng CSDL đất đai

Đối với những tỉnh không được đầu tư xây dựng CSDL đất đai, thành lập Tổ công tác tiếp nhận hệ thống MPLIS trực thuộc Sở TNMT, có trách nhiệm phối hợp tiếp nhận, tổ chức vận hành và khai thác sử dụng hệ thống MPLIS theo mô hình CSDL đất đai quốc gia thống nhất được xây dựng và triển khai trong Dự án.

2.3. Nguyên tắc quản lý, thực hiện Dự án

- Các cơ quan chủ quản Dự án gồm Bộ TNMT và UBND cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện cụ thể để thực hiện ủy quyền cho các cơ quan Chủ dự án tổ chức, quản lý, triển khai dự án theo quy định của pháp luật.

- Trách nhiệm quản lý và thực hiện Dự án giữa Trung ương và địa phương phải được quy định rõ ràng, cụ thể nhằm đạt được mục tiêu của Dự án và sử dụng hiệu quả các nguồn lực Dự án.

- Bộ máy tổ chức thực hiện Dự án (BQLDA cấp Trung ương và cấp tỉnh) sẽ được trang bị các phương tiện làm việc phù hợp, bố trí nhân sự có năng lực và trụ sở làm việc.

- Trưởng BCD cấp quốc gia và cấp tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của BCD; Tổng cục Quản lý đất đai ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của BQLDA cấp Trung ương; Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của BQLDA cấp tỉnh.

2.4. Trách nhiệm của các cơ quan tiếp nhận và thực hiện Dự án

2.4.1. BCD Dự án

2.4.1.1. BCD Dự án cấp quốc gia

- Thành phần:

BCD cấp quốc gia bao gồm các thành viên sau đây:

+ Trưởng BCD và Phó BCD: Do Bộ trưởng Bộ TNMT quyết định.

+ Các ủy viên BCD: Đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Bộ TNMT, đại diện Lãnh đạo BQLDA, đại diện các Bộ, ngành; đại diện lãnh đạo UBND và Sở TNMT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham gia thực hiện Dự án.

Trong quá trình triển khai Dự án, thành phần của BCD Quốc gia có thể được thay đổi theo yêu cầu của Dự án và chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ TNMT.

- *Vai trò:*

+ Tham mưu cho Bộ trưởng Bộ TNMT chỉ đạo, giám sát các hoạt động Dự án để đảm bảo đạt mục tiêu của Dự án.

+ Tham mưu cho Bộ trưởng Bộ TNMT thực hiện nhiệm vụ của cơ quan điều hành, chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều phối việc triển khai và kiểm tra giám sát chung việc thực hiện toàn bộ Dự án, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về cơ chế chính sách trong quá trình triển khai Dự án nhằm đạt được mục tiêu phát triển tổng thể của Dự án.

- *Nhiệm vụ:*

+ Điều phối và duy trì mối quan hệ giữa Bộ TNMT với các Bộ, ngành có liên quan và các BCD cấp tỉnh để tổ chức triển khai Dự án;

+ Chỉ đạo việc: xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện, quản lý và sử dụng nguồn vốn viện trợ nước ngoài và nguồn vốn đối ứng, huy động các nguồn lực khác để thực hiện Dự án;

+ Giám sát, đánh giá tiến độ, kết quả thực hiện các hoạt động của toàn bộ Dự án và tháo gỡ các vướng mắc trong quá trình thực hiện Dự án; đề xuất những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung trong thiết kế Dự án (nếu cần thiết).

+ Bảo đảm thông tin và sự tham gia của các bên có liên quan vào hoạt động của Dự án một cách hiệu quả.

Chế độ làm việc: BCD cấp quốc gia làm việc theo quy định tại Quy chế hoạt động của BCD do Trưởng BCD cấp quốc gia ban hành hoặc theo kế hoạch phù hợp với tình hình triển khai thực tế.

2.4.1.2. BCD Dự án cấp tỉnh

- *Thành phần:*

BCD cấp tỉnh bao gồm các thành viên sau đây:

+ Trưởng BCD: Lãnh đạo UBND cấp tỉnh.

+ Phó BCD: Lãnh đạo Sở TNMT.

+ Các ủy viên BCD: Đại diện lãnh đạo các Sở, ngành và đại diện lãnh đạo UBND các huyện tham gia Dự án.

- *Vai trò:*

BCD cấp tỉnh là tổ chức giúp Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố thực hiện nhiệm vụ của Chủ quản Dự án đối với nội dung đầu tư trực tiếp cho tỉnh, chỉ đạo việc tiếp nhận và tổ chức thực hiện Dự án đạt mục tiêu và hiệu quả của Hiệp định tài trợ đã được ký kết giữa Chính phủ Việt Nam và NHTG.

- *Nhiệm vụ:*

+ Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm của Dự án đảm bảo tuân thủ thiết kế tổng thể và mục tiêu chung của Dự án;

+ Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các ngành, địa phương có liên quan triển khai thực hiện các hoạt động của Dự án tại địa phương;

+ Chỉ đạo việc quản lý và sử dụng nguồn vốn vay ưu đãi nước ngoài và huy động nguồn vốn đối ứng để thực hiện Dự án theo các quy định hiện hành; phân bổ các nguồn vốn để sử dụng đúng mục tiêu và kế hoạch đã được duyệt;

+ Chỉ đạo việc đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động của Dự án tại địa phương;

- *Chế độ làm việc*: BCD cấp tỉnh làm việc theo quy định tại Quy chế hoạt động của BCD do Trưởng BCD cấp tỉnh ban hành hoặc theo kế hoạch phù hợp với tình hình triển khai thực tế.

2.4.2. Cơ quan chủ quản Dự án

2.4.2.1 Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Quyết định thành lập BCD Dự án cấp quốc gia; quyết định thành lập bộ máy quản lý thực hiện Dự án ở cấp Trung ương.

- Phối hợp với các Bộ, ngành để chỉ đạo việc thực hiện dự án;

- Phê duyệt kế hoạch thực hiện Dự án trung hạn 5 năm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm.

- Phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện Dự án; phê duyệt kế hoạch thực hiện và kế hoạch đấu thầu hàng năm của hợp phần Trung ương.

- Chỉ đạo công tác đấu thầu theo quy định của pháp luật hiện hành, quy định về đấu thầu của NHTG và trong Hiệp định tài trợ.

- Hướng dẫn thực hiện, giám sát và đánh giá tình hình thực hiện, đảm bảo Dự án thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và đạt mục tiêu đề ra thuộc thẩm quyền quản lý của mình theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

- Tổ chức nghiệm thu dự án hoàn thành, bàn giao đóng gói Dự án.

- Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Hiệp định tài trợ.

2.4.2.2 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Quyết định thành lập BCD và bộ máy quản lý thực hiện Dự án tại cấp tỉnh.

- Phê duyệt kế hoạch thực hiện Dự án trung hạn 5 năm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm tại cấp tỉnh.

- Phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện Dự án; phê duyệt kế hoạch thực hiện, kế hoạch đấu thầu hàng năm Dự án ở cấp tỉnh.

- Chỉ đạo công tác đấu thầu theo quy định của pháp luật hiện hành, quy định về đấu thầu của NHTG và trong Hiệp định tài trợ.

- Hướng dẫn, giám sát và đánh giá tình hình thực hiện, đảm bảo Dự án thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và đạt mục tiêu đề ra thuộc thẩm quyền quản lý của mình theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

- Cơ quan chủ quản Dự án của các tỉnh được đầu tư xây dựng CSDL đất đai có trách nhiệm ký hợp đồng và hoàn trả đầy đủ, kịp thời vốn vay lại theo các điều kiện vay lại đã ký kết.

- Tổ chức nghiệm thu dự án hoàn thành, bàn giao đóng gói Dự án.

- Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Hiệp định tài trợ.

2.4.3. Cơ quan chủ Dự án

2.4.3.1 Tổng cục QLDD

- Tổ chức bộ máy quản lý và thực hiện Dự án cấp Trung ương trên cơ sở quyết định của cơ quan chủ quản.

- Chịu trách nhiệm về quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư cho Dự án từ khi chuẩn bị, thực hiện đến khi đưa chương trình, dự án vào khai thác, sử dụng.

- Tổng hợp và trình cơ quan chủ quản phê duyệt kế hoạch công trung hạn 5 năm, kế hoạch tổng thể, kế hoạch thực hiện và kế hoạch đấu thầu hàng năm của hợp phần Trung ương theo quy định.

- Phê duyệt kế hoạch hoạt động chi tiết đến từng quý, phục vụ công tác điều hành, giám sát và đánh giá Dự án.

- Thực hiện công tác đấu thầu theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu của Chính phủ Việt Nam và NHTG; phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu do cấp Trung ương thực hiện.

- Ký kết hoặc ủy quyền ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu.

- Thực hiện giám sát và đánh giá Dự án theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo Dự án thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và đạt mục tiêu đề ra, theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

- Tổ chức nghiệm thu niên độ, nghiệm thu dự án hoàn thành, bàn giao đóng gói Dự án.

- Chỉ đạo BQLDA lập báo cáo kết thúc và báo cáo quyết toán Dự án; kiểm toán và bàn giao tài sản, tài liệu đầu ra của Dự án và tuân thủ quy định về đóng cửa Dự án tại Hiệp định tài trợ. Lưu trữ hồ sơ tài liệu về Dự án theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan chủ dự án chịu trách nhiệm tiếp nhận, vận hành và duy tu hệ thống MPLIS và CSDL đất đai do cấp mình xây dựng; ngoài ra cơ quan chủ dự án Trung ương có trách nhiệm quản trị thống nhất đối với hệ thống MPLIS và CSDL của địa phương xây dựng và quản lý.

- Chịu trách nhiệm về thất thoát, lãng phí, tham nhũng và sai phạm thuộc thẩm quyền trong công tác tổ chức quản lý thực hiện Dự án gây thiệt hại về kinh tế, xã hội, môi trường, ảnh hưởng đến mục tiêu và hiệu quả chung của Dự án.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Hiệp định tài trợ.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan chủ quản trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2.4.3.2. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tổ chức bộ máy quản lý và thực hiện Dự án cấp tỉnh trên cơ sở quyết định của cơ quan chủ quản.

- Chịu trách nhiệm về quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư cho Dự án từ khi chuẩn bị, thực hiện đến khi đưa chương trình, dự án vào khai thác, sử dụng.

- Tổng hợp và trình cơ quan chủ quản phê duyệt kế hoạch công trung hạn 5 năm, kế hoạch tổng thể, kế hoạch thực hiện và kế hoạch đấu thầu hàng năm của hợp phần địa phương theo quy định.

- Phê duyệt kế hoạch hoạt động chi tiết đến từng quý, phục vụ công tác điều hành, giám sát và đánh giá Dự án.

- Thực hiện công tác đấu thầu theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu của Chính phủ Việt Nam và NHTG, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu do cấp tỉnh thực hiện.

- Ký kết hoặc ủy quyền ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu.

- Thực hiện giám sát và đánh giá Dự án theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo Dự án thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và đạt mục tiêu đề ra, theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

- Tổ chức nghiệm thu niên độ, nghiệm thu dự án hoàn thành, bàn giao đóng gói Dự án.

- Chỉ đạo BQLDA lập báo cáo kết thúc và báo cáo quyết toán Dự án; kiểm toán và bàn giao tài sản, tài liệu đầu ra của Dự án và tuân thủ quy định về đóng cửa Dự án tại Hiệp định tài trợ. Lưu trữ hồ sơ tài liệu về Dự án theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan chủ dự án chịu trách nhiệm tiếp nhận, vận hành và duy tu hệ thống MPLIS và CSDL đất đai do cấp mình xây dựng; ngoài ra cơ quan chủ dự án Trung ương có trách nhiệm quản trị thống nhất đối với hệ thống MPLIS và CSDL của địa phương xây dựng và quản lý.

- Chịu trách nhiệm về thất thoát, lãng phí, tham nhũng và sai phạm thuộc thẩm quyền trong công tác tổ chức quản lý thực hiện Dự án gây thiệt hại về kinh tế, xã hội, môi trường, ảnh hưởng đến mục tiêu và hiệu quả chung của Dự án.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Hiệp định tài trợ.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan chủ quản trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2.4.4. Ban quản lý Dự án

2.4.4.1. Ban Quản lý Dự án cấp Trung ương

BQLDA VILG cấp Trung ương bao gồm các cán bộ là công chức, viên chức và người lao động thuộc các đơn vị trực thuộc Tổng cục QLĐĐ, các chuyên gia trong nước, quốc tế được thuê tuyển.

Trách nhiệm của các vị trí nhân sự chủ chốt của BQLDA VILG cấp Trung ương cụ thể như sau:

- Giám đốc Dự án: chịu trách nhiệm quản lý và giám sát toàn bộ các hoạt động của Dự án. Phân công trách nhiệm cho các Phó Giám đốc chỉ đạo, giải quyết các nội dung công việc cụ thể về CSDL đất đai, Công nghệ thông tin, Kế hoạch - tổng hợp, công tác đấu thầu, Tài chính - Kế toán.

- Các Phó Giám đốc Dự án: chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung công việc theo phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc Dự án.

- Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán của Dự án: giúp Chủ tài khoản thực hiện các nghiệp vụ kế toán, tài chính liên quan đến nguồn vốn thực hiện Dự án và chịu trách nhiệm hướng dẫn hoạt động về Tài chính - Kế toán, kiểm toán, giải ngân của Dự án

- Các vị trí chuyên gia trong nước và quốc tế được thuê tuyển làm việc theo chế độ hợp đồng.

Trong quá trình triển khai Dự án, BQLDA cấp TW tổ chức nhân sự thành các Nhóm chức năng để đảm bảo triển khai dự án phù hợp với tình hình thực tế, đạt được các mục tiêu của Dự án.

Mô hình tổ chức Dự án được thể hiện qua sơ đồ sau:

- + Thực hiện các hoạt động liên quan đến đấu thầu theo quy định của pháp luật và nhà tài trợ;
- + Thực hiện ký kết và quản lý việc thực hiện hợp đồng với nhà thầu theo ủy quyền;
- + Giải ngân, quản lý tài chính và tài sản của Dự án;
- + Theo dõi, giám sát và đánh giá tình hình thực hiện Dự án tại địa phương; hướng dẫn về công tác đấu thầu; kế hoạch tài chính; các nội dung kỹ thuật và tổ chức thực hiện dự án;
- + Chuẩn bị hồ sơ nghiệm thu theo niên độ, nghiệm thu dự án hoàn thành và bàn giao kết quả đầu ra của Dự án; hoàn tất công tác kiểm toán, bàn giao tài sản của Dự án; lập báo cáo kết thúc và báo cáo quyết toán Dự án; thực hiện quy định về đóng cửa Dự án tại Điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với Dự án;
- + Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Trưởng BCD và Tổng Cục trưởng Tổng cục QLDD trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- + Thực hiện các nhiệm vụ khác trong khuôn khổ Dự án do chủ Dự án giao;
- + Nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Hiệp định tài trợ.

- Chế độ làm việc :

BQLDA VILG cấp Trung ương làm việc theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của BQLDA do Tổng Cục trưởng Tổng cục QLDD ban hành.

2.4.4.2. Ban Quản lý Dự án cấp tỉnh

Ban Quản lý Dự án cấp tỉnh gồm có 01 Giám đốc và 01 Phó Giám đốc và các ủy viên là các cán bộ thuộc các cơ quan, đơn vị thuộc Sở TNMT, các cán bộ hợp đồng.

- BQLDA cấp tỉnh dự kiến được tổ chức thành các Nhóm chức năng như sau:

- + Nhóm kỹ thuật;
- + Nhóm kế hoạch - tài chính;
- + Nhóm tuyên truyền, đào tạo, nâng cao nhận thức cộng đồng.

Trong quá trình triển khai Dự án, các nhóm chức năng có thể được điều chỉnh, kiện toàn để phù hợp với tình hình thực tế, theo yêu cầu nhiệm vụ, công việc của BQLDA.

- Vai trò:

+ Giúp UBND cấp tỉnh, cơ quan chủ quản Dự án cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát nội dung Dự án trên địa bàn tỉnh;

+ Giúp Sở TNMT thực hiện nhiệm vụ của chủ Dự án đối với nội dung Dự án đầu tư cho cấp tỉnh.

- Nhiệm vụ:

Các nhiệm vụ cụ thể của BQLDA cấp tỉnh sẽ được quy định trong văn bản giao nhiệm vụ/ủy quyền của cơ quan chủ quản/chủ dự án. Các nhiệm vụ chính dự kiến bao gồm:

- + Lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch thực hiện, kế hoạch tài chính, kế hoạch đấu thầu hàng năm của hợp phần địa phương trình Sở TNMT;
- + Chuẩn bị thực hiện và tổ chức triển khai Dự án;
- + Thực hiện các hoạt động liên quan đến đấu thầu theo quy định của pháp luật và nhà tài trợ;
- + Thực hiện ký kết và quản lý việc thực hiện hợp đồng với nhà thầu theo ủy quyền.
- + Giải ngân, quản lý tài chính và tài sản của Dự án;
- + Theo dõi và đánh giá tình hình thực hiện Dự án;
- + Chuẩn bị hồ sơ nghiệm thu theo niên độ, nghiệm thu dự án hoàn thành và bàn giao kết quả đầu ra của Dự án; hoàn tất công tác kiểm toán, bàn giao tài sản của Dự án; lập báo cáo kết thúc và báo cáo quyết toán Dự án; thực hiện quy định về đóng cửa Dự án tại Điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với Dự án;
- + Thực hiện các nhiệm vụ khác trong khuôn khổ Dự án do chủ Dự án giao;
- + Nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Hiệp định tài trợ của Dự án;
- + Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan chủ quản, chủ dự án trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quản lý, thực hiện Dự án vay vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- *Chế độ làm việc:*

BQLDA cấp tỉnh làm việc theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của BQLDA do Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành và theo kế hoạch phù hợp với các quy định hiện hành của Pháp luật.

2.4.5. Tổ công tác tiếp nhận hệ thống MPLIS

- Tổ công tác tiếp nhận hệ thống MPLIS được thành lập để phối hợp BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức thực hiện các hoạt động của Dự án tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không được đầu tư xây dựng CSDL.

- Tổ công tác tiếp nhận hệ thống MPLIS có trách nhiệm phối hợp tiếp nhận, tổ chức vận hành và khai thác sử dụng hệ thống MPLIS theo mô hình CSDL đất đai quốc gia thống nhất được xây dựng và triển khai trong Dự án.

2.4.6. Văn phòng Đăng ký đất đai

VPĐK là cơ quan được tiếp nhận đầu tư của Dự án để hoàn thiện việc cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai thông qua việc hiện đại hóa từ việc cải tiến quy trình, tiêu chuẩn dịch vụ tới việc trang bị thiết bị đầu - cuối của các VPĐK và đào tạo cán bộ.

Ngoài ra, VPĐK cũng là đơn vị tham gia thực hiện một phần công việc của Dự án trong các gói thầu dịch vụ kỹ thuật và là đơn vị thụ hưởng sản phẩm của các gói thầu dịch vụ kỹ thuật được triển khai trên địa bàn của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó; đồng thời, chịu trách nhiệm quản lý, vận hành, bảo trì CSDL, thực hiện việc cung cấp thông tin đất đai cho các đối tượng theo quy định của pháp luật.

2.4.7. Các nhà thầu tham gia thực hiện các gói thầu của Dự án

Các đơn vị thi công, các nhà thầu thực hiện việc ký kết hợp đồng và hạch toán kinh tế theo quy định của pháp luật; được thanh toán theo giá hoặc phí theo hợp đồng đã ký kết hoặc theo quy định được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chấp thuận; được hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để thi công, thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Nhà nước. Việc thi công phải đảm bảo đúng chất lượng và thời hạn đã cam kết; chịu trách nhiệm trước BQLDA và trước pháp luật về sản phẩm do đơn vị mình thực hiện. Trong quá trình thi công, đơn vị thực hiện phải đáp ứng đủ các điều kiện về nhân lực, công nghệ, đảm bảo thực hiện theo quy trình, quy định kỹ thuật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và chịu sự giám sát, kiểm tra của chủ dự án. BQLDA và đơn vị thi công phải phối hợp chặt chẽ nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ, có cơ chế phối hợp rõ ràng, theo đúng quy định pháp luật hiện hành nhằm giảm thiểu rủi ro trong quản lý, thi công.

Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc các Sở TNMT có đầy đủ chức năng thực hiện các hợp đồng DVKT theo quy định của pháp luật Việt Nam. Một số đơn vị có đủ năng lực tham gia thực hiện các hợp đồng DVKT trên địa bàn trong và ngoài tỉnh. Việc tham gia của các ĐVSN và các VPĐK đất đai thực hiện các hợp đồng DVKT ở các tỉnh thuộc địa bàn dự án VILG áp dụng theo các quy định của Chiến lược đấu thầu Dự án VILG.

2.5. Về nguồn lực quản lý và thực hiện Dự án

- Bộ TNMT, UBND cấp tỉnh, Tổng cục QLDD và Sở TNMT sẽ bố trí các cán bộ có kinh nghiệm, đủ năng lực để bảo đảm triển khai Dự án đạt mục tiêu đã được phê duyệt. Ngoài ra, các BQLDA thuê tuyển chuyên gia hỗ trợ quản lý và triển khai Dự án. Các cán bộ quản lý, thực hiện Dự án sẽ được đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn trong quá trình chuẩn bị và triển khai Dự án.

- Dự án sẽ huy động sự tham gia của các nhà thầu trong nước và quốc tế để cung cấp hàng hóa, thiết bị, dịch vụ tư vấn và phi tư vấn theo kế hoạch triển khai của Dự án.

CHƯƠNG III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

3.1. Hợp phần 1: Tăng cường chất lượng cung cấp dịch vụ đất đai

3.1.1. Tiểu hợp phần 1.1. Hiện đại hóa và tăng cường chất lượng cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai

3.1.1.1. Xây dựng Sổ tay hướng dẫn cung cấp dịch vụ công về đất đai

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động:

+ Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng cung cấp dịch vụ đăng ký, cấp GCN và cung cấp thông tin đất đai: quy định của pháp luật hiện hành, năng lực của VPĐK (nguồn nhân lực, trang thiết bị, CSDL); nhu cầu của người dân về loại hình dịch vụ, khả năng tiếp cận (mức phí dịch vụ, quy trình và phương thức cung cấp dịch vụ truyền thống hoặc điện tử...);

+ Xây dựng dự thảo Sổ tay hướng dẫn cung cấp dịch vụ công về đất đai gồm các nội dung cụ thể như: các loại hình dịch vụ đăng ký, cấp GCN và cung cấp thông tin đất đai, quy trình thực hiện và cơ chế phí dịch vụ tại các VPĐK,...

+ Tổ chức hội thảo lấy ý kiến đối với Sổ tay hướng dẫn cung cấp dịch vụ công về đất đai tại các VPĐK;

+ Hoàn thiện Sổ tay hướng dẫn cung cấp dịch vụ công tại các VPĐK;

+ Xây dựng Sổ tay hướng dẫn cung cấp dịch vụ công về đất đai:

- Cách thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương thực hiện tuyển chọn tư vấn thông qua đấu thầu bằng nguồn vốn vay NHTG.

b) Sản phẩm

Sản phẩm của hoạt động là Sổ tay hướng dẫn cung cấp dịch vụ công về đất đai phát hành dưới dạng Sách chuyên khảo cung cấp cho các VPĐK với quy trình, trình tự hướng dẫn chi tiết các dịch vụ công về đất đai.

c) Kế hoạch thực hiện: năm 2020.

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu thông qua Hội đồng (hoặc Hội đồng tư vấn) đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu với sự tham gia của đại diện các đơn vị chuyên môn (Cục Đăng ký đất đai, Vụ Chính sách và Pháp chế) và các đơn vị liên quan đến nhiệm vụ.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.1.1.2. Cung cấp thiết bị hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục hành chính đặt ở các Văn phòng đăng ký

3.1.1.2.1. Hệ thống xếp hàng tự động và đánh giá chất lượng phục vụ khách hàng

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động: Dự án cung cấp Hệ thống xếp hàng tự động và đánh giá chất lượng phục vụ khách hàng đặt ở 27/33 VPĐK và 185/189 Chi nhánh VPĐK (do 06 VPĐK và 04 chi nhánh VPĐK thuộc các tỉnh thuộc Dự án VLAP đã được đầu tư).

- Cách thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu tập trung bằng nguồn vốn vay NHTG.

b) Sản phẩm: Thiết bị phục vụ hệ thống xếp hàng tự động, đánh giá chất lượng phục vụ khách hàng cho các VPĐK và các chi nhánh VPĐK tại 33 tỉnh.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.11.

- TCQLDD: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.1.1.2.2. Trang thiết bị văn phòng cho hệ thống xếp hàng tự động và đánh giá chất lượng phục vụ khách hàng cho VPĐK

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động: Dự án cung cấp các trang thiết bị văn phòng cho hệ thống xếp hàng tự động và đánh giá chất lượng phục vụ khách hàng ở 27/33 VPĐK và 185/189 Chi nhánh VPĐK (do 06 VPĐK và 04 chi nhánh VPĐK thuộc các tỉnh thuộc dự án VLAP đã được đầu tư). Việc cung cấp trang thiết bị hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục hành chính tại các VPĐK sẽ cân nhắc lựa chọn một số Văn phòng để đầu tư thành mô hình mẫu VPĐK của thế hệ tương lai.

- Cách thức thực hiện: Các BQLDA cấp tỉnh tổ chức đấu thầu bằng nguồn vốn vay NHTG.

b) Sản phẩm: Trang thiết bị văn phòng cho hệ thống xếp hàng tự động và đánh giá chất lượng phục vụ khách hàng đặt ở các VPĐK và chi nhánh VPĐK.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.1.1.3. Tập huấn về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng khách hàng và thực hành cung cấp dịch vụ

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động: Tổ chức các khóa tập huấn về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng khách hàng và thực hành cung cấp dịch vụ cho các VPĐK và các chi nhánh VPĐK.

- Cách thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ đào tạo, sử dụng nguồn vốn đối ứng.

b) Sản phẩm: Bộ tài liệu tập huấn theo các nội dung được biên soạn. (Cần xem lại nội dung này)

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo niên độ.

3.1.1.4. Tăng cường cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai tại các địa phương

3.1.1.4.1. Điều tra xã hội học về các phản hồi của người dân về công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực đất đai

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động: Điều tra xã hội học về các phản hồi của người dân về công tác cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Phương thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu bằng nguồn vốn đối ứng.

b) Sản phẩm: Báo cáo kết quả điều tra xã hội học bao gồm các phiếu điều tra.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu thông qua Hội đồng (hoặc Hội đồng tư vấn) đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu với sự tham

gia của đại diện các đơn vị chuyên môn (Vụ Chính sách và Pháp chế, Cục Đăng ký đất đai) và các đơn vị liên quan đến nhiệm vụ.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.1.1.4.2. Xây dựng và thử nghiệm bộ tiêu chí đánh giá việc cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai tại các tỉnh triển khai năm thứ nhất của dự án

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động:

+ Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá việc cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai;

+ Thử nghiệm bộ tiêu chí đánh giá việc cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai tại các tỉnh triển khai năm thứ nhất.

- Cách thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu, tuyển chọn tư vấn, sử dụng nguồn vốn đối ứng.

b) Sản phẩm

- Bộ tiêu chí đánh giá việc cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Báo cáo tổng kết công tác thử nghiệm đánh giá việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu thông qua Hội đồng (hoặc Hội đồng tư vấn) đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu với sự tham gia của đại diện các đơn vị chuyên môn (Vụ Chính sách và Pháp chế, Cục Đăng ký đất đai) và các đơn vị liên quan đến nhiệm vụ.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.1.1.4.3. Tổng kết, tập huấn và nhân rộng kết quả về cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động:

+ Tổ chức Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm với sự tham gia của Lãnh đạo các Sở TNMT, đại diện của các VPĐK và Chi nhánh của các tỉnh, thành phố tham gia Dự án và đại diện các tỉnh ngoài dự án.

+ Xây dựng báo cáo đề xuất hoàn thiện các quy định của pháp luật đất đai để cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai và quy định về đánh giá và xếp hạng

việc cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai.

+ Tổ chức hội thảo, tập huấn triển khai áp dụng bộ tiêu chí đánh giá việc cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai trên phạm vi cả nước với sự tham gia của đại diện Ủy ban nhân dân, cơ quan tài nguyên và môi trường của các tỉnh, thành phố.

b) Sản phẩm

- Báo cáo đề xuất hoàn thiện các quy định của pháp luật đất đai để cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai và quy định về đánh giá và xếp hạng việc cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Tài liệu hội thảo, tập huấn.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- TCQLDD: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo niên độ.

3.1.1.5. Xây dựng chiến lược, kế hoạch triển khai về quản lý sự thay đổi

3.1.1.5.1. Xây dựng chiến lược và kế hoạch quản lý sự thay đổi

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động:

+ Khảo sát, đánh giá thực tiễn công tác quản lý sự thay đổi tại một số địa phương triển khai dự án; tập trung vào các nội dung liên quan đến trực tiếp việc vận hành của Dự án như đã đề cập trong việc xây dựng chiến lược và kế hoạch quản lý sự thay đổi.

+ Nghiên cứu các bài học kinh nghiệm về quản lý sự thay đổi của một số quốc gia: Tập hợp và dịch tài liệu có liên quan.

+ Xây dựng báo cáo đề xuất Chiến lược và kế hoạch quản lý sự thay đổi.

+ Tổ chức hội thảo tham vấn ý kiến đối với Chiến lược và kế hoạch quản lý sự thay đổi.

+ Hoàn thiện Báo cáo đề xuất Chiến lược và kế hoạch quản lý sự thay đổi theo ý kiến góp ý.

- Cách thức thực hiện: TCQLDD, BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu, tuyển chọn tư vấn nguồn vốn đối ứng.

b) Sản phẩm: Báo cáo đề xuất chiến lược và kế hoạch quản lý sự thay đổi

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

- + Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;
- + Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu thông qua Hội đồng (hoặc Hội đồng tư vấn) đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu với sự tham gia của đại diện các đơn vị chuyên môn liên quan đến nhiệm vụ.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.1.1.5.2. Đào tạo, tập huấn triển khai chiến lược và kế hoạch quản lý sự thay đổi tại các địa phương thực hiện dự án năm đầu tiên

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động: đào tạo kỹ năng về chiến lược và kế hoạch quản lý sự thay đổi cho các tỉnh thực hiện Dự án năm đầu tiên.

- Cách thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức các khóa đào tạo, sử dụng nguồn vốn đối ứng.

b) Sản phẩm: Tài liệu đào tạo về chiến lược và kế hoạch quản lý sự thay đổi cho các tỉnh của Dự án.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo niên độ.

3.1.1.5.3. Tổng kết thực hiện tại các địa phương triển khai năm thứ nhất và đào tạo, tập huấn triển khai cho cả 33 tỉnh, thành phố dự án

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động:

+ Tổ chức hội nghị tổng kết thực hiện tại các địa phương triển khai.

+ Đào tạo, tập huấn triển khai cho các tỉnh còn lại của Dự án

- Cách thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức các khóa đào tạo bằng nguồn vốn đối ứng.

b) Sản phẩm: tài liệu tập huấn, hội nghị tổng kết.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

- + Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ;
- + Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo niên độ.

3.1.2. Tiểu hợp phần 1.2. Đào tạo, truyền thông và tổ chức kế hoạch phát triển DTTS

3.1.2.1. Đào tạo, truyền thông

3.1.2.1.1. Xây dựng chiến lược truyền thông của Dự án

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động: Xây dựng chiến lược truyền thông của Dự án áp dụng cho các địa bàn trong suốt thời gian thực hiện Dự án. Đề xuất các phương thức, công cụ, hoạt động truyền thông cụ thể cho phù hợp với từng đối tượng của Dự án.

- Cách thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu tuyển chọn tư vấn xây dựng chiến lược truyền thông của Dự án, sử dụng nguồn vốn vay NHTG.

b) Sản phẩm: chiến lược truyền thông của Dự án.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu thông qua Hội đồng (hoặc Hội đồng tư vấn) đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu với sự tham gia của đại diện các đơn vị chuyên môn liên quan đến nhiệm vụ.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.1.2.1.2. Thiết kế, xây dựng tài liệu tuyên truyền và các chương trình video

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động: Thiết kế, xây dựng tài liệu tuyên truyền (phóng sự, tiểu phẩm, tờ rơi, áp phích, sổ tay hướng dẫn...) phục vụ hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng của Dự án.

- Cách thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu tuyển chọn tư vấn thiết kế, xây dựng tài liệu tuyên truyền và các chương trình video, sử dụng nguồn vốn vay NHTG.

b) Sản phẩm: Bộ tài liệu tuyên truyền (phóng sự, tiểu phẩm, tờ rơi, áp phích, sổ tay hướng dẫn...).

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu thông qua Hội đồng (hoặc Hội đồng tư vấn) đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu với sự tham gia của đại diện các đơn vị chuyên môn liên quan đến nhiệm vụ.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.1.2.1.3. Phát sóng theo nội dung đã thiết kế trên truyền hình

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động: Tổ chức phát sóng các tiểu phẩm, phóng sự theo nội dung đã thiết kế trên truyền hình.

- Cách thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu, lựa chọn đơn vị phát sóng trên truyền hình, sử dụng nguồn vốn vay NHTG.

b) Sản phẩm: Các chương trình truyền hình đã được phát sóng.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu thông qua Hội đồng (hoặc Hội đồng tư vấn) đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu với sự tham gia của đại diện các đơn vị chuyên môn liên quan đến nhiệm vụ.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.1.2.1.4. In ấn tài liệu tuyên truyền, tờ rơi, áp phích

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động: Tổ chức in ấn tài liệu tuyên truyền, tờ rơi, áp phích theo nội dung đã thiết kế.

- Cách thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu thực hiện in ấn tài liệu tuyên truyền, tờ rơi, áp phích, sử dụng nguồn vốn vay NHTG.

b) Sản phẩm: bộ tài liệu tuyên truyền, tờ rơi, áp phích.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện:

- BQLDA VILG cấp Trung ương:
 - + Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;
 - + Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu thông qua Hội đồng (hoặc Hội đồng tư vấn) đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu với sự tham gia của đại diện các đơn vị chuyên môn liên quan đến nhiệm vụ.
- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.1.2.1.5. Tổ chức hội thảo định hướng nghiệp vụ tuyên truyền

- a) Nội dung, cách thức thực hiện
 - Nội dung hoạt động: Tổ chức các hội thảo định hướng nghiệp vụ tuyên truyền cho cán bộ làm công tác tuyên truyền của các BQLDA VILG cấp Trung ương và cấp tỉnh.
 - Cách thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức các hội thảo định hướng nghiệp vụ tuyên truyền, sử dụng nguồn vốn đối ứng.
- b) Sản phẩm: Báo cáo tổng kết kèm theo tài liệu hội thảo.
- c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện
 - BQLDA VILG cấp Trung ương:
 - + Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ;
 - + Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.
 - TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo niên độ.

3.1.2.1.6. Đào tạo cho cán bộ nâng cao nhận thức cộng đồng cấp tỉnh, huyện.

- a) Nội dung, cách thức thực hiện
 - Nội dung hoạt động: Tổ chức các khóa đào tạo nâng cao nhận thức cộng đồng cấp tỉnh, huyện.
 - Cách thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức các khóa đào tạo nâng cao nhận thức cộng đồng cấp tỉnh, huyện, sử dụng nguồn vốn đối ứng.
- b) Sản phẩm: Báo cáo tổng kết kèm theo tài liệu hội thảo.
- c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện
 - BQLDA VILG cấp Trung ương:
 - + Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ;
 - + Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo niên độ.

3.1.2.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển DTTS

3.1.2.2.1. Hội nghị phổ biến, tập huấn, đào tạo triển khai thực hiện kế hoạch DTTS (phần Trung ương thực hiện)

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động:

+ Tổ chức các hội nghị phổ biến, tập huấn, đào tạo triển khai thực hiện kế hoạch DTTS.

+ Đào tạo tiêu giáo viên: đối tượng là các cán bộ quản lý đất đai cấp Trung ương và cấp tỉnh; nội dung về định hướng cho các cán bộ quản lý đất đai trong việc tiếp cận với người dân tộc.

+ Đào tạo nâng cao kỹ năng giải quyết tranh chấp khiếu nại của các cán bộ cấp tỉnh và nhóm tham vấn cộng đồng trong quá trình thực hiện Dự án.

+ Tổ chức hội thảo đúc kết những bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai và sơ kết tổng kết về kết quả thực hiện kế hoạch phát triển DTTS của Dự án.

- Cách thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức hội nghị phổ biến, tập huấn, đào tạo triển khai thực hiện kế hoạch DTTS, sử dụng nguồn vốn đối ứng.

b) Sản phẩm: bộ tài liệu tập huấn, đào tạo và báo cáo kết quả khóa đào tạo.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo niên độ.

3.1.2.2.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển DTTS tại địa phương

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động:

+ Thiết lập Nhóm tư vấn cộng đồng cấp tỉnh, nhóm tham gia cộng đồng cấp huyện và tổ chức hội thảo hàng năm.

+ Sử dụng các công cụ truyền thông hiện đại và hiệu quả.

+ Tổ chức các cuộc họp dân ở các thôn, bản và xã.

+ Nâng cao nhận thức cộng đồng và đào tạo cho trưởng thôn, xóm, bản, cán bộ địa phương, cán bộ quản lý đất đai.

+ Thiết lập dịch vụ hỗ trợ tiếp cận thông tin đất đai và đăng ký đất đai tại các cộng đồng nơi có các nhóm DTTS sinh sống.

+ Theo dõi, đánh giá liên quan đến các hoạt động của Dự án tại các địa bàn trong tỉnh theo nhóm dân tộc, trình trạng nghèo/cận nghèo/không nghèo và giới tính.

+ Tăng cường sự tham gia và vai trò của phụ nữ trong các hoạt động của Dự án.

- Cách thức thực hiện: BQLDA cấp tỉnh tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển DTTS tại địa phương, sử dụng nguồn vốn đối ứng.

b) Sản phẩm

- Các nhóm tư vấn cộng đồng cấp tỉnh, nhóm tham gia cộng đồng cấp huyện được thành lập.

- Biên bản các cuộc họp dân ở các thôn, bản và xã.

- Tài liệu nâng cao nhận thức cộng đồng và đào tạo cho trưởng thôn, xóm, bản, cán bộ địa phương, cán bộ quản lý đất đai.

- Báo cáo kết quả hỗ trợ tiếp cận thông tin đất đai và đăng ký đất đai tại các cộng đồng nơi có nhóm DTTS sinh sống.

- Báo cáo đánh giá liên quan đến các hoạt động của Dự án tại các địa bàn trong tỉnh theo nhóm dân tộc, tình trạng nghèo/cận nghèo/không nghèo và giới tính.

- Báo cáo về sự tham gia và vai trò của phụ nữ trong các hoạt động của Dự án.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp tỉnh:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Sở TNMT: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo niên độ.

3.1.3. Tiểu hợp phần 1.3. Theo dõi, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất

3.1.3.1. Xây dựng và thử nghiệm mô hình hệ thống theo dõi, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất đai

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động:

+ Xây dựng bộ tiêu chí theo dõi, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất:

+ Xây dựng phần mềm theo dõi, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất và tài liệu hướng dẫn sử dụng.

+ Thử nghiệm mô hình theo dõi, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất (các tỉnh triển khai năm thứ nhất Dự án):

+ Đánh giá, tổng kết kết quả thử nghiệm và hoàn thiện mô hình hệ thống theo dõi, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất.

- Cách thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu, tuyển chọn tư vấn xây dựng và thử nghiệm mô hình theo dõi, đánh giá tình hình quản lý sử dụng đất đai, sử dụng nguồn vốn vay NHTG.

b) Sản phẩm

+ Bộ tiêu chí theo dõi, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất.

+ Phần mềm theo dõi, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất và tài liệu hướng dẫn sử dụng.

+ Báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả thử nghiệm.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu thông qua Hội đồng (hoặc Hội đồng tư vấn) đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu với sự tham gia của đại diện các đơn vị chuyên môn liên quan đến nhiệm vụ.

- TCQLDD: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.1.3.2. Nhân rộng mô hình hệ thống theo dõi, đánh giá tình hình quản lý sử dụng trên phạm vi cả nước

- Nội dung hoạt động:

+ Hội thảo nhân rộng hệ thống theo dõi, đánh giá tình hình quản lý sử dụng đất;

+ Đào tạo vận hành, chuyển giao phần mềm hệ thống theo dõi, đánh giá tình hình sử dụng đất cho các tỉnh thuộc phạm vi Dự án;

+ Triển khai mô hình theo dõi, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất trên phạm vi cả nước.

- Cách thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức hội thảo, các khóa đào tạo, sử dụng nguồn vốn đối ứng.

b) Sản phẩm

+ Bộ tài liệu hội thảo, tập huấn.

+ Báo cáo tổng kết kết quả nhân rộng mô hình theo dõi, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất của cả nước.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo niên độ.

3.2. Hợp phần 2: Xây dựng CSDL đất đai và triển khai hệ thống thông tin đất đai quốc gia đa mục tiêu

Mục đích của hợp phần này là xây dựng một nền tảng kỹ thuật hiện đại để hỗ trợ cho công tác quản lý đất đai, chia sẻ và cung cấp thông tin đất đai cho các ngành, lĩnh vực và cung cấp dịch vụ công cho các đối tượng khác có nhu cầu, tiến tới xây dựng chính phủ điện tử của lĩnh vực đất đai thông qua việc phát triển một hệ thống MPLIS, được vận hành theo một hệ thống thống nhất từ TW tới địa phương, cho phép các ngành kinh tế - xã hội truy cập, khai thác phục vụ cho các hoạt động có liên quan của ngành, lĩnh vực đó, cho phép người dân được truy cập để nắm bắt thông tin.

3.2.1. Tiểu hợp phần 2.1. Triển khai LIS quốc gia đa mục tiêu (MPLIS)

Mục tiêu của Tiểu hợp phần này là (i) phát triển một mô hình hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu, tập trung, thống nhất trên phạm vi toàn quốc; (ii) thiết lập hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm để quản trị và vận hành hệ thống cho cả nước.

Các hoạt động trong Tiểu hợp phần 2.1 sẽ được triển khai như sau:

- Trên địa bàn 63 tỉnh/thành phố: Triển khai MPLIS (MPLIS): (i) Thiết lập Trung tâm dữ liệu đất đai để vận hành theo mô hình CSDL đất đai quốc gia tập trung, thống nhất; (ii) Thuê đường truyền dữ liệu; (iii) Cung cấp phần mềm để quản lý vận hành hệ thống; (iv) Thuê chữ ký số; (v) Triển khai vận hành hệ thống (bao gồm vận hành thử, đào tạo, chuyển giao công nghệ và quản lý hệ thống, hỗ trợ kỹ thuật).

- Trên địa bàn 33 tỉnh/thành phố với tổng số huyện dự kiến là 189 đơn vị cấp huyện được lựa chọn xây dựng CSDL sẽ triển khai các nội dung: (i) trang bị hệ thống MPLIS cấp tỉnh (máy trạm, mạng, thiết bị ngoại vi) và máy tính, máy in cho cấp xã, (ii) chuyển giao công nghệ về quản lý, sử dụng hệ thống MPLIS.

Dự án lựa chọn mô hình CSDL đất đai quốc gia tập trung tại TW. Để triển khai mô hình hệ thống trên, tiểu hợp phần này được xây dựng bao gồm các nhiệm vụ chính sau: (i) Thiết lập trung tâm dữ liệu đất đai; (ii) Thuê đường truyền dữ liệu; (iii) Trang bị phần mềm để quản lý vận hành hệ thống; (iv) Thuê chữ ký số; (v) Trang bị thiết bị cho địa phương; (vi) Triển khai vận hành hệ thống.

3.2.1.1. Thiết lập trung tâm dữ liệu đất đai

Trung tâm dữ liệu được thiết lập tại hai miền để cân bằng tải, đảm bảo băng thông đường truyền được ổn định, không bị tắc nghẽn và đảm bảo an toàn dữ liệu.

Đối với dịch vụ thuê máy chủ cho tầng ứng dụng và tầng trung gian sẽ áp dụng hình thức thuê từng phần theo từng giai đoạn để phù hợp nhu cầu sử dụng và tiến độ

triển khai các gói thầu dịch vụ về xây dựng CSDL.

Trung tâm dữ liệu phải đáp ứng các yêu cầu về an ninh, an toàn dữ liệu, được quản trị tập trung và cung cấp khả năng mở rộng đảm bảo nhu cầu sử dụng lâu dài, là cơ sở để tăng cường các ứng dụng CNTT trong công tác nghiệp vụ cũng như quản lý điều hành của các đơn vị trực thuộc Tổng cục có liên quan.

3.2.1.1.1. Thuê máy chủ tầng ứng dụng và tầng dịch vụ, thuê đặt chỗ cho máy chủ tầng dữ liệu và dịch vụ quản trị trung tâm dữ liệu

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động:

+ Thuê máy chủ tầng ứng dụng, tầng dịch vụ của Trung tâm dữ liệu.

+ Thuê đặt chỗ cho máy chủ tầng dữ liệu.

+ Dịch vụ quản trị trung tâm dữ liệu: Quản trị máy chủ và thiết bị lưu trữ, hỗ trợ vận hành cho hệ thống; quản trị mạng truyền dữ liệu; Quản trị an ninh, bảo mật mạng; an ninh, bảo mật dữ liệu; đánh giá tình hình an toàn dữ liệu định kỳ; xử lý, kết nối dữ liệu giữa Trung ương và địa phương... phát sinh trong quá trình vận hành.

- Cách thức thực hiện:

+ BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu, ký hợp đồng, quản lý việc thực hiện hợp đồng; tổ chức nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

+ Nhà thầu có trách nhiệm phối hợp với TCQLDD để thực hiện dịch vụ quản trị trung tâm dữ liệu.

+ BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu bằng nguồn vốn vay của NHTG.

b) Sản phẩm

- Các máy chủ của tầng ứng dụng, tầng dịch vụ và hạ tầng kỹ thuật được thuê để vận hành MPLIS, theo nhu cầu thực tế.

- Đảm bảo hệ thống vận hành 24/7.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.11.

- TCQLDD: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.2.1.1.2 Trang bị máy chủ CSDL và thiết bị, phần mềm an ninh bảo mật cho CSDL và công thông tin đất đai

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động:

- + Mua máy chủ CSDL.
- + Dịch vụ bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật máy chủ CSDL.
- + Mua phần mềm giám sát mạng.
- + Mua thiết bị tường lửa chuyên dụng cho Database.
- + Mua thiết bị tường lửa chuyên dụng cho cổng thông tin đất đai.

- Cách thức thực hiện:

- + BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu, ký hợp đồng, quản lý việc thực hiện hợp đồng; tổ chức nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.
- + BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu bằng nguồn vốn vay của NHTG.

b) Sản phẩm

- Máy chủ cho tầng dữ liệu.
- Phần mềm giám sát mạng.
- Thiết bị tường lửa chuyên dụng cho Database.
- Thiết bị tường lửa chuyên dụng cho cổng thông tin đất đai.

Các sản phẩm trên được trang bị theo nhu cầu thực tế.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:
 - + Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;
 - + Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.11.
- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.2.1.2. Trang thiết bị phục vụ quản trị, giám sát MPLIS

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động:

- + Tổ chức mua sắm trang thiết bị (máy trạm, máy tính xách tay, máy in, máy quét...) để thực hiện nhiệm vụ quản trị, giám sát MPLIS.
- + Lắp đặt, bàn giao và hướng dẫn sử dụng các thiết bị phục vụ quản trị, giám sát MPLIS.

- Cách thức thực hiện:

- + BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu, ký hợp

đồng, quản lý việc thực hiện hợp đồng; tổ chức nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

+ BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức bàn giao thiết bị cho đơn vị thực hiện nhiệm vụ quản trị, giám sát MPLIS.

+ BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu bằng nguồn vốn vay của NHTG.

b) Sản phẩm: Trang thiết bị phục vụ quản trị, giám sát MPLIS được lắp đặt, cài đặt và vận hành.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt

d) Nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.11.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.2.1.3. Thuê dịch vụ chữ ký số

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động:

+ Thuê dịch vụ chữ ký số.

+ Cung cấp chữ ký số cho VPĐK và chi nhánh của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong toàn bộ thời gian hoạt động của Dự án. Số lượng chữ ký số triển khai theo từng năm của Dự án được căn cứ vào tiến độ triển khai các gói thầu dịch vụ xây dựng CSDL.

- Cách thức thực hiện:

+ BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu, ký hợp đồng, quản lý việc thực hiện hợp đồng; tổ chức nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

+ BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu bằng nguồn vốn vay của NHTG.

b) Sản phẩm: Dịch vụ chữ ký số cho VPĐK và chi nhánh của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong toàn bộ thời gian hoạt động của Dự án.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt

d) Nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.11.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.2.1.4. Thuê đường truyền dữ liệu

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động:

+ Đường truyền số liệu giữa 2 trung tâm dữ liệu (dự kiến tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh). Đường truyền số liệu này đảm bảo đồng bộ dữ liệu giữa hai trung tâm.

+ Đường truyền số liệu giữa trung tâm dữ liệu với các điểm nút là Sở TNMT, VPĐK và các chi nhánh của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham gia Dự án (theo tiến độ triển khai dự án).

- Cách thức thực hiện:

+ BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu, ký hợp đồng, quản lý việc thực hiện hợp đồng; tổ chức nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

+ BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu bằng nguồn vốn vay của NHTG.

b) Sản phẩm

- Đường truyền số liệu được kết nối từ 2 trung tâm dữ liệu tới các Sở TNMT, VPĐK và các chi nhánh của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham gia Dự án.

- Số lượng và dung lượng đường truyền số liệu theo thiết kế của Dự án và theo nhu cầu thực tế.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt

d) Nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện.

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.11.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.2.1.5. Trang bị bản quyền phần mềm công nghệ nền

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động:

Thực hiện mua các bản quyền phần mềm:

+ Phần mềm hệ quản trị CSDL (bao gồm cả công cụ chia khối dữ liệu và bảo vệ dữ liệu, dịch vụ bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật hệ quản trị CSDL).

+ Phần mềm hệ quản trị dữ liệu không gian (phiên bản GIS Server đầy đủ và GIS Server bản chuẩn).

+ Phần mềm công nghệ nền phát triển cổng thông tin đất đai và dịch vụ bảo trì.

- Cách thức thực hiện:

+ Phần mềm hệ quản trị CSDL và phần mềm hệ quản trị dữ liệu không gian sẽ được mua sắm thành 02 đợt, theo hình thức lô - gói; Phần mềm công nghệ nền phát triển cổng thông tin đất đai và dịch vụ bảo trì sẽ được mua sắm đấu thầu 1 lần.

+ BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu, ký hợp đồng, quản lý việc thực hiện hợp đồng; tổ chức nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

+ BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu bằng nguồn vốn vay của NHTG.

b) Sản phẩm

- Phần mềm hệ quản trị CSDL.

- Phần mềm hệ quản trị dữ liệu không gian (bản đồ).

- Phần mềm công nghệ nền phát triển cổng thông tin đất đai và dịch vụ bảo trì.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt

d) Nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.11.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.2.1.6. Vận hành thử nghiệm hệ thống MPLIS

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động:

+ Hệ thống MPLIS được cài đặt và vận hành thử đối với toàn bộ hệ thống trên CSDL đã được chuyển đổi của các huyện đã hoàn thành việc xây dựng CSDL.

+ Gói thầu này thực hiện nhằm lựa chọn 01 đơn vị độc lập, có kinh nghiệm để vận hành thử nghiệm hệ thống MPLIS nhằm đánh giá sự đồng bộ, tính tương thích, khả năng chịu tải, mức độ tuân thủ tiêu chuẩn, an toàn bảo mật, tính ổn định và kết quả xử lý của hệ thống trước khi triển khai trên phạm vi toàn Dự án.

- Cách thức thực hiện:

+ BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu, ký hợp đồng, quản lý việc thực hiện hợp đồng; tổ chức nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

+ BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu bằng nguồn vốn vay của NHTG.

b) Sản phẩm:

- + Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm hệ thống, bộ dữ liệu mẫu.
- + Các phương án đề xuất nhằm tối ưu hóa hệ thống.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.10.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.2.1.7. Đào tạo về quản trị hệ thống MPLIS

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động: Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về hệ điều hành, hệ thống thông tin địa lý, ... cho cán bộ quản trị hệ thống ở Trung ương.

- Cách thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức lựa chọn đơn vị thực hiện nhiệm vụ đào tạo về quản trị hệ thống MPLIS, sử dụng nguồn vốn vay NHTG.

b) Sản phẩm: tài liệu đào tạo tập huấn và các cán bộ quản trị hệ thống được đào tạo ở Trung ương có đủ năng lực quản trị hệ thống MPLIS.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo niên độ.

3.2.1.8. Xây dựng và thử nghiệm hệ thống giao dịch điện tử về đất đai

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động:

+ Điều tra, khảo sát thu thập tài liệu, dữ liệu và thông tin của ngành;

+ Thiết kế hệ thống giao dịch điện tử về đất đai;

+ Xây dựng phân hệ giao dịch điện tử về đất đai;

+ Thử nghiệm vận hành hệ thống giao dịch điện tử về đăng ký đất đai tại tỉnh Vĩnh Long và Bến Tre.

- Cách thức thực hiện:

+ BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu, ký hợp đồng, quản lý việc thực hiện hợp đồng; tổ chức nghiệm thu và thanh lý hợp đồng đối với xây dựng hệ thống giao dịch điện tử về đất đai.

+ BQLDA tỉnh Bến Tre và Vĩnh Long tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu, ký hợp đồng, quản lý việc thực hiện hợp đồng; tổ chức nghiệm thu và thanh lý hợp đồng đối với thử nghiệm và vận hành hệ thống giao dịch điện tử về đất đai tại địa phương.

+ BQLDA VILG cấp Trung ương và các tỉnh tổ chức đấu thầu bằng nguồn vốn vay của NHTG.

b) Sản phẩm

- Hệ thống giao dịch điện tử về đất đai.

- Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm tại 2 tỉnh Vĩnh Long và Bến Tre.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.10.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.2.1.9. Tư vấn, giám sát, quản trị CSDL MPLIS

3.2.1.9.1. Tư vấn quốc tế

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động:

+ Tư vấn quốc tế về hạ tầng, hệ thống (thuê tuyển cá nhân).

+ Tư vấn quốc tế về vận hành và nâng cấp phần mềm MPLIS (thuê tuyển cá nhân).

- Cách thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức tuyển chọn tư vấn quốc tế hỗ trợ triển khai hệ thống MPLIS, sử dụng nguồn vốn vay NHTG.

b) Sản phẩm: Các báo cáo, ý kiến tư vấn của chuyên gia về hỗ trợ triển khai hệ thống MPLIS.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:
- + Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ;
- + Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo niên độ.

3.2.1.9.2. Giám sát quản trị CSDL MPLIS

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động:
 - + Tiếp nhận và giải đáp vướng mắc hoặc chuyển thông tin cho bộ phận kỹ thuật xử lý.
 - + Giám sát trạng thái hoạt động các dịch vụ xử lý online bao gồm các dịch vụ phục vụ tác nghiệp của VPĐK và các dịch vụ chia sẻ, liên thông với các ngành.
 - + Giám sát trạng thái hoạt động của CSDL đối với từng tỉnh, theo dõi tần suất cập nhật thông tin và xử lý tác nghiệp của các VPĐK trên hệ thống.
 - + Quản trị CSDL: Phân quyền, kiểm soát quyền truy cập và các quyền ưu tiên. Thực hiện, quản lý và kiểm tra các kế hoạch sao lưu, phục hồi. Kiểm soát các quy trình lưu trữ đảm bảo hoạt động ổn định.

- Cách thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương đặt hàng giao nhiệm vụ cho đơn vị có chức năng về quản lý LIS bằng nguồn vốn đối ứng.

b) Sản phẩm

- Nhật ký hoạt động tiếp nhận và giải đáp vướng mắc theo định kỳ hàng tháng.
- Báo cáo giám sát trạng thái hoạt động các dịch vụ xử lý online theo định kỳ hàng tháng.
- Báo cáo giám sát trạng thái hoạt động của CSDL đối với từng tỉnh theo định kỳ hàng tháng.
- Báo cáo về quản trị CSDL theo định kỳ hàng tháng.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:
- + Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ;
- + Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo niên độ.

3.2.1.9.3. Nâng cấp phần mềm MPLIS

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động:

+ Rà soát tất cả các chức năng của phần mềm để thực hiện chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp với các quy định hiện hành trong quá trình thực hiện Dự án.

+ Cải thiện tốc độ xử lý dữ liệu, tăng hiệu năng của phần mềm (tăng tốc độ xử lý, tối ưu hoá các bước tính toán).

+ Tăng cường tính bảo mật, trao đổi dữ liệu cho hệ thống MPLIS.

+ Cập nhật phiên bản mới cho hệ thống MPLIS đang vận hành.

- Cách thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu để thực hiện nâng cấp phần mềm MPLIS, sử dụng nguồn vốn vay NHTG.

b) Sản phẩm

- Phần mềm MPLIS được nâng cấp, đáp ứng theo các quy định hiện hành.

- Báo cáo nâng cấp, sửa chữa phần mềm MPLIS.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.10.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.2.1.9.4. Phân tích lỗi và khắc phục lỗi phần mềm trong quá trình vận hành MPLIS

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động:

+ Phân tích lỗi từ bộ phận tiếp nhận.

+ Khắc phục và hướng dẫn xử lý lỗi phần mềm trong quá trình vận hành MPLIS.

+ Phạm vi hỗ trợ cho 63 tỉnh và 713 đơn vị cấp huyện.

- Cách thức thực hiện:

+ BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức thực hiện bằng nguồn vốn đối ứng.

b) Sản phẩm

- Trong quá trình vận hành MPLIS, các lỗi phần mềm được phân tích và khắc phục để đảm bảo trong quá trình sử dụng phần mềm không bị gián đoạn.

- Báo cáo giám sát trạng thái hoạt động của phần mềm.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo niên độ.

3.2.1.9.5. Tư vấn khắc phục sự cố về sử dụng phần mềm MPLIS tại các tỉnh

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động: Trong quá trình vận hành MPLIS, đơn vị tư vấn bố trí nhân lực hỗ trợ trực tiếp tại 33 VPĐK và 189 chi nhánh để giải quyết các sự cố trong quá trình cài đặt, sử dụng phần mềm, bao gồm cả các sự cố liên quan đến cấu hình kết nối và cài đặt các ứng dụng nền để vận hành phần mềm MPLIS.

- Cách thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu bằng nguồn vốn vay của NHTG (trong quá trình tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu thì ưu tiên cho đơn vị xây dựng, nâng cấp phần mềm).

b) Sản phẩm: Báo cáo kết quả khắc phục sự cố phần mềm MPLIS tại các tỉnh.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo niên độ.

3.2.1.9.6. Tư vấn về xây dựng cơ chế tài chính đảm bảo cung cấp dịch vụ công

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động:

+ Khảo sát, nghiên cứu các chính sách tài chính liên quan đến dịch vụ công hiện hành.

+ Xác định các khoản thu (phí, lệ phí, giá dịch vụ...) khi sử dụng, khai thác thông tin từ hệ thống MPLIS.

+ Xây dựng cơ chế tài chính để hệ thống MPLIS vận hành bền vững, đảm bảo cho việc cung cấp dịch vụ công được nhanh chóng, thuận tiện và minh bạch.

- Cách thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu bằng nguồn vốn vay của NHTG.

b) Sản phẩm

- Báo cáo khảo sát, phân tích về chính sách tài chính liên quan đến dịch vụ công về đất đai.

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật liên quan đến cơ chế tài chính nhằm đảm bảo hệ thống MPLIS vận hành bền vững, có khả năng tự trang trải chi phí.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu thông qua Hội đồng (hoặc Hội đồng tư vấn) đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu với sự tham gia của đại diện các đơn vị chuyên môn liên quan đến nhiệm vụ.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.2.1.9.7. Tư vấn hỗ trợ triển khai chính phủ điện tử, chia sẻ thông tin trong lĩnh vực đất đai

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động:

+ Khảo sát, nghiên cứu các chính sách, khung kiến trúc chính phủ điện tử.

+ Phân tích và đánh giá hiện trạng việc triển khai MPLIS.

+ Xác định nội dung dữ liệu đất đai và nhu cầu trao đổi, chia sẻ của các ngành đối với lĩnh vực đất đai.

+ Đề xuất hoàn thiện khung chính phủ điện tử trong lĩnh vực đất đai về kỹ thuật và chính sách.

+ Đề xuất cơ chế trong trao đổi, chia sẻ dữ liệu đất đai với các hệ thống thông tin khác.

- Cách thức thực hiện:

+ BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu bằng nguồn vốn vay của NHTG.

b) Sản phẩm

+ Báo cáo khảo sát, nghiên cứu các chính sách, khung kiến trúc chính phủ điện tử.

+ Báo cáo phân tích và đánh giá hiện trạng việc triển khai MPLIS.

+ Báo cáo phân tích nội dung dữ liệu đất đai và nhu cầu trao đổi, chia sẻ của các ngành đối với lĩnh vực đất đai.

+ Báo cáo đề xuất hoàn thiện khung chính phủ điện tử trong lĩnh vực đất đai về kỹ thuật và chính sách.

+ Báo cáo đề xuất cơ chế trong trao đổi, chia sẻ dữ liệu đất đai với các hệ thống thông tin khác.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu thông qua Hội đồng (hoặc Hội đồng tư vấn) đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu với sự tham gia của đại diện các đơn vị chuyên môn liên quan đến nhiệm vụ.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.2.1.9.8 Lập thiết kế sơ bộ và thiết kế thi công, tổng dự toán

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động:

+ Lập thiết kế sơ bộ

+ Lập thiết kế thi công, tổng dự toán

- Cách thức thực hiện:

+ BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu bằng nguồn vốn đối ứng.

b) Sản phẩm

+ Tài liệu thiết kế sơ bộ

+ Tài liệu thiết kế thi công - tổng dự toán

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu thông qua Hội đồng (hoặc Hội đồng tư vấn) đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu với sự tham gia của đại diện các đơn vị chuyên môn liên quan đến nhiệm vụ.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.2.1.9.9 Thẩm tra thiết kế sơ bộ; thiết kế thi công; thẩm định giá

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động: Thẩm tra thiết kế sơ bộ; thiết kế thi công; thẩm định giá

- Cách thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu bằng nguồn vốn đối ứng.

b) Sản phẩm: Báo cáo thẩm tra thiết kế sơ bộ, thiết kế thi công - tổng dự toán

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo niên độ.

3.2.1.9.10. Giám sát thi công lắp đặt phần cứng, cài đặt phần mềm

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động: Giám sát thi công lắp đặt phần cứng, cài đặt phần mềm: theo dõi thường xuyên, liên tục, có hệ thống của tổ chức giám sát thi công nhằm quản lý khối lượng, chất lượng, tiến độ các công tác: lắp đặt, cài đặt, thiết bị CNTT, phần mềm thương mại; phát triển, nâng cấp, chỉnh sửa phần mềm nội bộ do nhà thầu thi công thực hiện.

- Cách thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu bằng nguồn vốn đối ứng.

b) Sản phẩm: Báo cáo giám sát thi công lắp đặt phần cứng, cài đặt phần mềm

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo niên độ.

3.2.1.10. Triển khai MPLIS cấp tỉnh

3.2.1.10.1. Trang bị thiết bị cho MPLIS cấp tỉnh

3.2.1.10.1.1. Trang bị máy trạm, mạng, thiết bị ngoại vi cho Văn phòng Đăng ký cấp tỉnh và các chi nhánh

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động: Để trang bị cho các địa bàn xây dựng CSDL đất đai, đảm bảo kết nối tới CSDL đất đai quốc gia để vận hành, khai thác sử dụng dữ liệu, BQLDA

VILG cấp Trung ương thực hiện các hoạt động sau:

+ Tổ chức mua sắm các thiết bị (máy trạm đồ hoạ để xử lý nghiệp vụ chuyên về bản đồ, máy tính xách tay, thiết bị chuyển mạch để lắp đặt mạng nội bộ LAN trong một chi nhánh VPĐK, phần mềm biên tập bản đồ,...)

+ Lắp đặt, bàn giao, hướng dẫn sử dụng thiết bị cho các VPĐK và các chi nhánh VPĐK các tỉnh.

- Cách thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu theo phương thức mua sắm tập trung đối với các thiết bị cho VPĐK và các chi nhánh VPĐK các tỉnh theo ủy quyền của UBND các tỉnh cho Bộ TNMT thực hiện mua sắm tập trung (thông qua BQLDA VILG cấp Trung ương).

+ BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu, ký hợp đồng, quản lý việc thực hiện hợp đồng; tổ chức nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

+ BQLDA cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí cán bộ và mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật để sẵn sàng tiếp nhận và quản lý, vận hành thiết bị được cung cấp.

- Nguồn vốn thực hiện: vốn IDA.

b) Sản phẩm: Các thiết bị được bàn giao, lắp đặt và vận hành tại các VPĐK và chi nhánh VPĐK các tỉnh.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Giám sát, kiểm tra và nghiệm thu kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.11.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.2.1.10.2. Máy tính và máy in cho cấp xã

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động: Dự án sẽ đầu tư máy tính và máy in cho các xã của tất cả các huyện được đầu tư xây dựng CSDL đất đai, đảm bảo kết nối tới CSDL đất đai để vận hành, khai thác dữ liệu.

- Cách thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương và các BQLDA cấp tỉnh tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị ngoại vi (máy tính, máy in) cho cấp xã theo phương thức thỏa thuận khung.

- Nguồn vốn thực hiện: vốn IDA

b) Sản phẩm: Tất cả các xã thuộc địa bàn Dự án sẽ được trang bị máy tính và máy in, các thiết bị này được hướng dẫn sử dụng, cài đặt và vận hành.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có

thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.11.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.2.1.11. Chuyển giao công nghệ

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động: Các nội dung chính thực hiện như sau:

+ In tài liệu hướng dẫn sử dụng (cho cấp huyện và tỉnh).

+ In tài liệu hướng dẫn khai thác (cho cấp xã).

+ Chuyển giao công nghệ quản trị hệ thống MPLIS.

+ Chuyển giao công nghệ về cập nhật, vận hành, khai thác CSDL.

+ Chuyển giao công nghệ nâng cao về cập nhật, vận hành, khai thác CSDL.

+ Chuyển giao công nghệ nhân rộng mô hình sử dụng MPLIS cho 30 tỉnh còn lại.

+ Chuyển giao công nghệ MPLIS cho cấp xã.

- Cách thức thực hiện:

+ BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức lựa chọn nhà cung cấp để thực hiện việc in tài liệu hướng dẫn sử dụng và tài liệu hướng dẫn khai thác bằng nguồn vốn vay NHTG.

+ BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức các khóa cập nhật, vận hành, khai thác CSDL, chuyển giao công nghệ về quản lý, sử dụng hệ thống MPLIS, cập nhật, vận hành, khai thác CSDL cho 63 tỉnh (33 tỉnh được đầu tư xây dựng CSDL và 30 tỉnh còn lại) bằng nguồn vốn vay NHTG.

+ BQLDA cấp tỉnh tổ chức các khóa chuyển giao công nghệ MPLIS cho cấp xã bằng nguồn vốn vay NHTG.

b) Sản phẩm

- Các tỉnh được hướng dẫn sử dụng hệ thống MPLIS để vận hành CSDL đất đai.

- Tài liệu đào tạo tập huấn và các cán bộ tại địa phương được đào tạo.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.10.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.2.2. Tiểu hợp phần 2.2. Xây dựng CSDL đất đai quốc gia

3.2.2.1. Lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán xây dựng CSDL đất đai (Thiết kế kỹ thuật - Dự toán)

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động:

Căn cứ vào kế hoạch hoạt động hàng năm, Chủ đầu tư tổ chức khảo sát, lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán.

+ Việc lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán cần khảo sát, xác định khối lượng cụ thể và phương án tổ chức thi công cho từng đơn vị cấp huyện.

+ Khảo sát, lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán đối với đơn vị cấp huyện thực hiện chuẩn hóa, bổ sung, chuyển đổi CSDL vào hệ thống.

- Cách thức thực hiện:

+ BQLDA cấp tỉnh thực hiện việc đấu thầu/lựa chọn nhà thầu khảo sát, lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán gói thầu DVKT xây dựng CSDL cho từng đơn vị cấp huyện hoặc các huyện theo kế hoạch năm và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt của dự án.

+ BQLDA cấp tỉnh thực hiện việc đấu thầu/lựa chọn nhà thầu khảo sát, lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán cho gói thầu DVKT chuẩn hóa, chuyển đổi CSDL địa chính vào hệ thống MPLIS theo kế hoạch năm và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt của dự án.

+ BQLDA VILG cấp Trung ương thực hiện việc đấu thầu/lựa chọn nhà thầu khảo sát, lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán cho gói thầu DVKT chuẩn hóa, chuyển đổi CSDL địa chính vào hệ thống MPLIS theo kế hoạch năm và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt của dự án.

b) Sản phẩm

+ Báo cáo khảo sát (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định).

+ Thiết kế kỹ thuật - Dự toán của từng gói thầu DVKT được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện.

- Phần Trung ương thực hiện

+ BQLDA VILG cấp Trung ương: Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ; Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.

+ TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo niên độ. Phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán cho gói thầu DVKT xây dựng cơ sở dữ

liệu đất đai do Trung ương thực hiện.

- Phân địa phương thực hiện:

+ BQLDA cấp tỉnh: Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ; Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.

+ Sở TNMT: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo niên độ.

Lưu ý: Khi thực hiện thẩm định Thiết kế kỹ thuật - Dự toán, Sở TNMT phải yêu cầu Văn phòng Đăng ký đất đai góp ý cụ thể về phương án bố trí nhân lực để hoàn thiện phần tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo hoàn thành các nội dung công việc sẽ do Văn phòng đăng ký thực hiện.

Sở TNMT có trách nhiệm thẩm định nội dung quy trình giải pháp kỹ thuật của TKKT-DT bằng văn bản, trước khi trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Sau khi Thiết kế kỹ thuật - Dự toán xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phải nộp Quyết định phê duyệt kèm theo Thiết kế kỹ thuật - Dự toán xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (bản số) về Tổng cục Quản lý đất đai và bản QLDA VILG cấp TW để kiểm tra, theo dõi. Thời gian gửi chậm nhất là 07 ngày kể từ ngày được phê duyệt.

(Hướng dẫn lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán chi tiết tại Phụ lục 3.1).

3.2.2.2. Xây dựng CSDL đất đai

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động: Tổ chức việc xây dựng CSDL đất đai đối với 189 huyện thuộc 33 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được đầu tư xây dựng CSDL đất đai.

- Cách thức thực hiện:

+ BQLDA cấp tỉnh thực hiện thông qua: Thỏa thuận đặt hàng đối với khối lượng các công việc do Văn phòng đăng ký thực hiện và đấu thầu phân khối lượng còn lại (khối lượng được xác định theo TKKTDĐT được phê duyệt).

+ Quy trình xây dựng CSDL đất đai được thực hiện theo quy định của Bộ TNMT:

- Quy trình xây dựng CSDL địa chính đối với trường hợp đã thực hiện đăng ký, cấp GCN theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.2;

- Quy trình xây dựng CSDL về Thống kê, kiểm kê đất đai theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.4;

- Quy trình xây dựng CSDL Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.5;

- Quy trình xây dựng CSDL Giá đất theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.6;

b) Sản phẩm:

- CSDL đất đai được xây dựng gồm 04 CSDL thành phần (địa chính; thống kê,

kiểm kê đất đai; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất) và vận hành theo mô hình thống nhất.

- Dữ liệu về đất đai phải theo quy định kỹ thuật CSDL của Bộ TNMT.

- Sản phẩm phải được đóng gói và bàn giao theo quy định về quy trình xây dựng CSDL đất đai của Bộ TNMT.

(Chi tiết sản phẩm giao nộp theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.8)

- Sản phẩm được bàn giao phải đảm bảo:

+ CSDL địa chính được bàn giao phải đang được vận hành, cập nhật và sử dụng tại địa phương;

+ CSDL thành phần thống kê, kiểm kê đất đai; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất được bàn giao phải tích hợp vào hệ thống ngay sau khi được nghiệm thu để vận hành, cập nhật và sử dụng tại địa phương.

(Chi tiết việc cập nhật và khai thác CSDL đất đai theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.7)

+ Sau khi sản phẩm được kiểm tra nghiệm thu, chủ đầu tư bàn giao ngay cho VPĐKĐĐ để đưa vào sử dụng.

c) Thời gian thực hiện

- Tiến độ triển khai các gói thầu DVKT xây dựng CSDL đất đai theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các gói thầu DVKT xây dựng CSDL đất đai do nhà thầu thực hiện chỉ được triển khai khi có nhà thầu giám sát, kiểm tra, nghiệm thu.

d) Nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA cấp tỉnh:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.9.

- Sở TNMT: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.2.2.3. Chuẩn hóa, chuyển đổi CSDL địa chính

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động:

+ Nội dung công việc thuộc phạm vi công việc của 33 tỉnh thực hiện: Chuẩn hóa, chuyển đổi CSDL địa chính (bao gồm nội dung bổ sung dữ liệu địa chính) và bổ sung dữ liệu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thống kê, kiểm kê, giá đất vào hệ thống MPLIS.

+ Nội dung công việc thuộc phạm vi 30 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn lại do Trung ương thực hiện: Chuẩn hóa, chuyển đổi CSDL địa chính (bao gồm nội dung bổ sung dữ liệu địa chính) và bổ sung dữ liệu về quy hoạch, kế hoạch sử

dụng đất, thống kê, kiểm kê, giá đất vào hệ thống MPLIS.

- Quy trình chuẩn hóa, chuyển đổi CSDL địa chính (bao gồm nội dung bổ sung CSDL địa chính) được thực hiện theo quy định của Bộ TNMT theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.3.
- Quy trình bổ sung dữ liệu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thống kê, kiểm kê, giá đất thực hiện theo hướng dẫn các tại Phụ lục 3.5, Phụ lục 3.4, Phụ lục 3.6.

- Cách thức thực hiện:

+ BQLDA VILG cấp Trung ương thực hiện thông qua đấu thầu bằng nguồn vốn vay NHTG đối với đơn vị cấp huyện của 30 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không được đầu tư xây dựng CSDL.

+ BQLDA cấp tỉnh thực hiện thông qua đấu thầu bằng nguồn vốn vay NHTG đối với 105 đơn vị cấp huyện của 33 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi Dự án.

b) Sản phẩm: CSDL đất đai được chuẩn hóa, chuyển đổi vào hệ thống MPLIS để vận hành (Chi tiết theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.8).

+ Sau khi sản phẩm được kiểm tra nghiệm thu, chủ đầu tư bàn giao ngay cho VPĐKĐĐ để đưa vào sử dụngc) Thời gian thực hiện: Tiến độ triển khai các gói thầu DVKT theo tiến độ thực hiện của kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt hàng năm của từng tỉnh.

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.9.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

- BQLDA cấp tỉnh:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.9.

- Sở TNMT: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.2.2.4. Giám sát, kiểm tra, nghiệm thu

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động:

+ Tổ chức việc giám sát, kiểm tra nghiệm thu đối với từng gói thầu DVKT xây dựng CSDL đất đai theo quy định của Bộ TNMT.

+ Tổ chức việc giám sát, kiểm tra nghiệm thu đối với từng gói thầu DVKT

chuẩn hóa, chuyển đổi CSDL địa chính (bao gồm cả bổ sung thêm dữ liệu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thông kê, kiểm kê, giá đất và tích hợp vào hệ thống) theo quy định của Bộ TNMT.

- Cách thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương và các BQLDA cấp tỉnh thực hiện thông qua đấu thầu bằng nguồn vốn đối ứng.

b) Sản phẩm: Bộ hồ sơ kiểm tra nghiệm thu.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện

BQLDA VILG cấp Trung ương và các BQLDA cấp tỉnh tổ chức thực hiện giám sát, kiểm tra và nghiệm thu kết quả thực hiện các gói thầu DVKT do đơn vị thi công bàn giao theo quy định của Bộ TNMT về giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu các công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai.

(Chi tiết theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.9)

3.2.3. Tiểu hợp phần 2.3. Tăng cường sự tham gia của người dân, doanh nghiệp và liên thông dữ liệu giữa các cấp, các ngành

3.2.3.1. Nâng cấp phần mềm Cổng thông tin đất đai

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động: Cổng thông tin đất đai được nâng cấp và phát triển theo thiết kế được phê duyệt phù hợp với Khung kiến trúc chính phủ điện tử.

- Cách thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương thực hiện việc đấu thầu bằng nguồn vốn vay NHTG.

b) Sản phẩm: Cổng thông tin đất đai được cài đặt và vận hành tại Trung ương, cung cấp các dịch vụ công và cho phép các đối tượng khai thác thông tin về đất đai trong CSDL đất đai theo phân quyền.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.10

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.2.3.2. Chia sẻ, liên thông dữ liệu giữa các cấp, các ngành

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động:

+ Xây dựng mô hình liên thông và chia sẻ thông tin đất đai giữa cơ quan quản lý đất đai với cơ quan thuế, cơ quan quản lý xây dựng.

+ Chia sẻ thông tin đất đai giữa cơ quan Tài nguyên và môi trường với các ngành như Ngân hàng, Tư pháp, Công chứng.

+ Triển khai thí điểm, hoàn thiện mô hình.

+ Đào tạo, chuyển giao công nghệ.

+ Triển khai mô hình liên thông và chia sẻ thông tin đất đai giữa cơ quan quản lý đất đai với cơ quan thuế tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được đầu tư xây dựng CSDL.

- Cách thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương thực hiện việc đấu thầu bằng nguồn vốn vay NHTG.

b) Sản phẩm: Phần mềm chia sẻ, liên thông dữ liệu đất đai với các ngành, lĩnh vực khác được cài đặt và vận hành tại TCQLĐĐ, là điểm chia sẻ CSDL đất đai duy nhất với các lĩnh vực khác.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.9

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.3. Hợp phần 3: Quản lý Dự án

3.3.1. Hỗ trợ quản lý Dự án

3.3.1.1. Mua sắm trang thiết bị văn phòng, sửa chữa, nâng cấp văn phòng cho BQLDA cấp TW và 33 BQLDA cấp tỉnh; sửa chữa, nâng cấp, duy tu VPĐK

3.3.1.1.1. Mua sắm trang thiết bị cho BQLDA cấp TW và 33 BQLDA cấp tỉnh;

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động: Mua sắm trang thiết bị văn phòng cho BQLDA cấp Trung ương và BQLDA các tỉnh.

- Cách thức thực hiện: thực hiện thông qua việc đấu thầu bằng nguồn vốn đối ứng của Trung ương và các tỉnh.

b) Sản phẩm: Trang thiết bị văn phòng phục vụ cho BQLDA cấp Trung ương và BQLDA các tỉnh

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện
- BQLDA VILG cấp Trung ương:
 - + Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ;
 - + Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.
 - TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo niên độ.
 - BQLDA cấp tỉnh:
 - + Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ;
 - + Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.
 - Sở TNMT: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo niên độ.

3.3.1.1.2. Sửa chữa, nâng cấp văn phòng cho BQLDA cấp TW và 33 BQLDA cấp tỉnh; sửa chữa, nâng cấp, duy tu VPĐK

- a) Nội dung, cách thức thực hiện
- Nội dung hoạt động: nâng cấp, sửa chữa, duy tu cho Văn phòng BQLDA cấp Trung ương và BQLDA, các VPĐK cấp tỉnh
 - Cách thức thực hiện: thực hiện thông qua việc đấu thầu bằng nguồn vốn đối ứng của Trung ương và địa phương.
- b) Sản phẩm: Văn phòng BQLDA cấp Trung ương và BQLDA, các VPĐK cấp tỉnh được sửa chữa, duy tu.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện
- BQLDA VILG cấp Trung ương:
 - + Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ;
 - + Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.
 - TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo niên độ.
 - BQLDA cấp tỉnh:
 - + Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ;
 - + Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.
 - Sở TNMT: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo niên độ.

3.2.1.2. Đào tạo, hội thảo phục vụ quản lý Dự án

3.2.1.2.1. Hội nghị, hội thảo của Ban QLDA cấp Trung ương và Ban QLDA cấp tỉnh

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động: Tổ chức các Hội nghị, hội thảo phục vụ tổ chức, thực hiện Dự án.

- Cách thức thực hiện: BQLDA cấp Trung ương và BQLDA cấp tỉnh tổ chức hội thảo bằng nguồn vốn đối ứng của Trung ương và địa phương.

b) Sản phẩm: Báo cáo kết quả Hội thảo và tài liệu.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

TCQLĐĐ, Sở TNMT tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo niên độ.

3.2.1.2.1. Đào tạo cho các cán bộ thuộc Ban QLDA cấp Trung ương và các tỉnh

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động: Tổ chức các khóa đào tạo nâng cao năng lực. Nội dung đào tạo về: kiểm soát tài chính nội bộ, quản lý hợp đồng, kỹ năng mua sắm đấu thầu.

- Cách thức thực hiện: BQLDA cấp Trung ương tổ chức các khóa đào tạo cho các cán bộ thuộc Ban QLDA cấp Trung ương và các tỉnh phục vụ quản lý Dự án bằng nguồn vốn vay NHTG.

b) Sản phẩm: Báo cáo kết quả các khóa đào tạo và tài liệu.

c) Thời gian thực hiện: được thực hiện thành 2 đợt: năm 2019 và năm 2021.

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

TCQLĐĐ, Sở TNMT tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo niên độ.

3.2.1.3. Thuê tuyển tư vấn phục vụ quản lý Dự án

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động:

+ BQLDA VILG cấp Trung ương sẽ thuê tuyển tư vấn để hỗ trợ trong các lĩnh vực về xây dựng cơ chế tài chính, đảm bảo cung cấp dịch vụ công, chất lượng dịch vụ thông tin đất đai, quản lý tài chính, mua sắm, theo dõi đánh giá (M&E).

+ BQLDA VILG cấp Trung ương và BQLDA cấp tỉnh: thuê tuyển kế toán cho Dự án.

- Cách thức thực hiện:

BQLDA VILG cấp Trung ương và BQLDA cấp tỉnh tổ chức đấu thầu tuyển chọn tư vấn bằng nguồn vốn vay NHTG hoặc vốn đối ứng.

b) Sản phẩm

+ Cán bộ tư vấn làm việc cho BQLDA VILG cấp Trung ương trong thời hạn hợp

đồng và tuân theo từng vị trí thuê tuyên.

+ Cán bộ kế toán làm việc cho các BQLDA cấp tỉnh trong toàn bộ thời gian triển khai Dự án.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo niên độ.

- BQLDA cấp tỉnh:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Sở TNMT: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo niên độ.

3.2.1.4. Kiểm toán độc lập

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động: thuê tuyên tư vấn thực hiện kiểm toán độc lập hàng năm đối với công tác kế toán, tài chính của toàn Dự án

- Cách thức thực hiện: BQLDA cấp Trung ương tổ chức đấu thầu bằng nguồn vốn vay NHTG.

b) Sản phẩm: Báo cáo kiểm toán tài chính hàng năm của toàn Dự án.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo niên độ.

3.2.1.5. Mua sắm phần mềm kế toán

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động: tổ chức đấu thầu mua sắm phần mềm quản lý tài chính - kế toán phù hợp với những quy định về chế độ quản lý tài chính của Chính phủ Việt Nam áp dụng cho Dự án, hài hòa với quy định của NHTG trong khuôn khổ Hiệp định tài trợ.

- Cách thức thực hiện: BQLDA cấp Trung ương tổ chức đấu thầu bằng nguồn vốn vay NHTG.

b) Sản phẩm: phần mềm quản lý tài chính - kế toán phục vụ Dự án, được cài đặt và vận hành cho các BQLDA.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.10.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.2.1.6. Lập, thẩm định hồ sơ mời thầu; đánh giá hồ sơ dự thầu; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu của các gói thầu dịch vụ tư vấn

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động: tổ chức lập, thẩm định hồ sơ mời thầu; đánh giá hồ sơ dự thầu; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu của các gói thầu dịch vụ tư vấn.

- Cách thức thực hiện: BQLDA cấp Trung ương tổ chức đấu thầu bằng nguồn vốn đối ứng.

b) Sản phẩm: Hồ sơ mời thầu, báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu, báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

c) Thời gian thực hiện: Theo tiến độ các gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt hàng năm.

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo niên độ.

3.3.2. Theo dõi và đánh giá

3.3.2.1. Xây dựng và hoàn thiện dữ liệu nền phục vụ theo dõi, đánh giá Dự án

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động: thuê tuyển tư vấn thực hiện việc thu thập, tổng hợp, phân tích dữ liệu nền ở giai đoạn bắt đầu triển khai Dự án, phục vụ theo dõi, đánh giá Dự án.

- Cách thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu bằng nguồn vốn vay NHTG.

b) Sản phẩm: Các dữ liệu nền được thu thập, tổng hợp, phân tích, báo cáo đánh giá ban đầu.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2019.

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu thông qua Hội đồng (hoặc Hội đồng tư vấn) đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu với sự tham gia của đại diện các đơn vị chuyên môn liên quan đến nhiệm vụ.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.3.2.2. Mua sắm phần mềm theo dõi, đánh giá

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động: thực hiện mua sắm phần mềm theo dõi, đánh giá phù hợp với các quy định hiện nay của NHTG và Chính phủ Việt Nam.

- Cách thức thực hiện: BQLDA cấp Trung ương tổ chức đấu thầu bằng nguồn vốn vay NHTG.

b) Sản phẩm: Phần mềm theo dõi, đánh giá được cài đặt và vận hành tại BQLDA VILG cấp Trung ương.

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:

+ Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện gói thầu;

+ Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.10.

- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện gói thầu theo niên độ.

3.3.2.5. Thực hiện theo dõi, đánh giá của BQLDA cấp Trung ương

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động:

+ Đánh giá đầu kỳ nhằm đánh giá các tình hình cơ bản trước khi triển khai Dự án.

+ Đánh giá giữa kỳ nhằm đánh giá kết quả triển khai Dự án trong giai đoạn đầu và xác định các nhu cầu cho giai đoạn tiếp theo.

+ Đánh giá cuối kỳ nhằm đánh giá kết quả, bài học kinh nghiệm của toàn Dự án.

+ Đánh giá tác động sẽ được tổ chức 2 lần vào giữa kỳ và cuối kỳ nhằm đánh giá khách quan, độc lập về kết quả và tác động của Dự án.

- Cách thức thực hiện: BQLDA VILG cấp Trung ương tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị thực hiện đánh giá độc lập bằng nguồn vốn vay NHTG. Tổ chức hội nghị để đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ.

b) Sản phẩm

- + Báo cáo đánh giá đầu kỳ
- + Báo cáo đánh giá giữa kỳ.
- + Báo cáo đánh giá cuối kỳ.
- + Báo cáo đánh giá tác động.

c) Thời gian thực hiện:

Đánh giá đầu kỳ được thực hiện ở giai đoạn đầu triển khai Dự án. Đánh giá giữa kỳ được thực hiện sau 3 năm triển khai Dự án. Đánh giá cuối kỳ được thực hiện trước khi kết thúc Dự án. Đánh giá tác động được thực hiện cùng thời gian với đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA VILG cấp Trung ương:
 - + Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ;
 - + Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- TCQLĐĐ: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo niên độ.

3.3.2.6. *Thực hiện theo dõi, đánh giá của BQLDA cấp tỉnh*

a) Nội dung, cách thức thực hiện

- Nội dung hoạt động: tổ chức theo dõi, đánh giá kết quả triển khai Dự án ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Cách thức thực hiện: BQLDA cấp tỉnh định kỳ tổ chức các hội nghị đánh giá kết quả triển khai Dự án

b) Sản phẩm: Báo cáo của các hội thảo

c) Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch từng năm của các BQLDA cấp tỉnh.

d) Nghiệm thu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện

- BQLDA cấp tỉnh:
 - + Tổ chức giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ;
 - + Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- Sở TNMT: Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo niên độ.

3.3.3. Các quy định về quản lý hành chính

3.3.3.1. Công văn và thư tín

Tất cả công văn, thư tín nội bộ và ra ngoài của Dự án sẽ được đánh số và ghi lại theo các quy định của Bộ TNMT và các Sở TNMT và tuân theo các quy định về công tác văn thư lưu trữ.

Công văn, thư tín từ Văn phòng BQLDA gửi tới các bên liên quan sẽ được viết trên giấy có tiêu đề của BQLDA, do Giám đốc BQLDA (hoặc người được uỷ quyền) ký và đóng dấu. Công văn, thư tín bằng tiếng Anh gửi các đơn vị nước ngoài không cần đóng dấu.

Công văn, thư tín không chính thức, như thư nhắc công việc liên quan đến trao đổi thông tin, thư cá nhân của Dự án, gồm cả của các cán bộ tư vấn có thể được viết trên giấy có tiêu đề của BQLDA và không cần đóng dấu.

3.3.3.2. Tổ chức và quản lý các cuộc họp

Để đảm bảo hiệu quả, chất lượng các cuộc họp, dự kiến chương trình, nội dung họp sẽ được chuẩn bị và gửi các thành viên tham dự trước cuộc họp.

Khi tiến hành họp sẽ chỉ định một thư ký của cuộc họp để ghi chép những vấn đề thảo luận trong cuộc họp.

3.3.3.3. Lưu giữ tài liệu

Hệ thống lưu giữ tài liệu sẽ được thiết lập tại các Văn phòng BQLDA cấp Trung ương và BQLDA các tỉnh để hỗ trợ hiệu quả cho việc kiểm soát tiến độ, dễ dàng tra cứu và phân phát tài liệu.

Các loại công văn, thư tín cần sắp xếp, lưu trữ:

- Công văn, bản ghi nhớ, giao dịch trong văn phòng
- Các bản fax và thư điện tử chính thức.
- Biên bản cuộc họp
- Các loại sổ tay và Hướng dẫn.
- Kế hoạch hoạt động hàng năm, dài hạn và kế hoạch công việc hàng quý.
- Báo cáo tiến độ giai đoạn khởi động, báo cáo tháng, quý và báo cáo năm.
- Giám sát và đánh giá và các báo cáo giám sát đánh giá
- Báo cáo kỹ thuật và chuyên môn, ghi chép kiểm tra kỹ thuật.
- Báo cáo công tác
- Tài liệu và báo cáo kế toán và tài chính.
- Tài liệu mua sắm và đăng ký tài sản.
- Bản mô tả công việc, hợp đồng và báo cáo đánh giá công việc.
- Các loại tài liệu khác theo yêu cầu của Giám đốc BQLDA

Khuyến khích sử dụng chương trình quản lý văn bản để quản lý, lưu trữ các tài liệu dạng điện tử.

3.3.3.4. Máy tính và Mạng nội bộ (LAN)

- Kiểm soát truy cập

Bảo đảm an toàn và bảo mật dữ liệu của chương trình lưu giữ trên máy qua việc sử dụng biện pháp hạn chế truy cập và can thiệp trực tiếp. Sử dụng tài khoản cá nhân để đăng nhập khi truy cứu. Việc truy cập sẽ hạn chế chỉ cho cán bộ của BQLDA.

- Phần mềm sử dụng

Phần mềm của tất cả các máy tính của chương trình phải tuân theo chính sách CNTT của Dự án và do chuyên gia CNTT cài đặt, chịu trách nhiệm bảo quản mạng nội bộ và hạ tầng công nghệ của BQLDA. Hạn chế việc cài đặt phần mềm cá nhân vào các máy tính của Dự án.

- Diệt Virus và sao lưu dữ liệu

Hệ thống máy tính của Dự án phải được trang bị phần mềm cảnh báo và diệt virus hiệu quả và được cập nhật thường xuyên. Tất cả các đĩa mềm, USB, CD và thu điện tử gửi đến đều phải được kiểm tra virus trước khi truy cập file.

Tất cả dữ liệu, tài liệu Dự án và e-mail nên được sao lưu sang đĩa CD-ROM, đĩa nén hay hình thức tương tự theo định kỳ và lưu giữ tại một nơi riêng biệt.

3.3.3.5. Giờ và địa điểm làm việc

Cán bộ BQLDA (trừ nhân viên làm bán thời gian) sẽ có nơi làm việc thường xuyên do BQLDA bố trí. Giờ làm việc tuân theo quy định về giờ làm việc hành chính của Chính phủ Việt Nam.

3.3.3.6. Nghỉ phép và Nghỉ lễ

Cán bộ BQLDA được nghỉ ngày lễ theo quy định của Chính phủ Việt Nam.

Nghỉ phép của nhân viên trong nước sẽ theo quy định của Chính phủ Việt Nam. Mỗi cán bộ khi nghỉ phép phải gửi Giấy xin phép Giám đốc BQLDA trước ít nhất một tuần và chỉ được nghỉ khi có sự đồng ý.

3.3.3.7. Đi công tác

Việc đi công tác của cán bộ BQLDA, bao gồm chuyên gia tư vấn cần lên kế hoạch và xin ý kiến phê duyệt của Giám đốc Dự án trước ít nhất 3 ngày làm việc (trừ trường hợp đột xuất). Sau khi kết thúc chuyến công tác, cần báo cáo kết quả công tác cho Giám đốc BQLDA.

BQLDA có trách nhiệm đăng ký, thông báo cho bên đối tác và chuẩn bị phương tiện đi lại cho đoàn (cán bộ) đi công tác.

3.3.3.8. Sử dụng và bảo dưỡng thiết bị

Các trang thiết bị (tài sản cố định) mua từ bất kỳ nguồn kinh phí nào được cung cấp cho Dự án đều là tài sản của Dự án. Khi Dự án kết thúc hoặc không còn nhu cầu sử dụng phải được xử lý kịp thời theo quy định hiện hành. Trong thời gian thực hiện

Dự án, các thiết bị đặc thù có giá trị lớn có thể được chia sẻ giữa các đối tác thực hiện Dự án nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị của Dự án.

Tài sản Dự án phải được bảo dưỡng, sửa chữa, bảo vệ theo chế độ quy định nhằm đảm bảo sử dụng và vận hành các thiết bị hiệu quả và lâu bền. Giám đốc BQLDA quyết định việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản. Dự án sẽ chỉ định cán bộ theo dõi, chịu trách nhiệm về đảm bảo an toàn, thực hiện đúng theo hướng dẫn về vận hành, chăm sóc bảo dưỡng và lập kế hoạch bảo dưỡng thường xuyên. Các hướng dẫn vận hành đối với các thiết bị thông thường cần được in ấn và đặt tại những nơi sử dụng hoặc gắn vào thiết bị để người sử dụng tham khảo. Nếu có thể, mở lớp đào tạo và hướng dẫn sử dụng, bảo dưỡng định kỳ cho những cán bộ được giao sử dụng thiết bị.

3.3.3.9. Báo cáo kê khai tài sản cố định

Dựa vào bảng kiểm kê tài sản, mọi tài sản đều phải dán nhãn và thường xuyên cập nhật bảng kiểm kê tài sản và đặt tại văn phòng Dự án các cấp. Kế toán của các BQLDA chịu trách nhiệm về theo dõi tài sản cố định và lập sổ theo dõi các tài sản cố định, định kỳ cập nhật.

Tài sản phục vụ quản lý Dự án phải thực hiện báo cáo kê khai. BQLDA có trách nhiệm thực hiện báo cáo kê khai tài sản của Dự án vào CSDL về tài sản Dự án trong CSDL quốc gia về tài sản nhà nước theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

3.3.3.10. Kiểm kê hàng năm và khấu hao tài sản

Tài sản phải được kiểm kê và tính khấu hao theo quy định hiện hành về quản lý, sử dụng tài sản cố định. Việc kiểm kê tài sản cố định được thực hiện hàng năm vào tuần đầu của tháng 1 hàng năm và được ghi chép theo quy định. BQLDA có trách nhiệm theo dõi, hạch toán tài sản phục vụ công tác quản lý.

CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO, TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC

Các hoạt động đào tạo là phần nội dung quan trọng của Dự án, với mục đích xây dựng và phát triển nguồn nhân lực cho việc triển khai các kết quả đầu ra của Dự án, đồng thời, tạo nguồn nhân lực cho các địa phương trong quá trình vận hành, bảo trì Hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu giai đoạn sau khi Dự án kết thúc, đặc biệt là các Văn phòng đăng ký.

Trong bối cảnh nguồn lực của Dự án còn hạn chế, chưa huy động được nguồn vốn hỗ trợ không hoàn lại cho các hoạt động đào tạo, tăng cường năng lực và Chính phủ có những quy định chặt chẽ, hạn chế sử dụng nguồn vốn vay cho các hoạt động này, Dự án đã thiết kế mục tiêu và kế hoạch đào tạo theo hướng xây dựng các khóa đào tạo và các bộ tài liệu đào tạo chuẩn hóa, tập trung vào các nội dung đào tạo về kỹ năng, kết hợp giữa đào tạo tiểu giáo viên và đào tạo cầm tay chỉ việc để đảm bảo vừa tạo ra được một đội ngũ cán bộ chủ chốt có đủ năng lực, từ đó lan tỏa kỹ năng, kiến thức đến các đội ngũ cán bộ xung quanh. Các hoạt động đào tạo được tổ chức ở các khung thời gian phù hợp với tiến độ triển khai dự án, đặc biệt là các hoạt động về triển khai hệ thống thông tin và xây dựng CSDL đất đai ở các địa phương. Kết thúc từng khóa đào tạo, sẽ tổ chức hoạt động đánh giá đầy đủ từ học viên, giảng viên về sự phù hợp của các khóa đào tạo, kết quả thu được, đề xuất của các học viên, từ đó rút kinh nghiệm để chỉnh sửa, hoàn thiện các tài liệu đào tạo cho các khóa tiếp theo, cũng như cho kế hoạch đào tạo của toàn dự án.

4.1. Yêu cầu và đối tượng đào tạo

Việc đào tạo của Dự án được thực hiện từ cấp Trung ương đến địa phương, bao gồm các đối tượng là các tiểu giáo viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý, chuyên môn, cán bộ thực hiện Dự án của các đơn vị, cơ quan, tổ chức có liên quan. Cụ thể như sau:

- *Cấp Trung ương*: Bao gồm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý, chuyên môn nghiệp vụ và cán bộ thực hiện Dự án của Tổng cục QLĐĐ, BQLDA VILG cấp Trung ương...

- *Cấp địa phương*: Bao gồm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở TNMT, phòng Tài nguyên và Môi trường, VPĐK; cán bộ thực hiện dự án của Sở TNMT; công chức Địa chính – Xây dựng – Đô thị và môi trường hoặc công chức Địa chính – Nông nghiệp – Xây dựng và môi trường cấp xã.

- Đối với các tiểu giáo viên: nắm vững kiến thức, có khả năng truyền tải nội dung đến học viên, cập nhật và phổ biến kịp thời những thay đổi về chính sách; đối với đội ngũ tiểu giáo viên đã được đào tạo cần tiếp tục được tham gia vào công tác trợ giảng và các khóa học nâng cao nhằm bổ sung hoàn thiện kiến thức và kỹ năng hỗ trợ trong công tác đào tạo lại; Tài liệu đào tạo cho đội ngũ tiểu giáo viên, đặc biệt là các nội dung liên quan đến kỹ thuật, kỹ năng mềm, phương pháp giảng dạy phải đáp ứng được tiêu chí “chuẩn, dễ sử dụng”.

- Đối với học viên: nắm được các vấn đề xoay quanh nội dung, chủ đề của khóa học, áp dụng những kiến thức được học cho công việc hằng ngày và cho hoạch định công việc trong tương lai.

4.2. Nội dung đào tạo

Các hoạt động đào tạo của Dự án sẽ tập trung chủ yếu về phát triển kỹ năng mềm; đào tạo, tập huấn về công tác xây dựng CSDL đất đai; quản lý, vận hành và khai thác sử dụng hệ thống thông tin đất đai; kỹ năng tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng; các nội dung liên quan tới công tác quản lý Dự án.

Nhu cầu và kế hoạch đào tạo của Dự án được thiết kế trên cơ sở nguồn vốn đầu tư đã được huy động. Trong quá trình triển khai, kế hoạch này có thể được xem xét, điều chỉnh trên cơ sở các nguồn vốn không hoàn lại được huy động bổ sung cho Dự án và tình hình triển khai thực tế.

Việc đào tạo cán bộ về xây dựng CSDL đất đai; quản lý, vận hành và khai thác sử dụng hệ thống thông tin đất đai và về kỹ năng trong tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng là một trong những công tác quan trọng của việc tăng cường năng lực cho các địa phương nhằm đảm bảo các cán bộ tham gia vào quản lý, vận hành CSDL đất đai tại các Văn phòng đăng ký đất đai có thể sử dụng thành thạo, thuần thục các ứng dụng trong hệ thống thông tin đất đai.

Trong quá trình tổ chức đào tạo, yếu tố giới cần được chú trọng khi lựa chọn các đối tượng tham gia vào các khóa đào tạo để đảm bảo tăng cường hơn nữa vai trò, sự bình đẳng của các cán bộ nữ trong triển khai Dự án.

4.3. Kế hoạch đào tạo

Khi chuẩn bị triển khai Dự án năm đầu tiên, BQLDA VILG cấp Trung ương và cấp tỉnh sẽ xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm. Sau đó, BQLDA VILG cấp Trung ương và cấp tỉnh sẽ xây dựng, trình phê duyệt kế hoạch đào tạo hàng năm theo quy trình xây dựng kế hoạch hoạt động chung của Dự án để làm căn cứ thực hiện.

Việc lập kế hoạch và tổ chức các khóa đào tạo được thực hiện như sau:

(i) Thiết kế chương trình khóa đào tạo, tập huấn

- Xác định tên khóa đào tạo, tập huấn, thể hiện nội dung chính, ngắn gọn, dễ hiểu và bao quát được các yêu cầu của tập huấn.

- Phân tích lựa chọn đối tượng đào tạo, tập huấn: số lượng học viên, tuổi, giới tính, nghề nghiệp...

- Mục tiêu của khóa đào tạo, tập huấn: Xác định rõ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể và những đóng góp của khóa đào tạo cho một hoạt động. Mục tiêu cụ thể cần đảm bảo yêu cầu sau:

- Về kiến thức: sau khóa đào tạo, tập huấn, học viên hiểu rõ hơn về các hoạt động, mục tiêu, kết quả đầu ra của Dự án; được trang bị thêm các kiến thức chuyên môn được cung cấp trong bài giảng, ví dụ chuyên môn về quản lý, vận hành, bảo trì hệ thống thông tin, CSDL,...

- Về kỹ năng: sau khóa đào tạo, tập huấn, học viên nắm vững hơn và có khả

năng thực hiện tốt hơn các kỹ năng về xử lý tình huống công việc, giải quyết các tình huống phát sinh....

- Về thái độ: sau khóa đào tạo, tập huấn, học viên thay đổi thái độ, hành vi về quản lý thời gian làm việc, kế hoạch thực hiện công việc rõ ràng, cụ thể, tích cực tham gia vào các hoạt động của tổ chức

- Địa điểm đào tạo, tập huấn: Địa điểm tập huấn yêu cầu đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị,... tạo điều kiện tốt nhất cho các học viên tham gia.

(ii) Quy trình tổ chức các khóa đào tạo

- Xác định đối tượng đào tạo, tập huấn:

Là yếu tố rất quan trọng để tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn phù hợp, đồng thời, lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp cho từng loại đối tượng đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

Căn cứ vào nhu cầu đào tạo của cơ quan, đơn vị, địa phương để xác định đối tượng, thành phần tham gia khóa đào tạo.

- Xác định mục tiêu, thời gian của khóa học

Căn cứ vào nhu cầu đào tạo, đối tượng đào tạo để xác định mục tiêu, thời gian của khóa học đảm bảo học viên đạt được những kiến thức, kỹ năng nâng cao khả năng tác nghiệp.

Sau khi kế hoạch tổ chức khóa học được phê duyệt cần tiến hành:

- + Thông báo triệu tập học viên

Nội dung chính của thông báo triệu tập học viên gồm: Mục đích, nội dung, hình thức đào tạo; thành phần và số lượng; thời gian, địa điểm, kinh phí và những vấn đề cần lưu ý: giới, cơ cấu...

- + Quản lý, tổ chức thực hiện khóa học

- + Đánh giá khóa học

Kết thúc một khóa học cần tiến hành đánh giá khóa học:

- Nội dung: đánh giá toàn diện, bao gồm nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy, tài liệu, tổ chức khóa học....;

- Đối tượng tham gia đánh giá: học viên, cán bộ giảng dạy;

- Phương pháp đánh giá: theo Phiếu đánh giá hoặc phỏng vấn trực tiếp.

d) Hồ sơ khóa học:

Kết thúc khóa học, Ban tổ chức khóa học cần hoàn tất hồ sơ khóa học và bàn giao, lưu trữ để nghiệm thu kết quả và thực hiện quyết toán tài chính theo quy định (Lưu ý: danh mục hồ sơ lưu trữ này có tính chất tham khảo, tùy theo từng khóa học cụ thể và yêu cầu của bộ phận tài chính, của nhà tài trợ Ban tổ chức khóa học hoàn thiện hồ sơ):

1. Thông báo triệu tập - Phụ lục 4.1;

2. Chương trình khóa học - Phụ lục 4.2;
3. Danh sách học viên - Phụ lục 4.3;
4. Danh sách học viên được cấp chứng chỉ (nếu có) - Phụ lục 4.4;
5. Kế hoạch hành động của học viên sau khóa học - Phụ lục 4.5;
6. Phiếu đánh giá khóa học - Phụ lục 4.6;
7. Báo cáo tổng kết khóa đào tạo - Phụ lục 4.7 ;
8. Tổng hợp kết quả đào tạo năm - Phụ lục 4.8;

CHƯƠNG V. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG NÂNG CAO NHẬN THỨC CỘNG ĐỒNG

5.1. Tổng quan

Dự án sẽ xây dựng và triển khai Chiến lược và kế hoạch truyền thông áp dụng cho tất cả các địa bàn trong suốt thời gian thực hiện Dự án; xây dựng các công cụ truyền thông (áp phích, tờ rơi, sổ tay, băng video) và các thông điệp được biên soạn bởi các chuyên gia về truyền thông cấp quốc gia để chuyển giao cho các tỉnh thực hiện. Các nội dung và thông điệp quan trọng cần được xác định trong kế hoạch truyền thông làm căn cứ để thực hiện các hoạt động truyền thông.

Các hoạt động cụ thể sẽ bao gồm:

- Xây dựng và cập nhật Chiến lược và Kế hoạch truyền thông;
- Thiết kế và sản xuất các tờ rơi, áp phích, sổ tay truyền thông về Dự án nhằm tạo nhận thức chung về tác động của Dự án và tăng cường sử dụng các dịch vụ đất đai;
- Xây dựng các chương trình video phát trên truyền hình;
- Tổ chức các hội nghị định hướng tuyên truyền và phổ biến kế hoạch hành động DTTS;
 - Điều tra, đánh giá nhận thức của người sử dụng đất tại các khu vực của Dự án;
 - Tổ chức họp dân tại các xã, đặc biệt các xã có người DTTS;
 - Đào tạo cho cán bộ nâng cao nhận thức cộng đồng các cấp;
 - Triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng tại tất cả các xã, đặc biệt ưu tiên xã có đông đồng bào DTTS.

Trong đó, tài liệu quan trọng nhất là Chiến lược truyền thông. Tài liệu này được xây dựng nhằm thúc đẩy nhu cầu của các nhóm dễ bị tổn thương và thể hiện sự cam kết mạnh mẽ hơn từ các chính quyền địa phương trong việc giải quyết những hạn chế trong việc cung cấp các dịch vụ thông tin đất đai. Chiến lược truyền thông cần nêu các khó khăn và yêu cầu phát sinh đã được phản ánh trong các cuộc tham vấn địa phương nhằm đảm bảo lợi ích mang lại cho những nhóm dễ bị tổn thương đồng thời cần lưu ý đến các đề xuất của báo cáo đánh giá xã hội về các giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả công tác nâng cao nhận thức cộng đồng và huy động sự tham gia của người dân. Chiến lược truyền thông không chỉ là kênh thông tin của Dự án đến với cộng đồng, mà còn thu thập ý kiến phản hồi từ cộng đồng, từ đó đưa ra các giải pháp xử lý phù hợp.

5.2. Đối tượng của hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng

- *Người dân*: tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân; người nghèo, người DTTS. Trong đó: chú trọng hơn đối với phụ nữ và đối tượng thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng là các trưởng thôn, già làng, trưởng bản, cán bộ mặt trận và các tổ chức đoàn thể, những người có uy tín ở cộng đồng dân cư.

- *Cán bộ quản lý Nhà nước*: cán bộ quản lý đất đai các cấp, cán bộ địa chính cấp cơ sở, uỷ ban nhân dân xã.

5.3. Nội dung tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng

- Nội dung, mục tiêu, kết quả đầu ra của Dự án và các hiệu quả về chính trị, kinh tế, xã hội mà Dự án mang lại cho địa phương, cộng đồng
- Nội dung và vai trò của LIS đa mục tiêu, CSDL đất đai;
- Chính sách pháp luật về đất đai liên quan đến khai thác, sử dụng thông tin đất đai; các quy định về quyền khai thác và tiếp cận thông tin đất đai;
- Các loại hình dịch vụ đất đai; cách tiếp cận, sử dụng, khai thác các thông tin đất đai, đặc biệt thông qua các hình thức tra cứu trực tuyến; và cách tiếp cận các dịch vụ đất đai.

5.4. Phương pháp, hình thức thực hiện

Qua kênh chính thức

- Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai, đội ngũ báo cáo viên các cấp (tham gia các công tác truyền thông trực tiếp qua hội nghị, hội thảo, mít tinh);
- Cán bộ địa chính cấp cơ sở (truyền thông trực tiếp qua các cuộc họp ở cơ sở);
- Phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong việc lồng ghép các nội dung truyền thông vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức đó (cơ quan tư pháp, văn hóa - thông tin, đại biểu hội đồng nhân dân, mặt trận tổ quốc, hội nông dân, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, đoàn thanh niên...);
- Đơn vị hỗ trợ địa phương (hội nông dân, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, đoàn thanh niên...).

Qua các phương tiện thông tin đại chúng:

- Truyền hình, truyền thanh; báo chí; hệ thống loa truyền thanh xã; Internet.

Qua việc cung cấp tài liệu, phát tờ rơi, pano, áp phích:

- Tài liệu, sổ tay truyền thông; tờ rơi; áp phích; đĩa CD dữ liệu.

5.5. Huy động sự tham gia của người dân

Việc tham gia của người dân vào trong các hoạt động của Dự án là cơ sở để tăng cường sự tin tưởng, khuyến khích họ tham gia mạnh mẽ và tích cực hơn trong quá trình triển khai Dự án VILG.

Người dân có quyền được tham gia đầy đủ và tự do vào các cuộc họp giới thiệu Dự án, thông báo về các hoạt động của Dự án triển khai tại địa phương như đăng ký, cung cấp các dịch vụ đất đai... Các cuộc họp thông tin sẽ được tổ chức tại địa phương để giải thích cụ thể về các hoạt động của Dự án cho người dân địa phương và để giải đáp các thắc mắc.

Trước khi triển khai các hoạt động của Dự án cần hết sức chú trọng đến vai trò của người dân trong việc tham vấn, trao đổi, lấy ý kiến về các hoạt động của Dự án, đặc biệt đối với các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng cũng như các hoạt động của kế hoạch hành động DTTS đối với những nơi có đông đồng bào DTTS sinh sống. Mức độ hiểu biết của người dân về Dự án là một trong những yếu tố

căn bản để đánh giá sự thành công của Dự án, qua đó thể hiện được chính sách pháp luật của Nhà nước được thực thi hiệu quả và phổ biến sâu rộng đến mọi người dân.

5.6. Vấn đề giới

Dự án VILG cung cấp các thông tin cho các cộng đồng, đặc biệt là đồng bào DTTS về sự cần thiết của việc đăng ký cấp GCN có cả tên chồng và vợ để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho phụ nữ trong sử dụng đất.

5.7. Các hoạt động chính cần thực hiện

Các hoạt động truyền thông cần được lựa chọn phù hợp với các đối tượng và địa bàn thực hiện Dự án.

5.7.1. Đào tạo, tập huấn:

- *Mục đích:* tập huấn về kỹ năng truyền thông, nội dung của pháp luật và LIS cho đội ngũ cán bộ quản lý đất đai, những người tham gia thực hiện truyền thông. Cụ thể có thể liệt kê gồm:

- Cán bộ quản lý đất đai cấp tỉnh, huyện;
- Cán bộ địa chính cấp cơ sở;
- Một số đối tượng khác tại cấp xã và thôn như cán bộ văn hoá thông tin, cán bộ ban công tác mặt trận, cán bộ hội phụ nữ, hội nông dân, hội cựu chiến binh cấp xã, trưởng thôn, trưởng bản, già làng.

5.7.2. Truyền thông trực tiếp:

Hình thức truyền thông trực tiếp được thực hiện thông qua các cuộc họp, hội nghị, buổi nói chuyện... tại cộng đồng. Người thực hiện sẽ là các báo cáo viên, tuyên truyền viên, cán bộ quản lý đất đai, cán bộ các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương.

Hoạt động này triển khai thực hiện thông qua hỗ trợ kinh phí cho các BQL Dự án tổ chức các cuộc họp tại cộng đồng (kinh phí biên soạn tài liệu, đi lại, thuyết trình và kinh phí phiên dịch ra tiếng dân tộc...).

5.7.3. Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng

- *Truyền thanh, truyền hình,* thực hiện phát sóng trên kênh truyền hình phủ sóng toàn quốc và đài truyền hình các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham gia Dự án bằng cách biên tập, xây dựng và phát các phóng sự, tiểu phẩm trên truyền hình. Phóng sự, tiểu phẩm được xây dựng với các thông điệp cụ thể, dễ nhớ, được dịch ra một số tiếng DTTS chính (nếu có) ở các địa bàn có đông đồng bào DTTS sinh sống. Các phóng sự, tiểu phẩm sẽ được phát vào thời điểm thích hợp, ở Trung ương phát sóng với tần suất một quý một lần, ở địa phương phát nửa năm một lần. Các phóng sự sẽ được biên tập lại, ghi thành đĩa DVD, VCD và CD phát cho các xã trong vùng Dự án để các xã có thể chủ động trong công tác truyền thông bằng các buổi trình chiếu, các bản tin phát thanh, truyền hình.

- *Báo chí:* hỗ trợ biên tập bài viết liên quan đến nội dung cần truyền thông của Dự án trên Báo Tài nguyên và Môi trường.

- *Đưa nội dung truyền thông của Dự án lên trang Web,* hoạt động này bao gồm

việc biên tập các nội dung truyền thông cập nhật đưa thông tin lên trang Web của Dự án và của Bộ TNMT cũng như các trang web của các tỉnh tham gia Dự án.

- *Thông qua hệ thống loa truyền thanh cơ sở*, thực hiện trên địa bàn toàn bộ các xã Dự án với 04 buổi/1 xã/1 năm. Hoạt động này thực hiện thông qua việc cung cấp tài liệu, hỗ trợ biên tập nội dung truyền thanh, dịch ra tiếng dân tộc đối với các xã có DTTS sinh sống chủ yếu.

5.7.4. Biên tập, phát hành các tài liệu, tờ rơi

Biên soạn, thiết kế, phát hành các tài liệu tuyên truyền với nội dung phong phú, phù hợp với từng đối tượng, từng chủ đề ở từng thời điểm thích hợp. Hình thức bao gồm tài liệu nghiệp vụ về kỹ năng truyền thông để cung cấp cho những người thực hiện công tác này; các tờ rơi, áp phích tuyên truyền cần ngắn gọn, dễ nhớ, dễ hiểu. Việc thiết kế, biên tập phải nhằm đáp ứng được nhu cầu tìm hiểu của nhân dân nói chung, đặc biệt là của người dân ở nông thôn, miền núi nói riêng với nội dung thiết thực, thông điệp đơn giản, hình thức trình bày hấp dẫn người đọc.

- *Biên soạn, phát hành Sổ tay truyền thông đất đai*

Nội dung bao gồm các hướng dẫn nghiệp vụ truyền thông, các quy định pháp luật về quản lý đất đai liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất. Các tài liệu phát cho những người sẽ tham gia thực hiện việc truyền thông ở toàn bộ địa bàn các tỉnh Dự án bao gồm: cán bộ quản lý đất đai liên quan ở Trung ương, cấp tỉnh, huyện, cán bộ địa chính, báo cáo viên, trưởng thôn, trưởng bản, đơn vị hỗ trợ địa phương....

- *Biên soạn, phát hành các áp phích tuyên truyền khổ lớn* (1,5 x 2m) phát hành xuống từng xã để dán ở các địa điểm công cộng (trụ sở UBND, nhà văn hóa, chợ, điểm Bưu điện văn hóa xã, bệnh viện, trường phổ thông trung học, ...), tạo hiệu quả tích cực đến số lượng lớn người dân.

- *Biên soạn, phát hành tờ rơi*: biên soạn các tờ rơi với các nội dung và đối tượng cụ thể, kèm theo các thông điệp ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu, dễ nhớ và được dịch ra tiếng dân tộc tại các địa bàn có đông đồng bào DTTS sinh sống.

5.7.5. Điều tra, đánh giá nhận thức của người sử dụng đất, đặc biệt các nhóm đồng bào DTTS, tại khu vực Dự án

Tổ chức cuộc điều tra, đánh giá nhận thức trên địa bàn rộng tại các tỉnh đại diện cho các vùng triển khai Dự án để đề xuất các biện pháp, công cụ truyền thông hiệu quả áp dụng cho các đối tượng phù hợp.

5.7.6. Hội thảo nghiệp vụ, định hướng tuyên truyền, trao đổi kinh nghiệm, tổng kết

Hàng năm, tổ chức các cuộc hội thảo, đối tượng bao gồm cán bộ truyền thông của Trung ương và đại diện làm công tác này ở các địa phương nhằm trao đổi, thảo luận những vấn đề thực tiễn qua thực hiện hoạt động truyền thông của Dự án để điều chỉnh cho thích hợp, chỉnh sửa lại kế hoạch.

Nội dung và kế hoạch của công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng được cụ thể hoá trong bản kế hoạch hoạt động và kế hoạch kinh phí của từng cấp (trung ương và các tỉnh).

CHƯƠNG VI. CHÍNH SÁCH AN TOÀN XÃ HỘI

Thực hiện chính sách hoạt động 4.10 (cập nhật năm 2013) của NHTG về việc yêu cầu Bên đi vay thực hiện một quá trình tham vấn tự do, được thông báo trước và được thực hiện trước khi tiến hành Dự án với người dân bản địa khi người dân bản địa bị ảnh hưởng bởi Dự án nhằm tránh hoặc giảm thiểu những tác động xấu của Dự án đến người DTTS và để đảm bảo các hoạt động của Dự án phù hợp với văn hóa và phong tục của địa phương, khuyến khích việc ra quyết định của địa phương và sự tham gia của cộng đồng trong khuôn khổ quy định pháp luật của Việt Nam, phù hợp với chính sách của NHTG.

DTTS là những dân tộc có số dân ít hơn so với dân tộc đa số trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ), đây là nhóm người dễ bị tổn thương, có bản sắc văn hóa xã hội riêng và có những đặc điểm ở các mức độ khác nhau như sau: (i) tự xác định hoặc do người khác xác định họ là những thành viên của một nhóm cư dân có văn hoá riêng; (ii) gắn bó với những vùng địa lý nhất định hay đất đai của tổ tiên và các nguồn tài nguyên thiên nhiên trên lãnh thổ thuộc khu vực dự án; (iii) có thể chế chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa truyền thống riêng với đặc tính văn hóa xã hội của nhóm đa số; và (iv) có ngôn ngữ bản địa, thường là khác với ngôn ngữ phổ thông của quốc gia hay khu vực

Trong phạm vi triển khai Dự án VILG, các nhóm dân tộc tại các địa bàn triển khai Dự án có khả năng nhận được những lợi ích lâu dài từ việc được truyền thông để nhận thức được các quy định của pháp luật cho đến việc được tiếp cận với các thông tin đất đai và các dịch vụ đất đai. Việc ban hành Khung DTTS và Kế hoạch phát triển DTTS là cơ sở để xây dựng các chính sách cụ thể và hành động nhằm giảm thiểu các tác động tiềm tàng có thể xảy ra trong quá trình triển khai các hoạt động của Dự án.

6.1. Khung chính sách về DTTS của Việt Nam và NHTG

6.1.1. Chính sách về DTTS của Việt Nam

Hiến pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam sửa đổi qua các năm từ 1946, 1959, 1980, 1992 và đến năm 2013 đều quy định rõ “Tất cả các dân tộc là bình đẳng, thống nhất, tôn trọng và giúp đỡ nhau để cùng phát triển; tất cả các hành vi phân biệt đối xử, phân biệt dân tộc; DTTS có quyền sử dụng tiếng nói và chữ viết, duy trì bản sắc của dân tộc, và duy trì phong tục, nguyên tắc và truyền thống của họ. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện thuận lợi cho người DTTS phát huy sức mạnh nội lực để bắt kịp với sự phát triển của quốc gia”.

Các vấn đề về đất đai có ý nghĩa quan trọng về chính trị và sự phát triển kinh tế - xã hội của rất nhiều quốc gia, đặc biệt là những nước đang phát triển. Chính sách đất đai có tác động rất lớn đối với sự phát triển bền vững và cơ hội về phát triển kinh tế - xã hội cho mọi người cả ở khu vực nông thôn và thành thị, đặc biệt là những đối tượng dễ bị tổn thương, bao gồm người DTTS.

Nhà nước Việt Nam đã ban hành các chính sách về việc áp dụng chính sách kinh tế - xã hội cho từng vùng và từng dân tộc, có tính đến nhu cầu cụ thể của các nhóm DTTS. Kế hoạch và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam chú trọng tới DTTS, trong đó một số chương trình quan trọng

như Chương trình 135 (xây dựng cơ sở hạ tầng cho khu vực nghèo, vùng xa và sâu) và Chương trình 134 (xóa nhà tạm).

Luật Đất đai 2013 đã có những quy định cụ thể về chính sách đất đai đối với người DTTS, cụ thể như sau:

- Điều 27 quy định: Nhà nước có chính sách về đất ở, đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào DTTS phù hợp với phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của từng vùng; có chính sách tạo điều kiện cho đồng bào DTTS trực tiếp sản xuất nông nghiệp ở nông thôn có đất để sản xuất nông nghiệp.

- Điều 110 quy định miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với trường hợp sử dụng đất để thực hiện chính sách nhà ở, đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân là DTTS ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, hải đảo; sử dụng đất sản xuất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân là DTTS.

- Điều 133 quy định việc giao đất, cho thuê đất phải ưu tiên hộ gia đình, cá nhân là DTTS không có đất hoặc thiếu đất sản xuất ở địa phương.

6.1.2. Chính sách đối với DTTS của NHTG

Chính sách hoạt động 4.10 (cập nhật năm 2005) của NHTG yêu cầu Bên đi vay thực hiện một quá trình tham vấn tự do, được thông báo trước và được thực hiện trước khi tiến hành dự án với người DTTS khi họ bị ảnh hưởng bởi dự án. Mục đích của việc tham vấn này là nhằm tránh hoặc giảm thiểu những tác động xấu của dự án đến người DTTS và để đảm bảo các hoạt động của dự án phù hợp với văn hóa và phong tục của địa phương. Khuyến khích việc ra quyết định của địa phương và sự tham gia của cộng đồng trong khuôn khổ quy định pháp luật của Việt Nam về phân cấp và về đất đai phù hợp với chính sách của NHTG.

Chính sách an toàn của NHTG chỉ rõ người dân bản địa/người DTTS là nhóm (a) tự xác định là những thành viên của nhóm văn hóa bản địa riêng biệt và được những nhóm khác công nhận; (b) cùng chung môi trường sống riêng biệt về mặt địa lý hoặc cùng lãnh thổ của tổ tiên trong khu vực dự án và cùng chung nguồn tài nguyên thiên nhiên trong những môi trường và lãnh thổ này; (c) thể chế về văn hóa theo phong tục tập quán riêng biệt so với xã hội và văn hóa chung; và (d) một ngôn ngữ bản địa (riêng), thường là khác với ngôn ngữ chính thức của đất nước hoặc của vùng.

Trong phạm vi triển khai dự án VILG, các nhóm DTTS tại các địa bàn triển khai dự án có khả năng nhận được lợi ích lâu dài từ việc được truyền thông để nhận thức được các quy định của pháp luật cho đến việc được tiếp cận với các thông tin đất đai và các dịch vụ đất đai. Việc xây dựng Kế hoạch phát triển DTTS là hành động để giảm thiểu các tác động tiềm tàng có thể xảy ra trong quá trình triển khai các hoạt động của dự án, góp phần thực hiện công tác giảm nghèo và phát triển bền vững, đồng thời, tôn trọng đầy đủ nhân phẩm, quyền con người, giá trị kinh tế và bản sắc văn hóa của các DTTS.

6.2. Khung DTTS của Dự án VILG

6.2.1. Nguyên tắc chung

- Đồng bào DTTS, người nghèo, phụ nữ, là những đối tượng dễ bị tổn thương cần được chú ý đặc biệt hơn.
- Khung DTTS nhằm đảm bảo việc tuân thủ các chính sách của Chính phủ Việt Nam liên quan đến đồng bào DTTS cũng như Chính sách 4.10 của NHTG về các nhóm dân tộc bản địa.
- Các nguyên tắc và cách tiếp cận trong Khung DTTS sẽ áp dụng đối với các cộng đồng DTTS ở các làng/bản trong các khu vực Dự án. Các biện pháp cụ thể sẽ được thực hiện ở các huyện vùng cao thuộc vùng miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, Duyên hải miền Trung và Tây Nam Bộ nơi người DTTS chiếm tỷ lệ cao.
- Các tỉnh có DTTS sinh sống trên địa bàn, phạm vi dự án thì căn cứ Khung DTTS của Dự án và thực tế đặc thù của từng tỉnh phối hợp với Ban QLDA VILG cấp Trung ương, NHTG để xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt KH phát triển DTTS của tỉnh.

6.2.2. Phương pháp tham vấn

Một nhóm nghiên cứu sẽ có 3 người, bao gồm 1 Trưởng nhóm và 2 thành viên sẽ được huy động để tham gia thực hiện. Một số công cụ nghiên cứu định tính thông thường được sử dụng, bao gồm cả các cuộc thảo luận nhóm tập trung, các cuộc phỏng vấn sâu, ghi chép, chụp ảnh và quan sát không tham gia.

Thảo luận nhóm tập trung: mỗi nhóm thảo luận sẽ bao gồm từ 6 – 8 thành viên đã được lựa chọn từ cộng đồng DTTS và mời tham gia bởi một hướng dẫn viên địa phương theo yêu cầu của nhóm nghiên cứu. Dữ liệu phân tách về giới sẽ được chú ý thông qua việc thiết lập nhóm nhạy cảm để thảo luận tập trung. Các hướng dẫn viên địa phương là những người được lựa chọn tại các nơi cư trú (trưởng thôn/bản) là những người rất hiểu về địa phương mình. Để hiểu được các tác động khác nhau và phản ứng của người dân đối với dự án, một nhóm tham gia thảo luận được lựa chọn, bao gồm những người quản lý về đất đai, các tổ chức sử dụng đất và các hộ gia đình sử dụng đất, trong đó có người nghèo/cận nghèo và đại diện của nhóm DTTS.

Phỏng vấn sâu: Nhóm nghiên cứu dự kiến sẽ tiến hành nghiên cứu sâu theo một vài vấn đề. Việc cung cấp thông tin cho các nghiên cứu sâu này sẽ được lựa chọn từ nhóm thảo luận tập trung (nghiên cứu viên có thể tìm ra những người tham gia phỏng vấn có những thông tin đáng chú ý để cung cấp trong cuộc phỏng vấn sâu). Đồng thời, những người tham gia phỏng vấn có thể được đề xuất trực tiếp bởi những lãnh đạo địa phương sau khi nghiên cứu viên giải thích đầy đủ các mục tiêu của cuộc đánh giá.

Kiểm tra chéo: Một vài cuộc phỏng vấn mở rộng với cán bộ địa phương và cán bộ quản lý đất đai sẽ được bổ sung theo một thuật ngữ kỹ thuật gọi là “kiểm tra chéo” để xác minh các thông tin thu thập được từ những người dân/công nhân địa phương.

6.2.3. Lựa chọn khu vực và đối tượng để thu thập thông tin

Hoạt động khảo sát thực địa được tiến hành trên cơ sở các địa bàn có DTTS sinh sống. Tại cấp tỉnh, huyện và xã, nhóm nghiên cứu sẽ tổ chức các buổi tham vấn

và thảo luận nhóm với các nhà quản lý đất đai khác nhau với các tổ chức sử dụng đất. Tại mỗi tỉnh, nhóm nghiên cứu sẽ tổ chức các buổi họp và thảo luận nhóm với đại diện các sở, ban ngành liên quan. Các nhóm người tham gia bao gồm:

- Cán bộ làm công tác Quản lý đất đai: là những cán bộ của Sở TNMT, Phòng TNMT và cán bộ xã (lãnh đạo của xã, cán bộ địa chính cấp cơ sở và lãnh đạo các phòng ban của xã). Họ trực tiếp hoặc có thể gián tiếp tham gia vào các hoạt động quản lý đất đai.

- Đại diện của các cơ quan liên quan: bao gồm các đại diện Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp, Chi cục Thuế, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu Chiến binh, Ủy ban Dân tộc, Đoàn thanh niên.

- Tổ chức kinh tế và các tổ chức khác: bao gồm các tổ chức sử dụng đất, các Ngân hàng, Công ty Luật, Văn phòng công chứng và Công ty Bất động sản và các tổ chức kinh tế khác có liên quan.

- Cộng đồng: bao gồm nhóm người không nghèo, người nghèo và người DTTS trong khu vực nghiên cứu. Thường rất nhiều người phỏng vấn là người DTTS nghèo hoặc không nghèo, là những người sống tại các khu vực khó khăn và điều kiện giáo dục nghèo nàn.

6.2.4. Các nội dung chính của Khung DTTS của dự án VILG

- Tổng quan: Mục đích chung của dự án; Số liệu căn bản về các nhóm DTTS trên địa bàn tỉnh (tỷ lệ dân số, tỷ lệ hộ nghèo); Thông tin căn bản về tình trạng sở hữu quyền sử dụng và đăng ký quyền sử dụng đất của nhóm DTTS thuộc các tỉnh; Thông tin căn bản về tình trạng tiếp cận các thông tin về đất đai của các nhóm DTTS thuộc các tỉnh.

- Tóm tắt phát hiện của báo cáo đánh giá xã hội liên quan tới DTTS: Tác động tiềm năng của dự án (tích cực và tiêu cực) đối với người DTTS trong vùng dự án (cả trực tiếp và gián tiếp); Sự ủng hộ của người DTTS đối với các hoạt động của dự án; Các biện pháp xác định và hạn chế các rủi ro, tác động tiêu cực khi triển khai các hoạt động của dự án.

- Kế hoạch hành động của các biện pháp để tránh, giảm thiểu các tác động tiêu cực: Công bố thông tin; Nâng cao năng lực bằng các biện pháp để tăng cường năng lực, kỹ năng cho chính quyền/cán bộ địa phương trong việc giải quyết các vấn đề DTTS trong khu vực dự án; Cơ chế giải quyết khiếu nại.

- M&E: Mô tả các cơ chế và tiêu chuẩn phù hợp với các dự án để theo dõi và đánh giá việc thực hiện Khung DTTS của dự án và Kế hoạch phát triển DTTS tại các tỉnh.

6.3. Các bước xây dựng và nội dung Kế hoạch phát triển DTTS cấp tỉnh

Bước 1: Chuẩn bị xây dựng Kế hoạch phát triển DTTS

- Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu, số liệu:

- + Về số lượng nhân khẩu, địa bàn phân bố, đặc trưng của đồng bào DTTS;

- + Về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên tại địa bàn DTTS;

- + Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện và tại địa bàn DTTS;
- + Kết quả công tác quản lý nhà nước về đất đai của tỉnh, huyện và tại địa bàn DTTS;
- + Tình hình cung cấp các dịch vụ công về đất đai của tỉnh, huyện và tại địa bàn DTTS;
- + Thực trạng cơ sở hạ tầng phục vụ cho việc thực hiện các dịch vụ công về đất đai.
- + Tác động tiêu cực và tích cực của dự án đến cộng đồng DTTS.
- Phân tích, đánh giá các thông tin, tài liệu, số liệu đã thu thập.

Bước 2: Xây dựng Kế hoạch phát triển DTTS

Kế hoạch phát triển DTTS phải được chuẩn bị trên cơ sở thực tế và linh hoạt, mức độ chi tiết tùy thuộc vào từng vùng, từng khu vực của dự án cụ thể cũng như tính chất, mức độ của những ảnh hưởng sẽ được tính đến.

(Nội dung Kế hoạch phát triển DTTS (EMDP) chi tiết tại Phụ lục 6)

Bước 3: Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch phát triển DTTS

Hoàn thiện dự thảo Kế hoạch phát triển DTTS, đăng tải trên các phương tiện thông tin và công bố tại cộng đồng người DTTS bị ảnh hưởng theo một cách thức và ngôn ngữ phù hợp với cộng đồng DTTS, gửi CPMU để gửi NHTG đồng ý với Dự thảo Kế hoạch trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện.

6.4. Giám sát nội bộ việc thực hiện Kế hoạch phát triển DTTS và lập báo cáo giám sát gửi CPMU và NHTG.

BQLDA cấp tỉnh chịu trách nhiệm giám sát nội bộ kế hoạch phát triển DTTS. Hoạt động giám sát, đánh giá cần phải được tiến hành thường xuyên và báo cáo giám sát sẽ được lập và gửi CPMU, NHTG hai lần một năm (ngày 15 tháng cuối cùng Quý II và Quý IV hàng năm) trong quá trình thực hiện dự án để xác định kịp thời các vấn đề có thể đòi hỏi hành động ngay từ phía BQLDA cấp tỉnh.

Các hoạt động giám sát, đánh giá gồm:

Hoạt động giám sát và đánh giá	Các chỉ số cơ bản
1. Tiến độ thực hiện Kế hoạch phát triển DTTS	<ul style="list-style-type: none"> • Bản kế hoạch phải được chia sẻ đến cộng đồng; • Kế hoạch phải đáp ứng nhu cầu của người DTTS; • Nguồn nhân lực đầy đủ để thực hiện kế hoạch.
2. Thực hiện tham vấn cộng đồng và sự tham gia của người DTTS	<ul style="list-style-type: none"> • Cộng đồng DTTS, chính quyền xã, lãnh đạo thôn, bản, ấp... và các tổ chức quần chúng tại địa phương sẽ được cung cấp đầy đủ thông tin về Kế hoạch phát triển DTTS và cơ chế khiếu nại. • Cộng đồng DTTS, đại diện các thôn, bản, ấp... và các tổ chức đoàn thể địa phương phải được tham gia vào hoạt động giám sát việc thực hiện Kế hoạch phát triển DTTS.

Hoạt động giám sát và đánh giá	Các chỉ số cơ bản
3. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực tiềm ẩn	<ul style="list-style-type: none"> • Toàn bộ biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực từ Dự án phải được thực hiện một cách hiệu quả.
4. Thực hiện các can thiệp phát triển cụ thể đối với cộng đồng DTTS địa phương	<ul style="list-style-type: none"> • Toàn bộ các hoạt động hỗ trợ đào tạo phải được thực hiện một cách hiệu quả.
5. Cơ chế khiếu nại/khiếu kiện	<ul style="list-style-type: none"> • Cộng đồng DTTS cần hiểu rõ về cơ chế khiếu nại/khiếu kiện, các khiếu nại của người DTTS bằng miệng hay đơn thư cần được tiếp nhận và giải quyết kịp thời và trả lời họ bằng văn bản.

6.5. Đánh giá việc thực hiện Kế hoạch phát triển DTTS sau khi kết thúc các hoạt động nêu trong Kế hoạch phát triển DTTS 6-12 tháng.

Đánh giá cuối cùng sau khi tất cả các hoạt động của Kế hoạch phát triển DTTS đã kết thúc là rất quan trọng, nhằm xem xét liệu các mục tiêu đặt ra trong Khung phát triển DTTS và Kế hoạch phát triển DTTS đã đạt được chưa, đề xuất những điều chỉnh cần thiết để đạt được các mục tiêu đã đề ra. Báo cáo đánh giá của các tỉnh cần gửi CPMU và NHTG xem xét trong khoảng thời gian từ 6-12 tháng sau khi kết thúc các hoạt động thuộc Kế hoạch phát triển DTTS.

CHƯƠNG VII. CÔNG TÁC LẬP KẾ HOẠCH, THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ, BÁO CÁO

Công tác lập kế hoạch, giám sát, đánh giá và báo cáo nhằm cung cấp các công cụ cần thiết để các cơ quan, tổ chức tiếp nhận và thực hiện việc quản lý triển khai Dự án đạt được các mục tiêu của Dự án và được thực hiện bởi BQLDA VILG cấp Trung ương và các BQLDA cấp tỉnh. Các hoạt động này thực hiện trên cơ sở Khung Kết quả Dự án (Phụ lục 7.1: Khung kết quả đầu ra của Dự án) và sẽ là kênh cung cấp thông tin chính thức và thường xuyên để các bên có liên quan, bao gồm NHTG, Bộ TNMT, UBND cấp tỉnh, BCD và BQLDA VILG cấp Trung ương và cấp tỉnh, đưa ra các quyết định liên quan đến quản lý, thực hiện, điều chỉnh Dự án.

Các hướng dẫn của Chương này được xây dựng dựa trên các quy định của pháp luật Việt Nam đối với quản lý, thực hiện vốn đầu tư công, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài và các quy định của NHTG.

7.1. Công tác lập kế hoạch

7.1.1. Tổng quan về khung kế hoạch

Kế hoạch thực hiện (KHTH) được lập dựa trên các quy định về quản lý nguồn vốn ODA (Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (gọi tắt là Nghị định số 16); Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2018 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 16; Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài) (gọi tắt là Thông tư số 12).

KHTH được lập trên cơ sở Văn kiện, chương trình của Dự án đã được phê duyệt và bao gồm 2 loại: (1) KHTH của toàn bộ Dự án; (2) KHTH hằng năm, trong đó:

- KHTH của toàn bộ Dự án được Bộ TNMT phê duyệt trên cơ sở tổng hợp KHTH của Trung ương và 33 tỉnh/thành phố thuộc phạm vi Dự án. Việc điều chỉnh KHTH của toàn bộ Dự án được thực hiện theo quy định tại Điều 45, 46, 47 Nghị định số 16, Điều 18 Thông tư số 12.

- KHTH hằng năm: bao gồm KHTH hằng năm của toàn bộ Dự án và các KHTH hằng năm của Dự án cấp Trung ương và 33 tỉnh/thành phố) được lập theo hướng dẫn chi tiết dưới đây:

7.1.2. Nội dung kế hoạch hằng năm

a) Căn cứ để lập KHTH hằng năm

- Kế hoạch thực hiện Dự án sử dụng vốn vay IDA, vốn đối ứng trung hạn 5 năm và kế hoạch tổng thể thực hiện Dự án đã được cơ quan chủ quản phê duyệt;

- Tình hình giải ngân thực tế và kế hoạch giải ngân theo Hiệp định tài trợ của Dự án.

- Các khái toán của các hoạt động, hạng mục dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch.

- Các Thiết kế kỹ thuật - Dự toán của các gói thầu xây dựng CSDL đất đai được lập trên cơ sở hướng dẫn tại Mục 3.2.2.1 Lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán cho công tác xây dựng CSDL đất đai, các thiết kế được lập trước khi thực hiện và có gói đầu cho năm sau.

b) Nội dung của KHTH hằng năm:

KHTH hằng năm do chủ Dự án lập bao gồm chi tiết tương ứng với các hợp phần hoạt động cho năm tiếp theo của Dự án, các nguồn vốn, tiến độ thực hiện Dự án; phù hợp với khả năng giải ngân thực tế.

c) Mẫu biểu báo cáo KHTH hằng năm

KHTH hằng năm được lập theo mẫu như sau:

- Đối với cấp cơ quan chủ quản: theo Mẫu HN 1.1 và HN 1.2 nêu tại Phụ lục số III kèm theo Thông tư số 12; Phụ lục 01 Thông tư số 111/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính đối với chương trình, Dự án sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

- Đối với cấp chủ Dự án: theo Mẫu HN 2 và Phụ đính HN 2.1 và HN 2.2 nêu tại Phụ lục số III kèm theo Thông tư số 12; Phụ lục 01 Thông tư số 111/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính đối với chương trình, Dự án sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

- Ngoài ra, các mẫu biểu liên quan đến việc đánh giá các nguồn lực, kỹ thuật, đào tạo, nâng cao nhận thức, DTTS, quản lý Dự án ... sẽ được CPMU yêu cầu cụ thể trong văn bản hướng dẫn xây dựng KHTH của năm kế hoạch.

7.1.3. Quy trình xây dựng kế hoạch hằng năm

Bước 1. Xây dựng và tổng hợp KHTH hằng năm

- *Tại cấp tỉnh:* việc xây dựng KHTH hằng năm của từng tỉnh thuộc trách nhiệm của Sở TNMT (chủ đầu tư của hợp phần Dự án tại tỉnh) thông qua các BQLDA cấp tỉnh và dựa trên các hướng dẫn nêu tại mục 7.1.2 nêu trên. Việc xây dựng KHTH hằng năm cần có sự phối hợp với bộ phận chuyên môn (về xây dựng CSDL đất đai, kế hoạch, tài chính) của Sở TNMT và các cơ quan Sở ngành có liên quan của tỉnh (Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư).

KHTH hằng năm của địa phương gửi về BQLDA VILG cấp Trung ương để tổng hợp chung gửi Ngân hàng Thế giới.

- *Tại cấp Trung ương:* việc lập KHTH hằng năm của các hoạt động ở trung ương là trách nhiệm của Tổng cục QLDD (chủ đầu tư của hợp phần Dự án tại trung ương) thông qua BQLDA VILG cấp Trung ương và dựa trên hướng dẫn nêu tại mục 7.1.2 nêu trên. BQLDA VILG cấp Trung ương xây dựng KHTH hằng năm trên cơ sở phối hợp với các đơn vị chức năng của Tổng cục QLDD và các đơn vị có liên quan của Bộ TNMT.

BQLDA VILG cấp Trung ương tổng hợp toàn bộ các Dự thảo KHTH hằng năm của toàn bộ Dự án báo cáo Tổng cục Quản lý đất đai trước khi gửi NHTG cho ý kiến về Dự thảo KHTH hằng năm của toàn bộ Dự án.

BQLDA VILG cấp Trung ương; các BQLDA cấp tỉnh hoàn thiện Dự thảo KHTH hằng năm trên cơ sở ý kiến của NHTG.

Bước 2. Phê duyệt KHTH hằng năm

UBND tỉnh có trách nhiệm phê duyệt KHTH hằng năm của tỉnh. Bộ TNMT có trách nhiệm phê duyệt KHTH hằng năm của cấp Trung ương. Việc phê duyệt được thực hiện như sau:

- BQLDA cấp tỉnh trình Sở TNMT để Sở trình UBND cấp tỉnh/thành phố thẩm định và phê duyệt. Sau 5 ngày kể từ ngày phê duyệt KHTH hằng năm, Sở TNMT báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và thông qua Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi Quyết định phê duyệt kèm theo KHTH hằng năm đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ TNMT, NHTG, BQLDA VILG cấp Trung ương để tổng hợp chung phục vụ công tác giám sát, đánh giá thực hiện Dự án.

- BQLDA cấp trung ương trình Tổng cục QLDD để Tổng cục trình Bộ TNMT thẩm định và phê duyệt KHTH hằng năm của cấp Trung ương.

Sau khi được Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố và Bộ TNMT phê duyệt, KHTH sẽ là căn cứ để đăng ký vốn thực hiện cho năm tiếp theo và là cơ sở để tổ chức thực hiện Dự án.

- BQLDA VILG cấp Trung ương tổng hợp KHTH hằng năm đã được phê duyệt của trung ương và 33 tỉnh/thành phố thành KHTH hằng năm của toàn bộ Dự án báo cáo Tổng cục QLDD và gửi Bộ TNMT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, NHTG.

Bước 3: Đăng ký vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm cho Dự án

- Đối với cấp Trung ương: Căn cứ vào KHTH hằng năm của trung ương đã được phê duyệt, BQLDA VILG cấp Trung ương trình Tổng cục QLDD để tổng hợp vào kế hoạch dự toán và ngân sách năm tiếp theo của Tổng cục; tổng hợp kế hoạch vốn đầu tư của Dự án, báo cáo Bộ đăng ký vốn đầu tư công năm tiếp theo cho Dự án đối với nhiệm vụ do trung ương thực hiện.

- Đối với cấp tỉnh: Căn cứ vào KHTH hằng năm của tỉnh đã được phê duyệt, BQLDA cấp tỉnh trình Sở TNMT để tổng hợp vào kế hoạch dự toán và ngân sách năm tiếp theo của Sở; tổng hợp kế hoạch vốn đầu tư của Dự án, báo cáo Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đăng ký vốn đầu tư công năm tiếp theo cho Dự án với Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Việc đăng ký kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm cho Dự án được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm (gọi tắt là Nghị định số 77) và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Bước 4: Điều chỉnh KHTH hằng năm; tổng hợp, báo cáo các Bộ, ngành và gửi NHTG

Trường hợp tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, về việc giao kế hoạch vốn đầu tư ngân sách nhà nước năm sau theo tổng mức vốn đã được Quốc hội quyết định cho các

bộ, ngành và địa phương, kinh phí giao kế hoạch thay đổi so với kinh phí trong KHTH hằng năm đã duyệt;

- KHTH hằng năm điều chỉnh cấp tỉnh:

+ BQLDA cấp tỉnh căn lập phương án kịp thời gửi về Tổng cục QLDD (qua BQLDA VILG cấp Trung ương) về các nội dung điều chỉnh kế hoạch hoạt động. Trên cơ sở thống nhất với Tổng cục Quản lý (qua BQLDA VILG cấp Trung ương) và NHTG về các nội dung điều chỉnh kế hoạch hoạt động; BQLDA cấp tỉnh trình Sở TNMT để Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố phê duyệt điều chỉnh KHTH hằng năm của tỉnh/thành phố;

+ Sở TNMT gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và thông qua Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố để gửi Quyết định phê duyệt kèm theo kế hoạch thực hiện Dự án hằng năm đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ TNMT và NHTG, BQLDA VILG cấp Trung ương để tổng hợp chung phục vụ công tác giám sát, đánh giá thực hiện Dự án.

- KHTH hằng năm điều chỉnh cấp Trung ương:

+ BQLDA VILG cấp Trung ương điều chỉnh kế hoạch hoạt động trình Tổng cục QLDD để Tổng cục trình Bộ TNMT phê duyệt điều chỉnh KHTH cấp Trung ương;

+ Tổng cục QLDD gửi Bộ TNMT và thông qua Bộ gửi Quyết định phê duyệt kèm theo KHTH hằng năm đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, và NHTG;

Bước 5: Tổng hợp, báo cáo KHTH hằng năm điều chỉnh của toàn Dự án

BQLDA VILG cấp Trung ương tổng hợp lại KHTH hằng năm điều chỉnh của toàn Dự án trên cơ sở Quyết định phê duyệt KHTH hằng năm điều chỉnh của trung ương và 33 tỉnh/thành phố gửi Bộ TNMT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, NHTG.

Thời gian lập, thẩm định và phê duyệt KHTH hằng năm của Dự án được thực hiện cùng kỳ với việc xây dựng Dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; đảm bảo trung ương và các địa phương hoàn thành việc phê duyệt kế hoạch hàng năm trước ngày 25/7 và hoàn thành việc điều chỉnh kế hoạch hàng năm (nếu có) trước ngày 05/10 hàng năm; Ban Quản lý Dự án cấp trung ương tổng hợp kế hoạch thực hiện toàn dự án hoàn thành trước ngày 30/11 hàng năm gửi NHTG.

7.1.4. Điều chỉnh kế hoạch thực hiện trong năm kế hoạch

Trong quá trình thực hiện Dự án của năm kế hoạch, nếu cần có sự điều chỉnh về các nội dung, dự toán kinh phí, việc điều chỉnh KHTH của năm kế hoạch được thực hiện như sau:

- BQLDA cấp tỉnh lập phương án điều chỉnh KHTH, báo cáo Sở TNMT và gửi Tổng cục QLDD (qua BQLDA VILG cấp trung ương) tổng hợp.

- BQLDA cấp trung ương lập phương án điều chỉnh KHTH phần nhiệm vụ trung ương và các địa phương, báo cáo Tổng cục QLDD gửi NHTG.

- Trên cơ sở ý kiến của NHTG: (1) Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố phê duyệt điều chỉnh KHTH hằng năm của tỉnh/thành phố, Quyết định phê duyệt điều chỉnh gửi về Tổng cục QLDD (qua Ban QLDA cấp trung ương tổng hợp chung); (2) BQLDA

cấp trung ương trình Tổng cục QLĐĐ để Tổng cục QLĐĐ trình Bộ TNMT phê duyệt điều chỉnh KHTH của nhiệm vụ phân trung ương.

7.1.5. Cập nhật kế hoạch thực hiện Dự án vào kế hoạch 3 năm và kế hoạch công trung hạn

Để đảm bảo bố trí đủ nguồn vốn thực hiện Dự án, hoàn thành Dự án theo Hiệp định đã ký kết, căn cứ KHTH của toàn bộ Dự án; kết quả triển khai thực tế của Dự án, các BQLDA VILG cấp trung ương và BQLDA VILG 33 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát, báo cáo Tổng cục QLĐĐ, Sở TNMT cấp tỉnh cập nhật, tổng hợp KHTH hàng năm, 3 năm, kế hoạch thực hiện công trung hạn của Dự án VILG vào kế hoạch hàng năm, 3 năm, kế hoạch thực hiện công trung hạn của đơn vị. Nội dung, thời gian thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm và Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 7 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm, các Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm của Bộ Tài chính; Luật Đầu tư công trung hạn; Kiến nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn cho Dự án phù hợp với mục tiêu, yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội và thực tế triển khai của Dự án và trong phạm vi kế hoạch nguồn vốn vay đã được ký kết.

7.2. Công tác giám sát, đánh giá Dự án

Việc giám sát đánh giá Dự án VILG thực hiện theo quy định tại Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày ngày 08 tháng 08 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; Nghị định số 84/2015/NĐ-CP về giám sát đánh giá đầu tư và các văn bản khác có liên quan.

7.2.1. Mục tiêu của công tác giám sát, đánh giá Dự án

Việc triển khai công tác giám sát, đánh giá Dự án nhằm đạt được những mục tiêu sau:

- Đánh giá tình hình thực hiện Dự án định kỳ, so sánh kết quả đạt được tại thời điểm đánh giá với kế hoạch thực hiện Dự án;
- Cập nhật chính xác, đầy đủ và thường xuyên các thông tin liên quan đến tình hình quản lý và thực hiện Dự án;
- Phát hiện kịp thời các khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng, chi phí của Dự án; đề xuất và thực thi các giải pháp để Dự án đạt được các mục tiêu đã được phê duyệt;
- Trong những trường hợp cần thiết, kiến nghị điều chỉnh một số nội dung trong văn kiện Dự án và/hoặc trong kế hoạch thực hiện Dự án;

- Rút ra những bài học kinh nghiệm để áp dụng cho các giai đoạn tiếp theo của Dự án được đánh giá và/hoặc áp dụng cho các Dự án khác.

7.2.2. Trách nhiệm thực hiện và nội dung giám sát Dự án

Bộ TNMT, Tổng cục QLDD chịu trách nhiệm về công tác giám sát chung của toàn Dự án và đối với các nội dung thực hiện tại Trung ương. UBND, Sở TNMT tỉnh, thành phố được đầu tư xây dựng CSDL chịu trách nhiệm về công tác giám sát đối với các nội dung triển khai tại địa phương. Bên cạnh đó, công tác giám sát cũng được NHTG hỗ trợ.

7.2.2.1. Tại cấp Trung ương:

a) Trách nhiệm của Bộ TNMT:

Bộ TNMT cơ quan chủ quản toàn bộ Dự án, đồng thời là chủ quản Dự án hợp phần trung ương có trách nhiệm thiết lập và vận hành hệ thống giám sát và đánh giá ở cấp cơ quan chủ quản và bố trí các nguồn lực cần thiết cho công tác này. Các trách nhiệm cụ thể như sau:

- Nội dung theo dõi:

+ Tình hình thực hiện chế độ báo cáo của Tổng cục QLDD;

+ Tổng hợp tình hình thực hiện lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án và quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);

+ Tổng hợp tình hình thực hiện dự án: Tiến độ thực hiện, thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, giải ngân; khó khăn, vướng mắc, phát sinh chính ảnh hưởng đến việc thực hiện dự án và kết quả xử lý;

+ Việc chấp hành biện pháp xử lý của Tổng cục QLDD, UBND và Sở TNMT các địa phương được đầu tư xây dựng CSDL;

+ Báo cáo và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền.

- Nội dung kiểm tra:

+ Việc chấp hành quy định về: Giám sát và đánh giá đầu tư; lập, thẩm định quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án và quyết định điều chỉnh dự án (nếu có); đấu thầu; đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư; sử dụng vốn đầu tư và các nguồn lực khác của dự án; bố trí vốn đầu tư, giải ngân, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư; giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án; nghiệm thu đưa dự án vào hoạt động; quản lý, vận hành dự án; bảo vệ môi trường;

+ Việc quản lý thực hiện dự án của Tổng cục QLDD, UBND và Sở TNMT các địa phương được đầu tư xây dựng CSDL và các BQLDA;

+ Tiến độ thực hiện dự án;

+ Việc chấp hành biện pháp xử lý vấn đề đã phát hiện của Tổng cục QLDD, UBND và Sở TNMT các địa phương được đầu tư xây dựng CSDL;

b) Trách nhiệm của Tổng cục QLDD:

Tổng cục QLĐĐ cơ quan chủ Dự án toàn bộ Dự án, đồng thời là chủ Dự án hợp phần trung ương có trách nhiệm tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra toàn bộ quá trình thực hiện dự án và báo cáo nội dung đối với các nội dung thực hiện ở cấp Trung ương và tổng hợp đối với toàn bộ dự án như sau:

- Việc quản lý thực hiện dự án: Lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án; tình hình thực hiện và điều chỉnh kế hoạch;
- Tình hình thực hiện dự án đầu tư: Tiến độ thực hiện; khối lượng và giá trị khối lượng thực hiện; chất lượng công việc; các biến động trong quá trình thực hiện dự án;
- Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư: Việc huy động vốn cho dự án; giải ngân (tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán); quyết toán vốn dự án hoàn thành; nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có) và việc xử lý;
- Năng lực tổ chức thực hiện dự án và việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư, của ban quản lý dự án và các nhà thầu;
- Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án và việc xử lý theo thẩm quyền;
- Đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền

7.2.2.2. Tại cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Trách nhiệm của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Dự án được đầu tư xây dựng CSDL: là chủ quản Dự án hợp phần tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thiết lập và vận hành hệ thống giám sát và đánh giá ở cấp cơ quan chủ quản và bố trí các nguồn lực cần thiết cho công tác này. Các trách nhiệm cụ thể như sau:

- Nội dung theo dõi:
 - + Tình hình thực hiện chế độ báo cáo của Sở TNMT;
 - + Tổng hợp tình hình thực hiện lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án và quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);
 - + Tổng hợp tình hình thực hiện dự án: Tiến độ thực hiện, thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, giải ngân; khó khăn, vướng mắc, phát sinh chính ảnh hưởng đến việc thực hiện dự án và kết quả xử lý;
 - + Việc chấp hành biện pháp xử lý của Sở TNMT các địa phương được đầu tư xây dựng CSDL;
 - + Báo cáo và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền.
- Nội dung kiểm tra:
 - + Việc chấp hành quy định về giám sát và đánh giá đầu tư; lập, thẩm định quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án và quyết định điều chỉnh dự án (nếu có); đấu thầu; đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư; sử dụng vốn đầu tư và các nguồn lực khác của dự án; bố trí vốn đầu tư, giải ngân, thanh toán, quyết

toán vốn đầu tư; giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án; nghiệm thu đưa dự án vào hoạt động; quản lý, vận hành dự án; bảo vệ môi trường;

+ Việc quản lý thực hiện dự án của Sở TNMT và BQLDA cấp tỉnh;

+ Tiến độ thực hiện dự án;

+ Việc chấp hành biện pháp xử lý vấn đề đã phát hiện của Sở TNMT;

b) Trách nhiệm của Sở TNMT tỉnh, thành phố được đầu tư xây dựng CSDL: có trách nhiệm thiết lập và vận hành hệ thống giám sát và đánh giá ở cấp cơ quan chủ Dự án và bố trí các nguồn lực cần thiết cho công tác này.

+ Việc quản lý thực hiện dự án: Lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án; tình hình thực hiện và điều chỉnh kế hoạch;

+ Tình hình thực hiện dự án đầu tư: Tiến độ thực hiện; khối lượng và giá trị khối lượng thực hiện; chất lượng công việc; các biến động trong quá trình thực hiện dự án;

+ Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư: Việc huy động vốn cho dự án; giải ngân (tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán); quyết toán vốn dự án hoàn thành; nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có) và việc xử lý;

+ Năng lực tổ chức thực hiện dự án và việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư, của ban quản lý dự án và các nhà thầu;

+ Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án và việc xử lý theo thẩm quyền;

+ Đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền

7.2.3. Trách nhiệm thực hiện và nội dung đánh giá Dự án

Bộ TNMT, Tổng cục QLDD chịu trách nhiệm về công tác đánh giá đối với toàn Dự án và đối với các nội dung thực hiện tại Trung ương. UBND, Sở TNMT tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được đầu tư xây dựng CSDL chịu trách nhiệm về công tác đánh giá đối với các nội dung triển khai tại địa phương. Bên cạnh đó, công tác đánh giá cũng được NHTG hỗ trợ.

7.2.3.1. Trách nhiệm thực hiện và nội dung đánh giá Dự án

a) Tại cấp Trung ương:

- *Trách nhiệm của Bộ TNMT*: Bộ TNMT có trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá đột xuất, đánh giá tác động đối với các nội dung thực hiện tại trung ương; đồng thời có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc đánh giá đột xuất, đánh giá tác động đối với toàn bộ dự án

- *Trách nhiệm của Tổng cục QLDD*: tổ chức thực hiện đánh giá ban đầu, đánh giá giữa kỳ và đánh giá kết thúc đối với các nội dung thực hiện tại trung ương; đồng thời có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc đánh giá ban đầu, đánh giá giữa kỳ và đánh giá kết thúc đối với toàn bộ dự án

b) Tại cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- *Trách nhiệm của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*: UBND có trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá đột xuất, đánh giá tác động đối với các nội dung thực hiện tại địa phương

- *Trách nhiệm của Sở TNMT*: Sở TNMT có trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá ban đầu, đánh giá giữa kỳ và đánh giá kết thúc đối với các nội dung thực hiện tại địa phương.

7.2.3.2. Các giai đoạn và nội dung đánh giá

Nội dung đánh giá chương trình, Dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 22 Thông tư 12/2016/TT-BKHĐT. Đối với Dự án VILG, việc đánh giá bao gồm:

a) Đánh giá ban đầu

Sau 90 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện chương trình, Dự án, CPMU và các PPMU thực hiện đánh giá ban đầu tình hình thực hiện chương trình, Dự án nhằm rà soát, cập nhật kế hoạch tổng thể thực hiện Dự án và báo cáo Tổng cục QLDD và Sở TNMT tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Dự án về những bổ sung, điều chỉnh kế hoạch thực hiện chương trình, Dự án năm đầu tiên để xử lý theo thẩm quyền. Việc đánh giá ban đầu có thể do CPMU và các PPMU tự thực hiện hoặc thông qua thuê tư vấn độc lập thực hiện, tập trung vào:

- Công tác chuẩn bị thực hiện, tổ chức, huy động các nguồn lực của CPMU và các PPMU để đảm bảo việc thực hiện Dự án theo đúng mục tiêu và kế hoạch đề ra;

- Những vấn đề phát sinh so với Báo cáo Nghiên cứu khả thi của Dự án;

- Phương hướng giải quyết các khó khăn vướng mắc gặp phải;

- Phát sinh do các yếu tố khách quan như môi trường pháp lý có những thay đổi, yêu cầu thay đổi tiến độ hoặc nội dung một số hạng mục khác cho phù hợp với các yếu tố chủ quan như năng lực và cơ cấu tổ chức của CPMU và các PPMU.

Kết quả đánh giá ban đầu được sử dụng để rà soát, cập nhật kế hoạch tổng thể thực hiện Dự án và xây dựng, điều chỉnh kế hoạch chi tiết Dự án cho những năm đầu tiên.

b) Đánh giá giữa kỳ

Đánh giá giữa kỳ đối với Dự án VILG thực hiện theo kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, Dự án. Đánh giá giữa kỳ được thực hiện vào giữa thời gian thực hiện Dự án. Việc thực hiện đánh giá giữa kỳ thông qua hai hoạt động: (i) tổ chức hội thảo đánh giá giữa kỳ do CPMU thực hiện; và (ii) thuê tư vấn đơn vị tư vấn thực hiện đánh giá độc lập Dự án. Báo cáo đánh giá độc lập Dự án do tư vấn thực hiện là cơ sở để chủ Dự án xây dựng Báo cáo đánh giá giữa kỳ.

Nội dung đánh giá giữa kỳ Dự án gồm:

- Đánh giá sự phù hợp của kết quả thực hiện với mục tiêu của Dự án.

- Đánh giá khối lượng, giá trị (giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng) và chất lượng công việc đến thời điểm đánh giá so với kế hoạch tổng thể và hàng năm thực hiện của Dự án.

- Phát hiện và đánh giá những vướng mắc, phát sinh mới xuất hiện trong quá trình thực hiện Dự án do các nguyên nhân khách quan (môi trường pháp lý có những thay đổi, yêu cầu thay đổi tiến độ hoặc nội dung một số hạng mục, hoạt động cho phù hợp với tình hình thực tế nơi thực hiện chương trình, Dự án như điều kiện khí hậu, địa chất, tập quán, dân cư, điều kiện liên quan khác) hay do các nguyên nhân chủ quan (năng lực và cơ cấu tổ chức của chủ Dự án, Ban quản lý Dự án).

- Đề xuất các giải pháp nhằm đảm bảo Dự án được thực hiện đúng mục tiêu, tiến độ và bảo đảm chất lượng đề ra trong thời gian còn lại hoặc giai đoạn tiếp theo. Trong trường hợp cần thiết, khuyến nghị điều chỉnh nội dung, tái cấu trúc Dự án hoặc hủy bỏ một số hoạt động, .

Báo cáo đánh giá giữa kỳ do CPMU lập phải gửi NHTG và các cơ quan liên quan của Việt Nam. Báo cáo đánh giá giữa kỳ phải phân tích các phát hiện và đề xuất, nêu rõ các biện pháp xử lý, giải quyết vấn đề, các hoạt động cần thiết, các bài học kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện Dự án.

c) Đánh giá kết thúc:

Việc tổ chức đánh giá kết thúc Dự án được hoàn thành trước khi kết thúc Dự án theo quy định tại Hiệp định Tài trợ. Việc thực hiện đánh giá kết thúc thông qua hai hoạt động: (i) tổ chức hội thảo đánh giá giữa kỳ do CPMU thực hiện; và (ii) thuê chuyên gia tư vấn thực hiện đánh giá độc lập của Dự án. Báo cáo đánh giá độc lập kết thúc do tư vấn thuê thực hiện được sử dụng làm cơ sở để lập báo cáo kết thúc Dự án. Nội dung đánh giá kết thúc Dự án gồm:

- Đánh giá công tác chuẩn bị và chuẩn bị thực hiện Dự án.

- Đánh giá kết quả thực hiện Dự án, bao gồm: tổ chức quản lý thực hiện Dự án; phân bổ vốn và giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng và huy động các nguồn lực để thực hiện Dự án; các hoạt động, kết quả đầu ra và kết quả cuối cùng của Dự án; các lợi ích trực tiếp và gián tiếp do Dự án mang lại cho các đối tượng thụ hưởng và tác động của Dự án đối với nhóm người dân bị ảnh hưởng.

- Đánh giá các tác động của Dự án sau khi hoàn thành, bao gồm các tác động về kinh tế, xã hội, môi trường, kỹ thuật, công nghệ, phát triển nguồn nhân lực.

- Đánh giá tính bền vững của Dự án và các yếu tố đảm bảo.

- Kinh nghiệm và các bài học rút ra trong công tác chuẩn bị, chuẩn bị thực hiện, thực hiện Dự án.

- Đưa ra các khuyến nghị cần thiết đảm bảo hiệu quả và tính bền vững của Dự án.

Tổng cục QLĐĐ có trách nhiệm gửi Báo cáo này cho Bộ TNMT và NHTG

d) Đánh giá tác động:

Đánh giá tác động Dự án do Bộ TNMT chủ trì, có thể với sự hỗ trợ thông qua thuê chuyên gia cá nhân hoặc tổ chức tư vấn độc lập thực hiện trong vòng 03 năm kể từ ngày đưa Dự án vào khai thác, sử dụng. Nội dung đánh giá tác động gồm:

- Thực trạng kinh tế, kỹ thuật của Dự án trong quá trình vận hành khai thác, sử dụng.

- Tác động của Dự án tới các mặt kinh tế - chính trị - xã hội.
- Tác động của Dự án đối với các nhóm dân cư hưởng lợi trực tiếp và nhóm dân cư bị ảnh hưởng.
- Tính bền vững của Dự án.
- Đánh giá ý kiến của cộng đồng hưởng lợi và cộng đồng chịu tác động từ Dự án.
- Những kinh nghiệm và bài học rút ra trong khâu thiết kế, tổ chức quản lý thực hiện và vận hành Dự án.

UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Dự án có trách nhiệm phối hợp trong thực hiện đánh giá tác động của Dự án.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành đánh giá tác động, Bộ TNMT có trách nhiệm gửi Báo cáo đánh giá tác động cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan để phục vụ công tác đánh giá hiệu quả sử dụng vốn ODA ở cấp quốc gia.

e) Đánh giá đột xuất:

Trong quá trình triển khai Dự án, khi xuất hiện những vướng mắc, khó khăn, tác động phát sinh ngoài dự kiến, ngoài kế hoạch tổng thể của Dự án, Bộ TNMT tổ chức thực hiện đánh giá đột xuất đối với toàn Dự án; UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đánh giá đột xuất Dự án thành phần. Việc thực hiện đánh giá đột xuất của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện khi có ý kiến của Bộ TNMT. Nội dung đánh giá đột xuất nhằm:

- Xác định tình trạng và bản chất những phát sinh ngoài dự kiến.
- Đánh giá ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của những phát sinh đến việc thực hiện Dự án, đến khả năng hoàn thành mục tiêu đã đề ra.
- Đề xuất các giải pháp, các cơ quan có trách nhiệm xử lý và thời hạn thực hiện.

Kết quả đánh giá đột xuất là cơ sở để Bộ TNMT, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương can thiệp kịp thời, triển khai các biện pháp xử lý cần thiết nhằm giảm thiểu thiệt hại hoặc ngăn ngừa sự thất bại của Dự án, Dự án thành phần.

7.2.4. Nguồn vốn thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư:

- Chi phí cho công tác giám sát, đánh giá của Bộ TNMT, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp, nguồn kinh phí thường xuyên cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư theo kế hoạch hàng năm;
- Chi phí cho công tác giám sát, đánh giá của Tổng cục QLĐĐ, Sở TNMT được thiết kế trong kinh phí đầu tư của dự án;

7.3. Chế độ báo cáo và Hệ thống theo dõi, đánh giá

7.3.1. Chế độ báo cáo của Dự án

7.3.1.1. Chế độ báo cáo ở cấp Trung ương

- BQLDA cấp Trung ương xây dựng và trình các báo cáo sau đây lên Tổng cục QLĐĐ để gửi các báo cáo này cho cơ quan chủ quản và các cơ quan liên quan. Bộ

mẫu biểu báo cáo gồm các loại sau đây, và mỗi loại báo cáo bao gồm: (i) báo cáo đối với các nội dung thực hiện tại trung ương và (ii) báo cáo tổng hợp của toàn dự án.

- + Báo cáo quý I, 6 tháng, quý III và cả năm theo mẫu tại *Phụ lục 7.2*;
- + Báo cáo giám sát đánh giá khi điều chỉnh dự án theo mẫu tại *Phụ lục 7.3*;
- + Báo cáo kết thúc chương trình, dự án theo mẫu tại *Phụ lục 7.4*.

- Tổng cục QLDD: có nhiệm vụ thẩm định và phê duyệt báo cáo đối với các nội dung thực hiện tại trung ương và báo cáo tổng hợp của toàn dự án; gửi Bộ TNMT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và NHTG.

- Bộ TNMT: Trong thời hạn 20 ngày sau khi kết thúc quý, 30 ngày sau khi kết thúc năm, Bộ TNMT phải lập và gửi Báo cáo tổng hợp về tình hình vận động, tiếp nhận và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, kết quả thực hiện các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền quản lý theo Mẫu IV-GSDG 5 (*Phụ lục 7.5*) bằng văn bản và bản điện tử về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đồng thời cập nhật trực tuyến vào Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn Nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

7.3.1.2. Chế độ báo cáo ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Các Sở TNMT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được đầu tư xây dựng CSDL giao BQLDA cấp tỉnh thực hiện chế độ báo cáo và mẫu biểu báo cáo áp dụng như mục 7.3.1.1 trên đây, thẩm định, phê duyệt và gửi về UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tổng cục QLDD.

- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Trong thời hạn 15 ngày sau khi kết thúc quý, 25 ngày sau khi kết thúc năm, UBND phải lập và gửi Báo cáo tổng hợp về tình hình vận động, tiếp nhận và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, kết quả thực hiện các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền quản lý theo Mẫu IV-GSDG 5 (*Phụ lục 7.5*) bằng văn bản và bản điện tử về Bộ TNMT để tổng hợp theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đồng thời cập nhật trực tuyến vào Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn Nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định hiện hành.

Yêu cầu cụ thể đối với các loại báo cáo chi tiết tại Phụ lục 7.4.

7.3.2. Hệ thống theo dõi và đánh giá dự án (M&E)

Trong khuôn khổ Dự án sẽ xây dựng phần mềm phục vụ cho công tác theo dõi, đánh giá Dự án; đồng thời thực hiện các hoạt động theo dõi, đánh giá thường xuyên, định kỳ.

Thông tin đầu vào cho Hệ thống M&E là các báo cáo tiến độ của Dự án (báo cáo tháng, quý, năm, báo cáo kết thúc và các báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề) được gửi từ các chủ đầu tư, cơ quan chủ quản tới Tổng cục QLDD, Bộ TNMT cũng như các cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành đối với các Dự án đầu tư công và sử dụng nguồn vốn ODA. Ngoài ra, CPMU sẽ phải cung cấp các báo cáo này theo thỏa thuận với NHTG (thời gian, tần suất cung cấp được thống nhất tại Hiệp định tài trợ).

Phần mềm M&E được xây dựng phù hợp với các yêu cầu của Dự án VILG, dự kiến bao gồm các thông tin, dữ liệu chủ yếu như sau:

- Báo cáo hiện trạng triển khai Dự án bằng thuyết minh, bảng biểu và các sơ đồ;
- Cập nhật danh sách các hoạt động đã xác định trước để theo dõi một cách đặc biệt như các rủi ro, các vấn đề lớn;
- Cập nhật kế hoạch và thời gian với tiến độ thực tế;
- So sánh chi phí thực tế với chi phí được lập kế hoạch;
- Kiểm toán và báo cáo rà soát các hoạt động và kết quả của các hoạt động;
- Báo cáo hàng quý, hàng năm tới Bộ KHĐT và Bộ Tài chính.

Vì tính phân bố địa lý của Dự án VILG, việc thực hiện công tác theo dõi sự vận hành tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là rất quan trọng. Để đảm bảo việc này, các Giám đốc PPMU phải đảm bảo sự triển khai hiệu quả hệ thống M&E tại địa phương, đảm bảo việc cung cấp kịp thời, đúng thời hạn các báo cáo theo dõi, giám sát, đánh giá tới CPMU, Tổng cục QLDD, Bộ TNMT, các bên có liên quan và Nhà tài trợ.

7.3.3. Khung trách nhiệm báo cáo và công cụ báo cáo

Tất cả các loại báo cáo phải gửi bằng cả văn bản giấy và file số qua thư điện tử. Việc báo cáo tiến độ được thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Bộ KHĐT và quy định của NHTG. Trách nhiệm xây dựng, tổng hợp Báo cáo tiến độ của Dự án được mô tả trong Bảng 7.3.

Bảng 7.3. Khung trách nhiệm báo cáo tiến độ thực hiện Dự án

Bước	Hoạt động	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Nội dung thực hiện
1	Xây dựng báo cáo tiến độ thực hiện dự án của đơn vị mình	CPMU/PPMU	Ngay sau khi kết thúc Quý	Thu thập tất cả các thông tin liên quan; tổng hợp và hoàn thiện báo cáo tiến độ theo quý.
2	Trình Tổng cục QLDD/Sở TNMT báo cáo tiến độ	CPMU/PPMU	Chậm nhất 03 ngày sau khi kết thúc Quý	Hoàn thiện, ký trình Tổng cục QLDD/Sở TNMT
3	Phê duyệt Báo cáo tiến độ	Tổng cục QLDD/Sở TNMT	Chậm nhất 05 ngày sau khi kết thúc Quý	Ký duyệt báo cáo, trình Bộ TNMT/UBND tỉnh, thành phố
4	Gửi báo cáo CPMU	PPMU	Chậm nhất 06 ngày sau khi kết thúc Quý	Gửi qua thư điện tử, cập nhật vào phần mềm M&E, gửi qua đường văn bản
5	Xây dựng báo cáo tiến độ toàn dự án	CPMU	Chậm nhất 08 ngày sau khi kết thúc Quý	Tổng hợp báo cáo tiến độ toàn Dự án (bằng văn bản hoặc qua thư điện tử và qua phần mềm M&E)
6	Trình Tổng cục QLDD	CPMU	Chậm nhất 09 ngày sau khi kết thúc Quý	Hoàn thiện, ký trình Tổng cục QLDD
7	Phê duyệt báo cáo tiến độ toàn dự án	Lãnh đạo Tổng cục QLDD	Chậm nhất 10 ngày sau khi kết thúc Quý	Ký duyệt Báo cáo tiến độ; Hợp phần trung ương và Toàn Dự án

Bước	Hoạt động	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Nội dung thực hiện
	Gửi Báo cáo đến Bộ KHĐT, Bộ Tài chính, Bộ TNMT	Tổng cục QLDD	Chậm nhất 10 ngày sau khi kết thúc Quý	Qua công văn hoặc thư điện tử
8	Gửi NHTG	CPMU	Chậm nhất 20 ngày sau khi kết thúc Quý	Chuẩn bị Thư và Báo cáo Tổng cục QLDD duyệt để trình Giám đốc CPMU ký gửi NHTG

CHƯƠNG VIII: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

8.1. Giới thiệu

Tổng quan về Hiệp định tài trợ được thể hiện trong tiêu mục dưới đây, gồm trách nhiệm của các bên liên quan.

Trong phạm vi hoạt động việc quản lý tài chính của dự án được thực hiện tại hai cấp quản lý. Cấp Trung ương, tất cả các khoản chi của dự án được quản lý bởi BQLDA cấp TW thuộc Tổng cục QLĐĐ; ở địa phương, toàn bộ việc chi tiêu ở cấp địa phương được quản lý bởi BQLDA cấp tỉnh dưới sự giám sát của Sở TNMT tỉnh.

8.2. Trách nhiệm của các bên liên quan

8.2.1 Trách nhiệm của các bên liên quan tại cấp Trung ương

a. Ngân hàng nhà nước Việt Nam (NHNN)

- Cử đại diện tham gia BCD cấp quốc gia của dự án;
- Đại diện cho Chính phủ Việt Nam ký kết khoản vay tín dụng của NHTG;
- Lựa chọn ngân hàng phục vụ đối với dự án.

b. Bộ Kế hoạch và đầu tư

- Cử đại diện tham gia BCD cấp quốc gia của dự án;
- Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho Dự án;
- Phối hợp với Bộ Tài chính bố trí vốn cho dự án;
- Thực hiện theo dõi, giám sát và đánh giá dự án theo quy định của pháp luật;
- Phối hợp giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án để đảm bảo tiến độ thực hiện và thúc đẩy giải ngân vốn IDA của dự án.

c. Bộ Tài chính

- Cử đại diện tham gia BCD cấp quốc gia của dự án;
- Ký đơn rút vốn gửi NHTG để rút vốn từ khoản tài trợ của NHTG;
- Phối hợp với Bộ KHĐT tổng hợp, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho Dự án và bố trí vốn cho dự án;
- Cử cán bộ làm việc với các đoàn giám sát định kỳ và đoàn công tác giữa kỳ của NHTG (thực hiện công tác đánh giá và kiểm tra giữa kỳ liên quan đến công tác quản lý tài chính của Dự án).

d. Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Là cơ quan chủ quản đối với công tác quản lý tài chính thực hiện tại TW;
- Phối hợp với các Bộ, ngành để chỉ đạo các nội dung liên quan đến quản lý tài chính trong quá trình thực hiện dự án;
- Phê duyệt kế hoạch tài chính của hợp phần trung ương;

- Phân bổ vốn đối ứng và cấp vốn ứng trước cho các hoạt động liên quan ở cấp Trung ương;

- Xét duyệt, thẩm tra quyết toán theo niên độ phân vốn do trung ương thực hiện và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành do trung ương thực hiện và toàn dự án;

- Chỉ đạo việc thực hiện kiểm toán độc lập hằng năm và kiểm toán nội bộ thường xuyên của dự án.

- Xử lý tài sản khi kết thúc dự án theo quy định.

e. Kho bạc Nhà nước Trung ương (Kho bạc Hà Nội)

- Tiến hành giám sát chi tiêu của BQLDA cấp TW đối với phần vốn đối ứng của dự án và đảm bảo chỉ duyệt thanh toán cho các chi phí hợp lệ;

- Tiến hành thanh toán trên cơ sở yêu cầu của BQLDA cấp TW đối với người thụ hưởng từ nguồn vốn đối ứng và vốn ứng trước theo tỷ lệ được xác định trong Hiệp định tài trợ giữa IDA và Chính phủ.

f. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

- Là ngân hàng phục vụ của dự án;

- Mở Tài khoản tạm ứng, tài khoản dự án cho BQLDA cấp TW và các BQLDA cấp tỉnh theo quy định;

- Thực hiện việc nhận và thanh toán vốn IDA của các BQLDA theo đúng nội dung đã được Kho bạc Nhà nước kiểm soát chi;

- Có trách nhiệm phục vụ các hoạt động thanh toán và giải ngân của dự án một cách chính xác, nhanh chóng kịp thời và theo đúng yêu cầu của dự án;

- Tiến hành các dịch vụ ngân hàng cho dự án theo yêu cầu;

- Tổng hợp báo cáo 4 tháng và 1 năm về công tác giải ngân của Dự án cũng như báo cáo hiện trạng của tài khoản và báo cáo công nợ đến BTC, NHNN và các BQLDA.

g. TCQLĐĐ

- Là cơ quan chủ đầu tư đối với nội dung thực hiện tại trung ương;

- Tổng hợp kế hoạch tài chính của hợp phần trung ương trình Bộ TNMT phê duyệt;

- Tổng hợp báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo niên độ, quyết toán dự án hoàn thành do BQLDA cấp TW lập trình Bộ TNMT xét duyệt, thẩm tra;

- Phê duyệt thiết kế, dự toán hạng mục công việc của Dự án thuộc hợp phần trung ương theo quy định;

- Thẩm định, phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án;

- Thực hiện kiểm toán độc lập hằng năm và kiểm toán nội bộ thường xuyên của dự án;

- Trình phương án xử lý tài sản khi kết thúc dự án theo quy định;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác về công tác quản lý tài chính theo thẩm quyền của chủ đầu tư.

h. Ban Quản lý Dự án cấp Trung ương

- Quản lý và điều hành tất cả các hoạt động tài chính của Dự án;
- Xây dựng kế hoạch tài chính của hợp phần trung ương trình Tổng cục QLDD xem xét, trình Bộ TNMT phê duyệt;
- Lập thiết kế, dự toán, hạng mục công trình; thiết kế, dự toán thiết bị chuyên môn, dự toán thu, chi quản lý của Dự án trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
- Lập báo cáo tài chính và các báo cáo khác liên quan đến công tác tài chính - kế toán của Dự án gửi Tổng cục QLDD, Bộ TNMT và NHTG theo định kỳ hoặc theo yêu cầu;
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lệ của các khoản chi tiêu của BQLDA cấp trung ương, kiểm tra các khoản chi tiêu và thanh toán theo đúng quy định của Nhà nước Việt Nam và Hiệp định tín dụng;
- Kiểm tra các khoản chi tiêu của các BQLDA cấp tỉnh; thực hiện các thủ tục rút vốn từ NHTG và chuyển vốn cho các BQLDA cấp tỉnh không có tài khoản tạm ứng thực hiện nhiệm vụ được giao theo đúng quy định;
- Đảm bảo sự quán triệt luật lệ của Nhà nước Việt Nam về quản lý kinh phí thông qua Kho bạc Nhà nước;
- Chuẩn bị Hồ sơ rút vốn cùng với các tài liệu liên quan và trình Bộ Tài Chính xem xét và gửi NHTG để giải ngân và để cấp phát từ Tài khoản tạm ứng;
- Thiết lập hệ thống kế toán, duy trì ghi chép và sổ sách kế toán đối với các nguồn vốn tuân thủ đúng qui trình của Chính phủ và NHTG yêu cầu. Thiết kế và/ hoặc điều chỉnh hệ thống kế toán trên máy tính và đảm bảo hệ thống này hoạt động hiệu quả;
- Thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ và đảm bảo hệ thống này hoạt động hiệu quả;
- Xây dựng phương án xử lý tài sản khi kết thúc dự án theo quy định;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác về công tác quản lý tài chính theo thẩm quyền.

8.2.2 Trách nhiệm của các bên liên quan tại cấp tỉnh

a. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Là cơ quan chủ quản đối với nội dung quản lý tài chính thực hiện tại cấp tỉnh;
- Chỉ đạo việc thực hiện giám sát hoạt động của BQLDA cấp tỉnh;
- Phê duyệt kế hoạch tài chính của Dự án do Sở TNMT tỉnh trình; duyệt hoặc ủy quyền cho Sở TNMT phê duyệt thiết kế, dự toán, hạng mục công việc của Dự án;
- Thường xuyên theo dõi, giám sát quá trình triển khai dự án do tỉnh thực hiện, có những chỉ đạo kịp thời để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của Sở TNMT tỉnh để đảm bảo dự án triển khai đúng tiến độ;
- Phân bổ vốn đối ứng và cấp vốn ứng trước cho các hoạt động phù hợp;

- Xử lý tài sản khi kết thúc dự án theo đúng quy định.

b. Sở Tài chính

- Cùng với Sở KHĐT phân bổ vốn đối ứng cho dự án dựa trên dự toán ngân sách tổng thể của tỉnh đã được Chính phủ phê duyệt;
- Xem xét dự báo chi phí cho các hoạt động của dự án do BQLDA cấp tỉnh đề trình và trình UBND để phê duyệt;
- Huy động các nguồn vốn để thoả mãn các yêu cầu về “vốn ứng trước” cho phần vốn của IDA trong chi phí của dự án;
- Thẩm định phần dự toán kinh phí trong các Thiết kế - dự toán do Sở TNMT cấp tỉnh đề trình;
- Thẩm định các báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán niên độ, quyết toán hoàn thành dự án, các báo cáo kiểm toán độc lập do Sở TNMT cấp tỉnh đề trình;
- Cử nhân viên làm việc với NHTG trong các đợt giám sát giữa kỳ liên quan đến vấn đề quản lý tài chính.
- Hàng quý thẩm định các báo cáo, đối chiếu công nợ vay tại tỉnh.

c. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Cùng với Sở Tài chính phân bổ vốn đối ứng cho dự án dựa trên dự toán ngân sách tổng thể của tỉnh đã được Chính phủ phê duyệt;
- Phối hợp với Sở Tài chính xem xét dự báo chi phí cho các hoạt động của dự án do BQLDA cấp tỉnh đề trình và trình UBND để phê duyệt;
- Phối hợp với Sở Tài chính huy động các nguồn vốn để thoả mãn các yêu cầu về “vốn ứng trước” cho phần vốn của IDA trong chi phí của dự án;
- Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu do Sở TNMT đề trình;
- Cử nhân viên làm việc với NHTG trong các đợt giám sát giữa kỳ liên quan đến vấn đề về Kế hoạch đầu tư cho Dự án.

d. Sở TNMT

- Là cơ quan chủ đầu tư đối với nội dung thực hiện tại cấp tỉnh;
- Xem xét, thẩm định trình UBND tỉnh kế hoạch tài chính của Dự án cấp tỉnh;
- Phê duyệt thiết kế, dự toán, hạng mục công việc của Dự án theo ủy quyền của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; thẩm định, phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án;
- Thẩm định nội dung quy trình, giải pháp kỹ thuật của TKKT-DT trước khi trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Tổng hợp xét duyệt báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo niên độ, quyết toán dự án hoàn thành do BQLDA cấp tỉnh lập gửi Sở Tài chính thẩm định, tổng hợp báo cáo UBND, Bộ TNMT và NHTG;

- Hàng quý kiểm tra, tổng hợp, đối chiếu công vay theo quy định gửi Sở tài chính thẩm định;

- Trình phương án xử lý tài sản khi kết thúc dự án theo quy định;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác về công tác quản lý tài chính thuộc thẩm quyền của chủ đầu tư.

e. Kho bạc Nhà nước tại tỉnh

- Kiểm soát chi tiêu của BQLDA cấp tỉnh đối với phần vốn đối ứng của dự án và để đảm bảo chi duyệt thanh toán cho những chi tiêu hợp lệ;

- Chi trả theo yêu cầu của BQLDA cấp tỉnh cho bên thụ hưởng sử dụng vốn đối ứng và vốn ứng trước theo tỷ lệ đã được xác định trong Hiệp định Tài trợ giữa IDA và Chính phủ.

f. Ban Quản lý Dự án cấp tỉnh (BQLDA cấp tỉnh)

- Chuẩn bị chương trình kế hoạch và ngân sách hàng năm và các yêu cầu về dòng ngân quỹ;

- Quản lý các hoạt động tài chính của Hợp phần Dự án do BQLDA cấp tỉnh quản lý;

- Lập kế hoạch tài chính hàng năm cho BQLDA cấp tỉnh dựa trên kế hoạch triển khai các hoạt động của Dự án thuộc Hợp phần mà BQLDA cấp tỉnh phụ trách;

- Lập thiết kế, dự toán, hạng mục công việc, dự toán thu, chi quản lý của Dự án trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lệ của các khoản chi tiêu của BQLDA cấp tỉnh đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước Việt Nam và Hiệp định tài trợ;

- Thực hiện các thủ tục rút vốn từ quỹ IDA và BQLDA cấp TW;

- Lập báo cáo tài chính và các báo cáo khác về các hoạt động dưới sự quản lý của văn phòng quản lý cấp tỉnh và BQLDA cấp TW theo định kỳ hoặc theo yêu cầu;

- Thiết lập hệ thống kế toán, duy trì ghi chép và sổ sách kế toán đối với các nguồn vốn tuân thủ đúng qui trình của Chính phủ và NHTG yêu cầu;

- Thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ và đảm bảo hoạt động hiệu quả;

- Xây dựng phương án xử lý tài sản khi kết thúc dự án theo quy định;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác về công tác quản lý tài chính theo thẩm quyền.

8.3. Định mức và đơn giá

Chi phí thường xuyên của Dự án được thực hiện theo quy định của Chính phủ Việt Nam tại các định mức áp dụng cho các dự án vốn ODA. Về mặt cơ bản, định mức này được ban hành tại các Thông tư:

Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước; Thông tư số 219/2009/TT-BTC ngày 19/11/2009 của Bộ Tài chính quy định một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án/ chương trình sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); Thông tư số 192/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điểm

của Thông tư số 219/2009/TT-BTC ngày 19/11/2009 của Bộ Tài chính; Quyết định số 1467/QĐ-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính về việc bãi bỏ một phần Thông tư số 219/2009/TT-BTC và Thông tư số 192/2011/TT-BTC và các văn bản dẫn chiếu, thay thế các Thông tư này (nếu có).

Các nội dung kỹ thuật của dự án mang tính chất chuyên ngành được vận dụng mức tại Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ TNMT ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng CSDL đất đai; đối với địa phương đang sử dụng bản đồ địa chính chưa được thành lập trong hệ tọa độ quốc gia VN-2000 thì trước khi xây dựng dữ liệu không gian phải thực hiện chuyển đổi hệ tọa độ và biên tập nội dung bản đồ theo quy định hiện hành, được tính mức tại các điểm 2.1 và 2.2.1, 2.2.2, 2.2.3 Mục 2 Bảng 3; chi phí dụng cụ quy định cho chuyển hệ tại Bảng 40; chi phí thiết bị cho chuyển hệ tại Mục 2 Bảng 42; chi phí vật tư, vật liệu quy định cho chuyển hệ tại Bảng 43 theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; cơ cấu giá được vận dụng Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường.

Khái toán của Dự án được dựa trên định mức chỉ là khái toán kế hoạch. Giá trị của từng gói thầu trong mua sắm hàng hoá, DVKT, tuyển chọn cán bộ tư vấn sẽ được xác định dựa trên giá thị trường. BQLDA cấp TW và các BQLDA cấp tỉnh có thể thuê tuyển tư vấn đề xây dựng giá trị khái toán của các gói thầu mua sắm hàng hoá và dịch vụ. Giá của nhà thầu trúng thầu được đàm phán ký hợp đồng sẽ được lấy để thanh toán cho hợp đồng. Theo hướng dẫn mua sắm của IDA, các bên tham gia không được tiến hành đàm phán giá trúng thầu của nhà thầu.

8.4. Thuế

Toàn bộ các quy định và hướng dẫn về chính sách thuế, miễn giảm thuế cũng như những ưu tiên về thuế cho các dự án ODA được thực hiện theo các quy định hiện hành của Chính phủ Việt Nam và các quy định khác được nêu trong Hiệp định tài trợ của Dự án được ký kết sẽ phải được áp dụng .

Trong khuôn khổ Dự án VILG, nguồn vốn IDA có thể được chi trả tối đa 100% giá trị thanh toán hợp lệ, bao gồm cả thuế (trừ DVKT) như được nêu trong Hiệp định Tài trợ. Do đó, khi yêu cầu nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu, BQLDA cấp TW và các BQLDA cấp tỉnh phải yêu cầu các nhà thầu đưa vào trong giá dự thầu toàn bộ phần thuế mà họ sẽ phải nộp. Các khoản thuế có thể bao gồm trong giá của nhà thầu trong trường hợp nhà thầu tự nộp thuế hoặc do BQLDA cấp TW, BQLDA cấp tỉnh trực tiếp nộp cho cơ quan thuế tương ứng.

Riêng đối với các nội dung công việc giao cho VPĐK các tỉnh thực hiện theo hình thức Thỏa thuận Force Account, trên cơ sở quyết định của cấp có thẩm quyền các tỉnh giao nhiệm vụ, đặt hàng thì nguồn vốn IDA không chi trả thuế giá trị gia tăng (chỉ chi trả 90% giá trị thanh toán hợp lệ, không bao gồm thuế).

(Hướng dẫn quản lý tài chính chi tiết tại Phụ lục 8).

CHƯƠNG IX. HƯỚNG DẪN ĐẦU THẦU

9. 1. Căn cứ pháp lý

9.1.1. Cơ sở pháp lý để thực hiện các hoạt động đấu thầu có sử dụng vốn IDA

Theo thỏa thuận trong Hiệp định tín dụng đã ký giữa Chính phủ Việt Nam với NHTG, tất cả các hoạt động đấu thầu có sử dụng một phần hoặc toàn bộ nguồn vốn vay ưu đãi của NHTG sẽ thực hiện theo các quy định về trình tự, thủ tục đấu thầu của NHTG. Công tác đấu thầu phải thực hiện theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được thống nhất với NHTG, tuân thủ các nguyên tắc cốt lõi về đấu thầu của NHTG và các quy trình, thủ tục theo hướng dẫn tại Quy định Đấu thầu mua sắm dành cho Bên vay vốn tài trợ dự án đầu tư của NHTG phiên bản tháng 7 năm 2016 “Đấu thầu mua sắm trong các dự án đầu tư: Hàng hóa, Xây lắp, Dịch vụ phi tư vấn và Dịch vụ tư vấn” (gọi tắt là Quy định về đấu thầu của NHTG).

a) Hiệp định Tài trợ (FA) số Cr 5887-VN ngày 23 tháng 12 năm 2016;

b) Quy định về Đấu thầu mua sắm dành cho Bên vay vốn tài trợ dự án đầu tư của NHTG (tháng 7/2016);

c) Quy định của Chính phủ Việt Nam đối với việc lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư thuộc dự án có sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi phát sinh từ điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế giữa Việt Nam với nhà tài trợ

Điều 3 của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII và Điều 1 của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Khoản 3, khoản 4 Điều 3 của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 cũng khẳng định “Đối với việc lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư thuộc dự án có sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi phát sinh từ điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế giữa Việt Nam với nhà tài trợ thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế đó” và “Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định về lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư khác với quy định của Luật này thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó”.

Khoản 1, Điều 52 của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ quy định “Việc lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế giữa Việt Nam với nhà tài trợ nước ngoài; trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định về lựa chọn nhà thầu khác với quy định của Luật đấu thầu thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó”.

Khoản 2, Điều 52 của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP cũng quy định: "Thủ tục phân cấp trình, thẩm định và phê duyệt các nội dung trong đấu thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu của Việt Nam. Nội dung thẩm định, phê duyệt tuân thủ quy định của điều ước quốc tế theo nguyên tắc nêu tại khoản 1 Điều này."

d) Tài liệu thẩm định Dự án của NHTG và Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án VILG.

đ) Các mẫu Hồ sơ của NHTG (kèm theo Quy định về đấu thầu của NHTG);

e) Mẫu Hồ sơ mời thầu hài hòa cho gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa đấu thầu theo hình thức đấu thầu cạnh tranh trong nước cho các dự án do Ngân hàng Phát triển châu Á và NHTG tài trợ (theo Thư đề ngày 02 tháng 7 năm 2015 của NHTG và Ngân hàng Phát triển Châu Á).

9.1.2. Cơ sở pháp lý để thực hiện các hoạt động đấu thầu có sử dụng 100% vốn đối ứng

Các hoạt động sử dụng 100% vốn đối ứng, việc lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 và Điều 1 của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

9.2. Nguyên tắc và các điều kiện

9.2.1. Nguyên tắc đấu thầu cốt lõi

Việc đấu thầu các hạng mục của Dự án VILG phải tuân thủ 7 nguyên tắc (được quy định tại Phần III.C của Chính sách Ngân hàng) sau:

(1) Giá trị đồng tiền (Value for money): nguyên tắc này nhằm đảm bảo sử dụng nguồn lực một cách hiệu quả, hiệu suất và tiết kiệm, nguyên tắc này đòi hỏi có sự đánh giá các chi phí và lợi ích liên quan cùng với các yếu tố rủi ro cũng như các yếu tố phi giá. Để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, Bên vay cần xây dựng Chiến lược đấu thầu cho dự án để xác định và giảm thiểu tất cả các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình đấu thầu; xác định rõ nhu cầu và mục tiêu đấu thầu, các giải pháp, phương thức đấu thầu phù hợp với dự án trên cơ sở phân tích các rủi ro, đồng thời tăng cường giám sát, quản lý hợp đồng hiệu quả.

(2) Đảm bảo tính kinh tế (economy): nguyên tắc này chú ý đến các nhân tố hỗ trợ nguyên tắc hiệu quả sử dụng vốn đầu tư như tính bền vững, chất lượng và các tính chất phi giá và/ hoặc chi phí khác. Nguyên tắc cho phép tích hợp các yếu tố kinh tế, môi trường và xã hội mà NHTG và Bên vay đã thỏa thuận để đảm bảo tính hiệu quả về kinh tế xã hội, giảm thiểu các tác động của dự án đầu tư đối với cộng đồng, xã hội, các đối tượng dễ bị ảnh hưởng;

(3) Tính liêm chính (Integrity): NHTG yêu cầu tất cả các bên liên quan đến quy trình đấu thầu bao gồm Bên vay, nhà thầu, tư vấn, bất kỳ nhà thầu phụ, tư vấn phụ, nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ, bất kỳ đại lý (dù công bố hay không), và bất kỳ nhân viên của họ, đều phải tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức cao nhất theo quy định của NHTG về phòng chống gian lận và tham nhũng.

(4) Phù hợp với mục đích (Fit for purpose): công tác đấu thầu phải phù hợp và đáp ứng mục đích, mục tiêu và kết quả đầu ra của dự án cũng như các định hướng phát triển của ngành và lĩnh vực đầu tư có tính đến bối cảnh và rủi ro, giá trị và sự phức tạp của việc đấu thầu.

(5) Hiệu quả (Efficiency): việc triển khai các hoạt động đấu thầu phải được thực hiện đúng tiến độ để đảm bảo không ảnh hưởng đến các hoạt động khác của dự án. Cần hạn chế sự trì hoãn/chậm trễ trong đấu thầu để giảm thiểu rủi ro của dự án.

(6) Tính minh bạch (Transparency): tất cả các thông tin liên quan đến các hoạt động đấu thầu phải được công khai minh bạch. Nguyên tắc này yêu cầu (i) thông tin đấu thầu liên quan được công khai và có sẵn cho tất cả các bên quan tâm, nhất quán và kịp thời, được phổ biến rộng rãi với chi phí hợp lý hoặc miễn phí; (ii) ghi nhận các phản hồi liên quan đến hoạt động đấu thầu; (iii) chỉ sử dụng các điều khoản bảo mật trong hợp đồng khi được yêu cầu. Kiểm toán độc lập toàn bộ các hoạt động đấu thầu để đảm bảo tuân thủ đúng các quy định về đấu thầu của NHTG.

(7) Công bằng (Fairness): đảm bảo mọi nhà thầu đủ tư cách hợp lệ được phép tham gia đấu thầu cạnh tranh. Quyền lợi và trách nhiệm của Bên vay, chủ đầu tư và các nhà thầu, nhà cung cấp phải đảm bảo công bằng giữa các bên. Tuy nhiên việc đấu thầu cạnh tranh không nhất thiết phải áp dụng trong mọi trường hợp, Bên vay có thể sử dụng phương thức đấu thầu ít cạnh tranh hơn trong những trường hợp đặc biệt và phải được NHTG chấp thuận.

9.2.2. Nguyên tắc tránh mâu thuẫn về lợi ích

NHTG yêu cầu các công ty và cá nhân tham gia đấu thầu trong dự án đầu tư của NHTG không được có mâu thuẫn lợi ích, quy định cụ thể trong Quy định về đấu thầu của NHTG (Mục 3.15 đến 3.17), cụ thể:

9.2.2.1. Đối với Hàng hóa, xây lắp và dịch vụ phi tư vấn

Một công ty được coi là có mâu thuẫn lợi ích trong các trường hợp sau:

a) Đang cung cấp hàng hóa, xây lắp hoặc dịch vụ phi tư vấn bắt nguồn từ hoặc liên quan trực tiếp đến dịch vụ tư vấn chuẩn bị hoặc thực hiện một dự án mà công ty đó đã cung cấp hoặc được cung cấp bởi bất kỳ một công ty liên kết đang nắm quyền hay nằm dưới quyền kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp đối với công ty nói trên, hoặc cùng nằm dưới sự kiểm soát chung của công ty đó. Điều khoản này không áp dụng cho trường hợp các công ty (Tư vấn, nhà thầu, hoặc nhà cung ứng) đang cùng thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu trong một hợp đồng chìa khóa trao tay hoặc hợp đồng thiết kế và xây dựng;

b) Các nhân sự thuộc công ty đó có quan hệ kinh doanh hoặc gia đình gần gũi với cán bộ chuyên môn của Bên vay, hoặc của cơ quan thực hiện dự án, hoặc một bên tiếp nhận một phần vốn tài trợ của Ngân hàng, hoặc bất kỳ bên nào khác đại diện hoặc thực hiện vai trò của Bên vay mà người đó:

- Trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia soạn thảo Tài liệu đấu thầu hoặc thông số kỹ thuật của hợp đồng, hoặc quá trình đánh giá cho hợp đồng đó;

- Tham gia thực hiện hoặc giám sát hợp đồng, trừ khi sự mâu thuẫn phát sinh từ những mối quan hệ nói trên đã được giải quyết ổn thỏa theo cách mà Ngân hàng chấp thuận trong suốt quá trình đấu thầu và thực hiện hợp đồng; hoặc

c) Không tuân thủ bất kỳ một quy định nào khác về mâu thuẫn lợi ích ghi trong mẫu Tài liệu đấu thầu của Ngân hàng áp dụng cho một quy trình đấu thầu cụ thể.

9.2.2.2. Đối với dịch vụ tư vấn

NHTG yêu cầu bên Tư vấn phải tuân thủ các nội dung sau:

a) Cung cấp ý kiến tư vấn chuyên nghiệp, khách quan và công bằng;

b) Luôn luôn đặt lợi ích của bên thuê (Bên vay) lên hàng đầu mà không suy tính đến các công việc khác có thể nhận trong tương lai; và

c) Khi thực hiện dịch vụ tư vấn phải tránh mâu thuẫn với các công việc khác và với những lợi ích riêng của công ty tư vấn.

Tư vấn không được thuê cho bất kỳ công việc nào mâu thuẫn với những nghĩa vụ trước đây hoặc hiện tại đối với các khách hàng khác, hoặc bất kỳ công việc nào khác có thể đặt tư vấn vào tình huống không thể thực hiện nhiệm vụ hiện tại vì lợi ích tốt nhất cho bên thuê (Bên vay). Ngoài quy định chung nói trên, Tư vấn sẽ không được thuê trong các tình huống sau đây:

- Một công ty đã được Bên vay thuê cung cấp hàng hóa, xây lắp hoặc dịch vụ phi tư vấn cho một dự án (hoặc bất kỳ công ty liên kết nào đang nắm quyền hoặc cùng nắm dưới quyền kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp đối với công ty nói trên, hoặc cùng nắm dưới sự kiểm soát chung của công ty đó) sẽ không đủ tư cách để cung cấp dịch vụ tư vấn phát sinh từ hoặc liên quan trực tiếp đến hàng hóa, xây lắp hoặc dịch vụ phi tư vấn đó. Điều khoản này không áp dụng cho trường hợp các công ty (Tư vấn, nhà thầu, hoặc nhà cung ứng) đang cùng thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu trong một hợp đồng chìa khóa trao tay hoặc hợp đồng thiết kế và xây dựng;

- Một công ty đã được Bên vay thuê cung cấp dịch vụ tư vấn chuẩn bị hoặc thực hiện dự án (hoặc bất kỳ công ty liên kết nào đang nắm quyền hoặc cùng nắm dưới quyền kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp đối với công ty nói trên, hoặc cùng nắm dưới sự kiểm soát chung của công ty đó) sẽ không đủ tư cách để cung cấp hàng hóa, xây lắp hoặc dịch vụ phi tư vấn phát sinh từ hoặc liên quan trực tiếp đến dịch vụ tư vấn đó. Điều khoản này không áp dụng cho trường hợp cho các công ty (Tư vấn, nhà thầu, hoặc nhà cung ứng) đang cùng thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu trong một hợp đồng chìa khóa trao tay hoặc hợp đồng thiết kế và xây dựng;

- Một công ty tư vấn (bao gồm nhân sự và tư vấn phụ của công ty đó) cũng như bất kỳ công ty liên kết nào (đang nắm quyền hoặc cùng nắm dưới quyền kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp đối với công ty nói trên, hoặc cùng nắm dưới sự kiểm soát chung của công ty đó), sẽ không được thuê để làm các công việc mà bản chất của công việc đó có mâu thuẫn với công việc khác của công ty tư vấn đó;

- Một công ty tư vấn (bao gồm các chuyên gia, nhân sự và tư vấn phụ của công ty đó) có quan hệ kinh doanh hoặc gia đình gần gũi với cán bộ chuyên môn của Bên vay, hoặc cơ quan thực hiện dự án, hoặc của bên tiếp nhận một phần tài trợ của Ngân hàng, hoặc bất kỳ bên nào khác đại diện hoặc thực hiện vai trò của Bên vay, mà người đó có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp trong bất kỳ giai đoạn nào của:

+ Quá trình soạn thảo điều khoản tham chiếu cho nhiệm vụ của tư vấn;

+ Quá trình tuyển chọn tư vấn cho hợp đồng; hoặc

+ Quá trình giám sát hợp đồng tư vấn, có thể không được trao hợp đồng, trừ khi

những mâu thuẫn phát sinh từ những mối quan hệ nói trên đã được giải quyết thỏa đáng theo cách mà Ngân hàng chấp thuận trong suốt quá trình tuyển chọn và thực hiện hợp đồng.

9.2.3. Điều kiện về tư cách hợp lệ

Tư cách hợp lệ của các tổ chức, cá nhân tham gia các dự án do NHTG tài trợ được quy định cụ thể trong Quy định về đấu thầu của NHTG (Mục 3.21 đến 3.23). Chính sách này áp dụng cho tất cả các hợp đồng đấu thầu sử dụng một phần hoặc toàn bộ nguồn viện trợ của NHTG trong phạm vi thực hiện Dự án.

- Ngân hàng cho phép các tổ chức, cá nhân có tư cách hợp lệ từ tất cả các quốc gia tham gia chào hàng hóa, xây lắp, dịch vụ phi tư vấn và dịch vụ tư vấn cho các dự án do NHTG tài trợ.

- Theo quy định về tư cách hợp lệ trong Quy định về đấu thầu của NHTG và Tài liệu thẩm định Dự án VILG thì: các DNNN và các đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) trực thuộc Bộ TN&MT/Tổng cục QLDD và Sở TN&MT đủ tư cách hợp lệ tham gia đấu thầu nếu đáp ứng đủ 03 điều kiện sau: (i) tự chủ về mặt pháp lý và tài chính;; (ii) hoạt động theo Luật Thương mại; và (iii) không chịu sự giám sát của cơ quan ký hợp đồng với họ (Tham chiếu tại Mục 3.23b Quy định về đấu thầu của NHTG).

Các đơn vị này được phép tham gia đấu thầu cạnh tranh rộng rãi với các doanh nghiệp tư nhân để thực hiện các hợp đồng DVKT về xây dựng CSDL đất đai. Quy định này chỉ áp dụng đối với các DNNN và các ĐVSN đáp ứng các tiêu chí về tư cách hợp lệ được nêu trong Quy định đấu thầu.

- UBND các tỉnh/thành phố (hoặc đơn vị được UBND tỉnh/thành phố ủy quyền) thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng cho VPĐK trực thuộc tự thực hiện một số hạng mục công việc theo Thiết kế kỹ thuật - Dự toán được phê duyệt, theo đó BQLDA cấp tỉnh và VPĐK sẽ ký Thỏa thuận Force Account (theo Phụ đính 9.3.12).

- Đối với sự tham gia của cán bộ, công chức của Chính phủ tham gia các hợp đồng dịch vụ tư vấn:

Tùy từng trường hợp, Ngân hàng có thể chấp thuận việc thuê cán bộ và công chức của Chính phủ cho những hợp đồng tư vấn với tư cách là tư vấn cá nhân hay thành viên của nhóm chuyên gia do công ty tư vấn đề xuất, chỉ khi: (i) dịch vụ của cán bộ chính phủ hay công chức đó tại Việt Nam mang tính chất duy nhất và đặc biệt hoặc sự tham gia của họ có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện dự án; (ii) việc thuê tuyển không gây ra mâu thuẫn lợi ích; (iii) việc thuê tuyển không mâu thuẫn với bất kỳ điều luật, quy định hay chính sách nào của Chính phủ.

9.2.4. Nguyên tắc chống gian lận và tham nhũng

NHTG và Chính phủ yêu cầu các cơ quan thực hiện dự án cũng như các nhà thầu/nhà cung cấp thuộc các hợp đồng do NHTG tài trợ phải tuân thủ các chuẩn mực đạo đức cao nhất trong quá trình đấu thầu và thực thi hợp đồng.

Các hành vi gian lận và tham nhũng và biện pháp xử lý của NHTG được mô tả trong Quy định về đấu thầu của NHTG (mục 3.32 và Phụ lục IV về chống gian lận và

tham nhũng).

NHTG và Chính phủ sẽ từ chối bất kỳ đề xuất trao hợp đồng nào nếu phát hiện nhà thầu được đề nghị ký hợp đồng đã có hành vi gian lận hay hối lộ trong quá trình cạnh tranh để đạt được hợp đồng đó. Hợp đồng sẽ bị huỷ bỏ để đấu thầu lại hoặc khoản vay đã cam kết cho hợp đồng đó sẽ bị huỷ bỏ.

Nếu một công ty bị phát hiện có hành vi gian lận hoặc hối lộ vào bất kỳ thời điểm nào trong quá trình cạnh tranh hoặc thực thi một hợp đồng do NHTG tài trợ thì NHTG và Chính phủ sẽ công bố công ty đó không đủ tư cách hợp lệ, hoặc vô thời hạn hoặc trong một thời hạn cụ thể, để được trao hợp đồng do NHTG tài trợ.

9.2.5. Nguyên tắc bảo mật

Đối với hàng hóa, xây lắp và dịch vụ phi tư vấn, sau khi mở thầu công khai, mọi thông tin có liên quan đến việc kiểm tra, làm rõ và đánh giá các HSDT và những kiến nghị về trúng thầu không được tiết lộ cho người dự thầu hay những người khác không liên quan chính thức đến quá trình này cho đến khi người trúng thầu được thông báo trao hợp đồng.

Đối với dịch vụ tư vấn, mọi thông tin có liên quan đến việc đánh giá các đề xuất và những kiến nghị có liên quan đến trao hợp đồng đều không được tiết lộ cho các tư vấn đã nộp các đề xuất hoặc cho những người khác không có liên quan chính thức đến quá trình này, cho đến khi tư vấn trúng tuyển được thông báo trao hợp đồng.

9.2.6. Nguyên tắc về lưu trữ hồ sơ

Toàn bộ các tài liệu về đấu thầu trong suốt quá trình thực hiện dự án và đến 2 năm sau ngày kết thúc của Hiệp định tài trợ phải được lưu trữ đầy đủ. Bộ tài liệu này bao gồm:

- a) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
- b) Thông báo chung về đấu thầu (GPN);
- c) Quảng cáo mời thầu chi tiết (SPN)/Yêu cầu bày tỏ quan tâm dự thầu;
- d) Hồ sơ mời thầu/Yêu cầu nộp đề xuất, bản gốc Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ chào giá/ Hồ sơ đề xuất/Hồ sơ bày tỏ quan tâm;
- e) Biên bản mở thầu;
- f) Báo cáo đánh giá HSDT/Đánh giá đề xuất, Kiến nghị trao hợp đồng;
- g) Thỏa thuận hợp đồng, Sửa đổi hợp đồng và tất cả thư từ trao đổi có liên quan đến quá trình đấu thầu;
- h) Các văn bản/quyết định phê duyệt tương ứng tại mỗi bước thực hiện.

Tất cả các tài liệu và văn bản liên quan đến quá trình thực hiện hợp đồng, nghiệm thu, thanh toán, bàn giao, bảo dưỡng bảo hành và thanh lý hợp đồng.

9.2.7. Xử lý giá chào thầu vượt dự toán

(1) Việc loại bỏ tất cả các HSDT/HSDX được coi là hợp lý (đối với hợp đồng tiền kiểm, phải có ý kiến không phản đối của Ngân hàng) nếu:

- Thiếu cạnh tranh hiệu quả;
- Tất cả các HSDT/HSDX đều không đáp ứng căn bản các yêu cầu trong Tài liệu đấu thầu
- Giá dự thầu/đề xuất cao hơn nhiều so với dự toán đã cập nhật hoặc ngân sách hiện có; hoặc
- Không có đề xuất kỹ thuật nào đáp ứng điểm năng lực kỹ thuật tối thiểu.
- Trong trường hợp nhà thầu chào giá thấp hơn nhiều so với dự toán, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu giải trình bằng văn bản cho tính hợp lý của giá chào thầu tương ứng với phương pháp và tiến độ thi công. Trên cơ sở văn bản giải trình của Nhà thầu, Bên mời thầu có thể cân nhắc áp dụng: Với hợp đồng theo đơn giá, nếu HSDT có giá đánh giá thấp nhất nhưng mất cân đối nghiêm trọng hoặc có giá chào cho các hạng mục được thực hiện trong giai đoạn đầu thi công gói thầu dịch vụ kỹ thuật quá cao theo ý kiến của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu phân tích chi tiết đơn giá của một hoặc tất cả các hạng mục trong Bảng tiên lượng nhằm chứng minh sự nhất quán giữa các đơn giá đó với phương pháp và tiến độ thi công đề xuất. Sau khi đánh giá bằng phân tích đơn giá chi tiết và xem xét tiến độ thanh toán hợp đồng dự kiến mà không có cơ sở hợp lý để loại bỏ HSDT, Chủ đầu tư có thể yêu cầu tăng giá trị bảo lãnh thực hiện hợp đồng – theo điều 33.5 “Hướng dẫn cho nhà thầu” của HSMT (tối đa 30% giá trị trúng thầu) đủ để bảo vệ Chủ đầu tư khỏi bị thiệt hại tài chính trong trường hợp Nhà thầu trúng thầu không thực hiện được hợp đồng.

(2) Thiếu cạnh tranh sẽ không chỉ được xác định dựa trên số lượng nhà thầu. Kể cả khi chỉ có duy nhất một HSDT/HSDX được nộp, quy trình vẫn phải được xem là có hiệu lực nếu:

- Gói thầu được quảng cáo phù hợp;
- Tiêu chí năng lực không bị hạn chế quá mức; và
- Giá chào thầu hợp lý so với giá trị thị trường.

(3) Nếu tất cả các HSDT/HSDX đều bị loại thì Bên vay phải xem xét lý do giải thích cho việc loại bỏ đó và thực hiện những sửa đổi thích hợp đối với Chiến lược ĐTMS và Hồ sơ mời thầu/mời nộp đề xuất trước khi phát hành Hồ sơ mời thầu/mời nộp đề xuất mới.

(4) Bên vay không được loại bỏ tất cả các HSDT/HSDX và sử dụng Hồ sơ mời thầu/mời nộp đề xuất đó để mời nộp HSDT/HSDX mới chỉ để tìm kiếm giá chào thầu thấp hơn. Trong trường hợp HSDT/HSDX có ưu điểm nhất có giá cao hơn đáng kể giá dự toán đã được cập nhật của Bên vay thì Bên vay phải phân tích nguyên nhân của sự khác biệt đó và cân nhắc khả năng mời nộp HSDT/HSDX mới. Một cách khác, Bên vay có thể đàm phán với Nhà thầu có HSDT/HSDX có ưu điểm nhất để cố gắng đạt được một hợp đồng đáp ứng yêu cầu bằng cách giảm bớt quy mô và/hoặc phân chia lại các rủi ro và trách nhiệm hợp đồng, qua đó có thể giảm giá hợp đồng. Tuy nhiên, nếu quy mô hợp đồng bị giảm quá nhiều hoặc tài liệu hợp đồng bị sửa đổi quá nhiều có thể

dẫn đến phải đấu thầu lại.

9.2.8. Các điều kiện và quy định khác

a) Chứng chỉ đào tạo đấu thầu

Theo quy định của NHTG, không bắt buộc các cán bộ đấu thầu của các BQLDA cũng như các thành viên của Tổ chuyên gia đấu thầu phải có Chứng chỉ tham dự khoá đào tạo về đấu thầu. Tuy nhiên các cán bộ đấu thầu của các BQLDA cũng như các thành viên của Tổ chuyên gia đấu thầu phải tham gia đầy đủ các khoá đào tạo về đấu thầu của NHTG để có thể thực hiện đúng các thủ tục đấu thầu.

b) Đăng ký tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Ngay sau khi được thành lập, BQLDA cấp Trung ương và BQLDA cấp tỉnh có trách nhiệm đăng ký tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định của Luật Đấu thầu. Quy trình đăng ký với tư cách là bên mời thầu đăng ký chứng thư số và thông tin người sử dụng chứng thư số (người đại diện theo pháp luật và người phụ trách đấu thầu) trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 08 tháng 9 năm 2015.

Chứng thư số có hiệu lực 01 năm kể từ ngày được cấp, các BQLDA có trách nhiệm gia hạn thời gian hiệu lực của chứng thư số cho đến khi kết thúc dự án.

Việc thực hiện đấu thầu qua mạng thông qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia thực hiện theo lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng theo quy định của pháp luật về đấu thầu của Việt Nam và quy định của NHTG.

Bộ TNMT, Tổng cục QLĐĐ, Sở TNMT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thông báo tới các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc đăng ký tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để đảm bảo có đủ điều kiện tham dự các gói thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

Cán bộ đấu thầu phải được đào tạo sử dụng hệ thống STEP và các hoạt động đấu thầu phải được cập nhật vào hệ thống STEP.

c) Thông báo và quảng cáo

(1) BQLDA cấp Trung ương phải chuẩn bị và nộp lên NHTG thông qua hệ thống STEP một thông báo đấu thầu chung trước khi bắt đầu bất cứ hoạt động đấu thầu nào của dự án. Ngân hàng sẽ sắp xếp để đăng tải thông báo này trên báo điện tử Kinh doanh và phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDB online) và trên trang web liên kết bên ngoài của Ngân hàng. Thông báo đấu thầu chung bao gồm các thông tin sau:

- Tên của Bên vay;
- Mục tiêu của dự án và tổng giá trị khoản vay;
- Phạm vi đấu thầu thể hiện trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
- Thông tin liên hệ của Bên vay;
- Nếu có, cung cấp một địa chỉ website truy cập miễn phí dùng để đăng tải các thông tin đấu thầu cụ thể của Bên vay; và,
- Nếu có thể, nêu ngày dự kiến triển khai các gói thầu.

(2) Đăng tải các thông tin đấu thầu cụ thể

Theo quy định của NHTG, Bên vay phải đăng tải các thông tin đấu thầu cụ thể trên:

- Website truy cập miễn phí, nếu có;
- Ít nhất một tờ báo phát hành rộng rãi toàn quốc ở Việt Nam; và
- Công báo.

Theo quy định của Luật Đấu thầu và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP, bên mời thầu có trách nhiệm cung cấp các thông tin đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc Báo Đấu thầu. Do đó các BQLDA có trách nhiệm thực hiện việc đăng tải thông tin đấu thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu của Việt Nam.

Đối với các gói thầu đấu thầu theo phương thức Yêu cầu nộp Hồ sơ dự thầu cạnh tranh quốc tế, BQLDA cấp Trung ương phải đăng tải thông tin đấu thầu cụ thể trên báo UNDB online và trên Báo Đấu thầu. NHTG sẽ sắp xếp để đăng tải cùng lúc thông báo này trên trang web liên kết bên ngoài của NHTG.

d) Ngôn ngữ trong đấu thầu

Thực hiện theo Quy định về đấu thầu của NHTG (Mục 5.14 đến 5.18), cụ thể:

Đối với đấu thầu cạnh tranh quốc tế, tất cả các Tài liệu đấu thầu phải được viết bằng tiếng Anh. BQLDA cấp TW cũng có thể phát hành bản dịch của những tài liệu này bằng tiếng Việt.

BQLDA cấp TW phải chịu toàn bộ trách nhiệm về việc dịch thuật chính xác các tài liệu sang tiếng Việt. Trong trường hợp có sự khác biệt thì tài liệu bằng tiếng Anh sẽ có giá trị chi phối. Nếu Tài liệu đấu thầu được phát hành bằng hai ngôn ngữ, Nhà thầu/Tư vấn có thể nộp Hồ sơ dự thầu/HSDT/HSDX của họ bằng một trong hai ngôn ngữ đó.

Đối với đấu thầu cạnh tranh quốc tế thuộc diện tiền kiểm, BQLDA cấp TW có trách nhiệm cung cấp cho Ngân hàng một bản dịch chính xác báo cáo đánh giá Sơ tuyển/danh sách ngắn/HSDT/HSDX, dự thảo hợp đồng và bản sao có chứng thực của hợp đồng sang tiếng Anh. BQLDA cấp TW cũng phải cung cấp cho Ngân hàng một bản dịch chính xác của tất cả các tài liệu sửa đổi liên quan đến hợp đồng đó.

Đối với đấu thầu trong nước, Tài liệu đấu thầu sử dụng tiếng Việt, Ngân hàng có thể yêu cầu các BQLDA cung cấp một bản dịch chính xác sang tiếng Anh để Ngân hàng xem xét.

Hợp đồng ký với Nhà thầu/Tư vấn trúng thầu phải được lập bằng ngôn ngữ của HSDT/HSDX đã nộp, và đó sẽ ngôn ngữ chi phối mối quan hệ hợp đồng giữa Bên vay và Nhà thầu/Tư vấn trúng thầu. Hợp đồng không được ký bằng nhiều hơn một ngôn ngữ.

đ) Thời gian tạm hoãn

- Thời hạn tạm hoãn được áp dụng để Nhà thầu/Tư vấn có thời gian kiểm tra Thông báo dự định trao hợp đồng và đánh giá xem việc nộp đơn khiếu nại có phù hợp không, ngoại trừ những trường hợp được mô tả tại mục (iii).

- Việc gửi Thông báo dự định trao hợp đồng của BQLDA (hoặc thông báo dự định

ký Thỏa thuận khung trong trường hợp Thỏa thuận khung) đánh dấu sự bắt đầu của Thời hạn tạm hoãn. Thời hạn tạm hoãn kéo dài mười (10) ngày làm việc sau ngày gửi Thông báo, trừ khi được gia hạn theo quy định tại Đoạn 5.82 Quy chế đấu thầu của NHTG. Hợp đồng sẽ không được trao trước hoặc trong Thời hạn tạm hoãn.

- Ngoài quy định tại mục (i), Thời hạn tạm hoãn không được yêu cầu trong những trường hợp sau: (1) chỉ có duy nhất một HSDT/HSDX được nộp trong một quy trình đấu thầu cạnh tranh rộng rãi; (2) chỉ định thầu; (3) quy trình gọi thầu giữa những hãng tham gia Thỏa thuận khung; (4) tình trạng khẩn cấp được Ngân hàng chấp nhận; và (5) đối với các gói thầu dịch vụ kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu.

e) Các tài liệu mẫu phục vụ công tác đấu thầu

Các tài liệu mẫu phục vụ cho công tác đấu thầu do NHTG ban hành và được công bố rộng rãi trên website của NHTG bao gồm nhưng không hạn chế ở các tài liệu sau:

- Mẫu HSMT mua sắm hàng hóa theo phương thức Yêu cầu nộp Hồ sơ dự thầu cạnh tranh quốc tế (phiên bản tháng 10/2017);

- Mẫu HSMT cho các dịch vụ phi tư vấn (phiên bản tháng 10/2017);

- Mẫu Hồ sơ mời nộp đề xuất đối với các dịch vụ tư vấn (phiên bản tháng 10/2017);

- Mẫu Hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa theo phương thức đấu thầu rộng rãi trong nước (theo mẫu hồ sơ mời thầu hài hòa cho gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa đấu thầu theo hình thức đấu thầu cạnh tranh trong nước cho các dự án do Ngân hàng Phát triển châu Á và NHTG tài trợ, phiên bản tháng 5/2016);

- Biểu mẫu đánh giá hồ sơ dự thầu đối với các gói thầu mua sắm hàng hóa và dịch vụ phi tư vấn;

- Biểu mẫu đánh giá hồ sơ đề xuất cho các dịch vụ tư vấn.

g) Xử lý các thắc mắc về thủ tục đấu thầu

Để được giải đáp các thắc mắc cũng như để nhận được các hướng dẫn, hỗ trợ cần thiết liên quan đến thủ tục đấu thầu, cán bộ của các BQLDA cấp tỉnh có thể liên lạc trực tiếp với BQLDA cấp Trung ương theo địa chỉ sau: BQLDA VILG cấp Trung ương; Tel: 024.3212.3630; E-mail: cpmu@vilg.vn.

Trường hợp phát sinh các vấn đề phức tạp, chưa được hướng dẫn trong Hướng dẫn đấu thầu, BQLDA cấp Trung ương sẽ tổng hợp và báo cáo NHTG để hướng dẫn bằng văn bản đảm bảo sự thống nhất trong triển khai công tác đấu thầu của dự án VILG.

9.3. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Kế hoạch đấu thầu hàng năm (hoặc cho thời gian lâu hơn hoặc cho cả dự án) cần phải được NHTG phê duyệt trên STEP như là điều kiện bắt buộc trước khi BQLDA các cấp chính thức thực hiện. Kế hoạch đấu thầu cần phải được các Chủ đầu tư tương ứng đồng thuận một cách chính thức hoặc trên nguyên tắc trước khi được gửi sang NHTG phê duyệt.

Kế hoạch đấu thầu phải được nhập lên hệ thống STEP theo quy trình và cách

thức được NHTG đào tạo qua các lớp tập huấn về sử dụng STEP.

9.3.1. Căn cứ lập kế hoạch

Nguyên tắc và căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo quy định tại Điều 33, Điều 34 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13.

Quy định chi tiết việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015.

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu hàng năm được xây dựng căn cứ vào Kế hoạch Tài chính và Kế hoạch hoạt động tương ứng đã được phê duyệt.

9.3.2. Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu

9.3.2.1. Xây dựng, điều chỉnh và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cần được xây dựng và phê duyệt trước khi thực hiện đấu thầu. KHLCNT cho năm tiếp theo cần được xây dựng sớm trong quý 4 hàng năm và chậm nhất ngày 30 tháng 11 hàng năm phải gửi NHTG xem xét, cho ý kiến. KHLCNT được cập nhật và điều chỉnh trong trường hợp cần thiết phải điều chỉnh để đảm bảo tiến độ và hiệu quả thực hiện các gói thầu. BQLDA cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng, cập nhật và điều chỉnh KHLCNT hàng năm (*theo Phụ lục 9.1*).

BQLDA cấp tỉnh trình cơ quan chủ quản phê duyệt KHLCNT. BQLDA cấp tỉnh có trách nhiệm đăng tải KHLCNT đã được phê duyệt lên hệ thống STEP (thực hiện trực tiếp hoặc thông qua việc nhập dữ liệu từ file excel lên hệ thống STEP) và nhấn nút gửi BQLDA cấp Trung ương tổng hợp, gửi NHTG xem xét, cho ý kiến không phản đối qua hệ thống STEP.

- Lập Kế hoạch đấu thầu cho các gói thầu dịch vụ kỹ thuật theo nguyên tắc:
 - + Duy trì Số lượng gói thầu trong 1 tỉnh ở mức tối thiểu: về cơ bản không quá 2 gói thầu DVKT (có thể có ngoại lệ ở một số tỉnh phạm vi lớn).
 - + 1 gói thầu có thể chia lô theo nguyên tắc:
 - ++ Tất cả các huyện chuyển đổi thì gộp thành 01 lô.
 - ++ Các huyện xây dựng mới hoặc có chuyển đổi một phần thì có thể ghép với nhau thành 01 lô tùy theo phạm vi và giá trị của huyện.
 - ++ Số lô thầu trong 01 gói là tối thiểu và không quá 04 lô/1 gói thầu.
 - + Gói thầu có giá trị trên 2 triệu USD sẽ thuộc diện WB xét duyệt trước (trong năm 2020), ngưỡng xét duyệt có thể thay đổi cho năm 2021 tùy theo mức độ rủi ro.

Ngưỡng xét duyệt trước tương ứng với rủi ro đấu thầu được ngân hàng đánh giá cho năm 2020 là đáng kể (substantial).

NHTG sẽ xem xét, có ý kiến phản hồi và cho ý kiến không phản đối qua hệ thống STEP cho toàn bộ các hoạt động đấu thầu hoặc cho từng hoạt động đấu thầu trong KHLCNT. KHLCNT sau khi được NHTG phê duyệt trên hệ thống STEP là cơ sở để BQLDA cấp Trung ương và BQLDA cấp tỉnh thực hiện.

9.3.2.2. Trình tự xây dựng, điều chỉnh và phê duyệt KHLCNT

a) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu hàng năm phải bao gồm toàn bộ các hoạt động cần phải thực hiện đấu thầu trong phạm vi dự án trong năm đó, có thể lập thành 01-02 đợt trong năm (các gói thầu tư vấn khảo sát thiết kế lập dự toán sẽ được triển khai trước làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu thi công và giám sát). KHLCNT bao gồm các nội dung theo như mẫu KHLCNT tại Phụ lục 9.1.

Trình tự xây dựng và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu chi tiết được thực hiện theo bảng dưới đây:

Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1: Chuẩn bị kế hoạch lựa chọn nhà thầu		
- Xây dựng KHLCNT cho phần nhiệm vụ của trung ương, báo cáo Tổng cục QLDD.	BQLDA cấp trung ương.	Sau khi có Quyết định giao vốn đầu tư
- Xây dựng KHLCNT cho phần nhiệm vụ của tỉnh, báo cáo Sở TNMT.	BQLDA cấp tỉnh.	Sau khi có Quyết định giao vốn đầu tư
Bước 2: Hoàn thiện dự thảo KHLCNT và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt		
- BQLDA cấp trung ương trình Tổng cục QLDD để Tổng cục trình Bộ TNMT phê duyệt.	BQLDA cấp trung ương; Tổng cục QLDD; Bộ TNMT.	Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi có Quyết định giao vốn đầu tư
- BQLDA cấp tỉnh trình Sở TNMT để Sở trình UBND tỉnh phê duyệt.	BQLDA cấp tỉnh; Sở TNMT; UBND tỉnh.	Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi có Quyết định giao vốn đầu tư
Bước 3: Nhập dữ liệu vào hệ thống STEP (đối với các hoạt động đấu thầu có sử dụng nguồn vốn IDA)		
- BQLDA cấp trung ương nhập KHLCNT phần nhiệm vụ của trung ương.	BQLDA cấp trung ương	
- BQLDA cấp tỉnh nhập KHLCNT phần nhiệm vụ của tỉnh.	BQLDA cấp tỉnh	

b) Việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu được thực hiện trong các trường hợp sau: (i) Trường hợp cần điều chỉnh một số nội dung thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt thì chỉ lập, trình duyệt, thẩm định, phê duyệt cho nội dung điều chỉnh này mà không phải lập, trình duyệt, thẩm định, phê duyệt lại cho nội dung khác đã được phê duyệt trước đó. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh phải được đăng tải trước ngày có thời điểm đóng thầu, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 8 Điều 117 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; (ii) Đối với phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, khi đủ điều kiện để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì chỉ lập, trình duyệt, thẩm định, phê duyệt cho phần công việc này mà không phải lập, trình duyệt, thẩm định, phê duyệt lại cho phần công việc khác đã được phê duyệt trước đó.

Quy trình điều chỉnh, bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo trình tự như tại Mục a trên đây.

9.3.3. Phương thức đấu thầu

9.3.3.1. Đối với hàng hóa

- Phạm vi đấu thầu: quốc tế/trong nước.

- Phương thức đấu thầu:

+ Yêu cầu nộp Hồ sơ dự thầu cạnh tranh (RFB) quốc tế: thực hiện tại BQLDA cấp Trung ương (sử dụng các tài liệu đấu thầu mẫu của NHTG).

+ Yêu cầu nộp Hồ sơ dự thầu cạnh tranh (RFB) trong nước: thực hiện tại BQLDA cấp Trung ương (sử dụng mẫu hài hòa dành cho các gói thầu mua sắm hàng hóa theo phương thức đấu thầu cạnh tranh trong nước).

+ Yêu cầu nộp Hồ sơ chào giá (RFQ): thực hiện tại BQLDA cấp Trung ương và các BQLDA cấp tỉnh phụ thuộc vào giá trị gói thầu (sử dụng mẫu Yêu cầu nộp Hồ sơ chào giá được NHTG chấp nhận).

+ Chỉ định thầu (DS): chỉ có thể áp dụng trong trường hợp ngoại lệ có giải trình lý do được NHTG chấp nhận.

9.3.3.2. Đối với DVKT

Áp dụng phương thức Yêu cầu nộp Hồ sơ dự thầu và Yêu cầu nộp Hồ sơ chào giá tùy theo giá trị gói thầu nhưng chỉ hướng đến thị trường trong nước. Sử dụng mẫu hồ sơ mời thầu cho thị trường trong nước đối với gói thầu DVKT thực hiện tại các BQLDA cấp tỉnh (sử dụng tài liệu đấu thầu mẫu được NHTG chấp nhận). Phương thức Chỉ định thầu có thể được áp dụng chỉ trong trường hợp ngoại lệ có giải trình lý do được NHTG chấp nhận.

Phương thức đặc biệt Force-Account của NHTG được thực hiện tại các địa phương đối với một số hạng mục công việc đặc thù trong việc số hóa dữ liệu đất đai. Theo phương thức đặc biệt này, Sở TNMT (đơn vị mời thầu) được phép giao cho Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc (LRO) tự thực hiện một số hạng mục công việc đặc thù. Các hạng mục công việc này phải được xác định trước theo thiết kế kỹ thuật dự toán được phê duyệt theo định mức Nhà nước và phải được thể hiện trong Hợp đồng thỏa thuận giao việc (Mẫu hợp đồng giao việc theo Phụ đính 9.3.12) được NHTG chấp thuận.

Phạm vi thỏa thuận Force Account nên tương ứng với phạm vi của hợp đồng dịch vụ kỹ thuật để thuận tiện cho PPMU trong việc quản lý cả hai hợp đồng (Force Account và dịch vụ kỹ thuật) và các mối quan hệ tương hỗ giữa hai hợp đồng.

Đối với các gói thầu dịch vụ kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai áp dụng như sau:

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Có thể qua mạng hoặc không qua mạng.
- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

9.3.3.3. Đối với dịch vụ tư vấn

Các phương thức đấu thầu áp dụng: QCBS, CQS, LCS, IC.

Tuyển chọn tư vấn dựa trên cơ sở chất lượng và chi phí (QCBS): áp dụng tuyển chọn tư vấn ở BQLDA cấp Trung ương (sử dụng Hồ sơ mời nộp đề xuất mẫu của NHTG).

Tuyển chọn tư vấn dựa trên năng lực công ty tư vấn (CQS), Tuyển chọn tư vấn

dựa trên chi phí thấp nhất (LCS): áp dụng tuyển chọn tư vấn ở BQLDA cấp Trung ương (áp dụng mẫu Hồ sơ mời nộp đề xuất mẫu của NHTG).

Phương thức LCS có thể được áp dụng để tuyển chọn đơn vị kiểm toán tài chính độc lập nếu cần thiết.

Tuyển chọn tư vấn cá nhân (ICS): áp dụng tuyển chọn tư vấn cá nhân ở BQLDA cấp Trung ương và BQLDA cấp tỉnh. Áp dụng đối với các nhiệm vụ không cần thuê đơn vị tư vấn và trên thị trường sẵn có các tư vấn cá nhân có đủ kinh nghiệm và năng lực.

Tuyển chọn dựa trên nguồn duy nhất (SSS): chỉ áp dụng cho trường hợp ngoại lệ có giải trình lý do được NHTG chấp nhận.

- Sao kê chi tiêu (SOEs): được áp dụng đối với tổ chức hội nghị, hội thảo, khóa đào tạo và các chi phí khác liên quan đến hoạt động của văn phòng dự án. Các chương trình đào tạo cần được lập kế hoạch rõ ràng và được NHTG xem xét về mục tiêu, tiêu chí thực hiện, địa điểm và/hoặc các đơn vị được lựa chọn thực hiện đào tạo, thời gian đào tạo và chi phí.

Phần lớn các dịch vụ tư vấn được thực hiện tại BQLDA cấp Trung ương. BQLDA cấp tỉnh chỉ thuê tuyển kế toán theo phương thức tuyển chọn tư vấn cá nhân.

9.3.3.4. Phương thức thực hiện lựa chọn nhà thầu và thực hiện hợp đồng

Bảng dưới đây sẽ nêu các phương án thực hiện lựa chọn nhà thầu và thực hiện hợp đồng sau khi đã phân tích thị trường và đánh giá rủi ro trong đấu thầu.

Bảng 1: Phương thức thực hiện lựa chọn nhà thầu và thực hiện hợp đồng

Đặc điểm của hợp đồng	Cách thức thực hiện	Ghi chú
Tiếp cận thị trường	<ul style="list-style-type: none"> Trong nước Quốc tế 	<ul style="list-style-type: none"> - Trong nước: áp dụng đối với các gói thầu DVKT; các gói thầu mua sắm hàng hóa ở Trung ương và địa phương với giá trị ≤ 3 triệu USD; các gói thầu mua sắm hàng hóa ở cấp tỉnh có thể được thực hiện theo phương thức thỏa thuận khung; thuê tuyển tư vấn trong nước (công ty và cá nhân); - Quốc tế: áp dụng đối với các hàng hóa mua sắm tập trung tại trung ương với giá trị mỗi hợp đồng trên 3 triệu USD; và áp dụng đối với thuê tuyển tư vấn quốc tế (công ty và cá nhân).
Phương thức lựa chọn	<ul style="list-style-type: none"> Yêu cầu nộp Hồ sơ dự thầu (RFB) Yêu cầu nộp Hồ sơ chào giá (RFQ) Force-Account (có thể gọi là Tự thực hiện) Thỏa thuận khung (FA) Tuyển chọn tư vấn dựa trên cơ sở chất 	<ul style="list-style-type: none"> - RFB: áp dụng đối với mua sắm hàng hóa và DVKT có giá trị ≥ 100.000 USD; - RFQ: áp dụng đối với mua sắm hàng hóa và DVKT có giá trị < 100.000 USD; - FA: áp dụng cho các hàng hóa đã được phân cấp mua sắm ở địa phương (thiết bị ngoại vi cho VPĐK đất đai); - QCBS, FBS, QBS, LCS: áp dụng đối với tuyển chọn công ty tư vấn với dự toán ≥ 300.000 USD; - CQS: áp dụng đối với tuyển chọn công ty tư

Đặc điểm của hợp đồng	Cách thức thực hiện	Ghi chú
	<p>lượng và chi phí/tuyển chọn dựa trên năng lực của tư vấn (QCBS/CQS)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các hình thức tuyển chọn khác: Tuyển chọn tư vấn dựa trên cơ sở chất lượng (QBS), tuyển chọn tư vấn theo ngân sách cố định (FBS), tuyển chọn tư vấn với chi phí thấp nhất (LCS) • Tư vấn cá nhân (IC) • Chỉ định thầu (DS)/Lựa chọn từ 1 nguồn duy nhất (SSS) 	<p>vấn với dự toán < 300.000 USD;</p> <ul style="list-style-type: none"> - IC: áp dụng đối với tuyển chọn tư vấn cá nhân. - DS & SSS: chỉ có thể áp dụng trong trường hợp ngoại lệ có giải trình được NHTG chấp thuận.
Năng lực	<ul style="list-style-type: none"> • Xem xét sau 	<p>Không có gói thầu có giá trị lớn và phức tạp cần phải sơ tuyển về năng lực trước.</p>
Mẫu hồ sơ mời thầu	<ul style="list-style-type: none"> • Mẫu HSMT mua sắm hàng hóa • Mẫu HSMT DVKT • Mẫu hồ sơ mời nộp đề xuất đối với QCBS, LCS và CQS • Mẫu HSMT theo phương thức Thỏa thuận khung 	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng mẫu HSMT hài hòa đối với các gói thầu xây lắp để xây dựng mẫu HSMT cho các gói thầu DVKT của dự án phù hợp với phương thức Hồ sơ mời thầu trong nước. Mẫu Thỏa thuận giao việc được NHTG chấp thuận cho các hạng mục công việc đặc thù trong việc số hóa dữ liệu đất đai.
Túi hồ sơ/giai đoạn đấu thầu	<ul style="list-style-type: none"> • Một túi hồ sơ và một giai đoạn đối với mua sắm hàng hóa và các gói thầu DVKT. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đấu thầu mua sắm hàng hóa và DVKT yêu cầu nộp đồng thời đề xuất về giá và kỹ thuật trong một túi hồ sơ vào 1 giai đoạn. - Đối với tuyển chọn tư vấn, áp dụng các quy trình theo từng phương thức QCBS, CQS, LCS, IC.
Điều khoản đặc biệt của hợp đồng	<ul style="list-style-type: none"> • Hợp đồng dựa trên kết quả thực hiện 	<p>Đối với các gói thầu DVKT, việc thanh toán sẽ được chủ đầu tư trả cho nhà thầu căn cứ vào kết quả thực hiện được xác nhận bởi chủ đầu tư, thay cho việc thanh toán thông thường dựa trên đầu vào của nhà thầu.</p>
Phương thức định giá/dự toán	<ul style="list-style-type: none"> • Trọn gói/theo đơn giá cố định • Thanh toán theo tiến độ • Áp dụng định mức 	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn giá cố định áp dụng đối với các gói thầu DVKT. - Thanh toán theo kết quả hoàn thành đầu ra cho các gói thầu DVKT và Force-Account - Trọn gói và/hoặc thanh toán theo tiến độ

Đặc điểm của hợp đồng	Cách thức thực hiện	Ghi chú
	Nhà nước cho các bước công việc đặc thù trong gói thầu Force-Account	(theo thời gian) áp dụng đối với dịch vụ tư vấn (công ty/cá nhân).
Yêu cầu về tính bền vững	<ul style="list-style-type: none"> Bộ TN&MT và Tổng cục QLĐĐ cam kết đảm bảo bố trí ngân sách để thuê cơ sở hạ tầng CNTT sau khi dự án kết thúc để duy trì và vận hành hệ thống MPLIS 	<ul style="list-style-type: none"> Trong thời gian 5 năm vòng đời của dự án, nguồn vốn IDA sẽ được sử dụng để thuê thiết bị CNTT bao gồm cả máy chủ và đường truyền. Sau khi kết thúc dự án, Chính phủ sẽ đảm bảo bố trí ngân sách để duy trì và vận hành hệ thống MPLIS.
Giá	<ul style="list-style-type: none"> Giá cố định/điều chỉnh 	Thời hạn thực hiện của mỗi hợp đồng DVKT là 18 tháng, trong khoảng thời gian này mọi đơn giá trong hợp đồng là cố định.
Đàm phán	<ul style="list-style-type: none"> Không đàm phán 	Không yêu cầu
Tư vấn giá trị	<ul style="list-style-type: none"> Không 	Không áp dụng
Phương pháp đánh giá HSDT hoặc HSDX	<ul style="list-style-type: none"> Xác định Giá đánh giá thấp nhất. Kết hợp giá và chất lượng. 	<ul style="list-style-type: none"> Đối với đấu thầu hàng hóa và DVKT, phương pháp đánh giá là xác định giá đánh giá thấp nhất. Đối với lựa chọn tư vấn, theo phương pháp đánh giá kết hợp giá và chất lượng hoặc giá thấp nhất.
Quản lý hợp đồng	<ul style="list-style-type: none"> Áp dụng hợp đồng dựa trên kết quả thực hiện đối với các gói thầu DVKT; Hợp đồng trọn gói cho Hàng hóa; Hợp đồng trọn gói hoặc theo thời gian tùy theo loại hình Dịch vụ tư vấn. 	Thanh toán trên cơ sở kết quả thực hiện theo đơn giá đối với các dịch vụ đã hoàn thành về tích hợp CSDL đất đai đối với từng thửa đất tại các huyện ở từng tỉnh cụ thể.
Biện pháp chủ yếu để quản lý hợp đồng thành công		<p>Cán bộ đấu thầu:</p> <ol style="list-style-type: none"> (1) Lưu giữ một bản sao của các tài liệu hợp đồng như hợp đồng, bảo đảm thực hiện hợp đồng, tiến độ thanh toán, các hóa đơn thanh toán, phụ lục hợp đồng. (2) Xác định và phân tích rủi ro, chuẩn bị và đề xuất các biện pháp để giảm thiểu những rủi ro tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến việc hoàn thành các hợp đồng. (3) Giám sát/quản lý hợp đồng trong quá trình thực hiện hợp đồng, chẳng hạn như hiệu lực của hợp đồng, phù hợp với các điều khoản của văn bản hợp đồng và hợp đồng sửa đổi. (4) Theo dõi tiến độ của hợp đồng theo tiến độ đã cam kết.

Đặc điểm của hợp đồng	Cách thức thực hiện	Ghi chú
		(5) Báo cáo giám sát của tư vấn giám sát (nếu có) và thẩm định, thanh lý hợp đồng.

9.3.4. Phân loại và hình thức hợp đồng

9.3.4.1. Phân loại hợp đồng

Trong phạm vi dự án, có các loại hợp đồng như sau:

- Hợp đồng DVKT dựa trên kết quả đầu ra.
- Hợp đồng mua sắm hàng hóa.
- Hợp đồng dịch vụ tư vấn trọn gói hoặc theo thời gian (tùy theo loại hình tư vấn).
- Hợp đồng cung cấp và lắp đặt Hệ thống CNTT.
- Hợp đồng thỏa thuận giao việc theo phương pháp Force-Account – thanh toán dựa theo sản phẩm đầu ra

9.3.4.2. Hình thức hợp đồng

- Hợp đồng trọn gói: áp dụng đối với các hợp đồng mua sắm hàng hóa, một số loại hình dịch vụ tư vấn, CNTT.

- Hợp đồng theo kết quả thực hiện: áp dụng với các hợp đồng DVKT xây dựng CSDL dựa trên kết quả đầu ra nhân với đơn giá trúng thầu.

- Hợp đồng theo thời gian: áp dụng đối với một số loại hình dịch vụ tư vấn (như tư vấn cá nhân, kiểm toán, ...).

9.3.5. Ngưỡng áp dụng các phương thức đấu thầu

Các phương thức đấu thầu cụ thể, ngưỡng áp dụng các phương thức đấu thầu cùng với ngưỡng xét duyệt trước của NHTG sử dụng cho dự án sẽ được nêu cụ thể trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu cập nhật hàng năm. Ngưỡng áp dụng cho năm đầu tiên thực hiện Dự án sẽ áp dụng theo bảng dưới đây. Trong thời gian thực hiện dự án, các ngưỡng này có thể thay đổi khi có thông báo chính thức của NHTG trong thời gian thích hợp để đảm bảo không có bất kỳ sự gián đoạn nào trong quá trình thực hiện.

Biểu 2: Ngưỡng áp dụng các phương thức đấu thầu

Phương thức	Ngưỡng áp dụng		Ngưỡng xét duyệt trước	
	Ngưỡng (USD)	Ghi chú	Ngưỡng (USD)	Ghi chú
DVKT và dịch vụ phi tư vấn (thuê dịch vụ)				
Yêu cầu nộp Hồ sơ dự thầu cạnh tranh (RFB) trong nước	Thông thường ≤ 3 triệu USD và ≥ 100.000 USD.	Áp dụng cho tất cả các hợp đồng DVKT. Nếu mời thầu theo lô gói thì sẽ tính giá trị tổng của cả gói gồm nhiều lô.	Tất cả các hợp đồng thuê thiết bị ở cấp trung ương có giá trị ≥ 2 triệu USD.	Theo phân tích Chỉ số rủi ro trong đấu thầu được tiến hành hàng năm dựa trên kết quả đánh giá thực hiện của năm trước, ngưỡng xét duyệt trước của NHTG có thể thay đổi hàng năm theo Chỉ số rủi ro (risk-based approach).
Yêu cầu nộp Hồ sơ chào giá (RFQ)	< 100.000 USD		Không xét duyệt trước.	

Phương thức	Ngưỡng áp dụng		Ngưỡng xét duyệt trước	
	Ngưỡng (USD)	Ghi chú	Ngưỡng (USD)	Ghi chú
Force-Account		Mỗi gói Force-Account sẽ tương ứng với 1 gói (hoặc Lô) DVKT trong phạm vi tương ứng	Xét duyệt trước đối với gói thầu $\geq 0,5$ triệu USD.	Giá trị của các bước công việc đặc thù được giao không vượt quá 30% giá trị DVKT trong phạm vi tương ứng
Hàng hóa				
Yêu cầu nộp Hồ sơ dự thầu cạnh tranh (RFB) quốc tế	> 3 triệu USD	Nếu mời thầu theo lô gói thì sẽ tính giá trị tổng của cả gói gồm nhiều lô	Tất cả các hợp đồng (nếu có).	
Yêu cầu nộp Hồ sơ dự thầu cạnh tranh (RFB) trong nước	≤ 3 triệu USD & $\geq 100,000$ USD	Đối với các hàng hóa không có sẵn ở Việt Nam, đấu thầu quốc tế có thể được sử dụng ngay cả khi giá trị hợp đồng nhỏ hơn 3 triệu USD.	- Các hợp đồng có giá trị ≥ 2 triệu USD	Theo phân tích Chỉ số rủi ro trong đấu thầu được tiến hành hàng năm dựa trên kết quả đánh giá thực hiện của năm trước, Ngưỡng xét duyệt trước của NHTG có thể thay đổi hàng năm theo Chỉ số rủi ro (risk-based approach)
Yêu cầu nộp Hồ sơ chào giá (RFQ)	< 100.000 USD		Không xét duyệt trước	
Dịch vụ tư vấn				
QCBS, QBS, FBS, LCS Áp dụng phạm vi trong nước hay quốc tế cho phù hợp nhất	> 300.000 USD		Hợp đồng với Công ty tư vấn có giá trị ≥ 500.000 USD	Theo phân tích Chỉ số rủi ro trong đấu thầu được tiến hành hàng năm dựa trên kết quả đánh giá thực hiện của năm trước, Ngưỡng xét duyệt trước của NHTG có thể thay đổi theo đánh giá hàng năm về Chỉ số rủi ro (risk-based approach)
CQS Áp dụng phạm vi trong nước hay quốc tế cho phù hợp nhất	≤ 300.000 USD	Phương thức (QCBS, QBS, FBS, LCS) có thể được áp dụng đối với các hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 300.000 USD	Không áp dụng.	
Tư vấn cá nhân (IC) Áp dụng phạm vi trong nước hay quốc tế cho phù hợp nhất	Không quy định, phụ thuộc vào tính chất của dịch vụ.		Tư vấn cá nhân có giá trị ≥ 200.000 USD.	Các vị trí tư vấn cá nhân thuộc diện xét duyệt trước phải nêu cụ thể trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu được NHTG chấp thuận. Ngưỡng xét duyệt trước của NHTG có thể thay đổi theo đánh giá hàng năm về Chỉ số rủi ro (risk-based approach)

9.3.6. Cơ chế và phương thức đấu thầu áp dụng cho dự án

Cơ chế và phương thức đấu thầu các gói thầu hàng hóa, xây lắp, dịch vụ phi tư vấn và dịch vụ tư vấn tuân thủ theo Quy định về đấu thầu của NHTG dành cho Bên vay.

Ngoài ra, trong phạm vi dự án VILG, một số quy định cụ thể về đấu thầu đã được NHTG chấp thuận trong Tài liệu thẩm định dự án và Chiến lược đấu thầu áp dụng cho Dự án như sau:

9.3.6.1. Cơ chế hợp đồng áp dụng cho các gói thầu DVKT

Các gói thầu DVKT xây dựng CSDL sẽ được đấu thầu theo phương thức như sau:

(1) Áp dụng phương thức Yêu cầu nộp Hồ sơ dự thầu rộng rãi trong nước nhằm mở rộng cơ hội cho các doanh nghiệp tư nhân và các doanh nghiệp nhà nước có tư cách hợp lệ tham gia đấu thầu cạnh tranh. Khoản 3.23b Phần III của Quy định về đấu thầu của NHTG quy định về tư cách hợp lệ cho phép các đơn vị nhà nước có tư cách hợp lệ sẽ tham gia đấu thầu cạnh tranh rộng rãi với các doanh nghiệp tư nhân để thực hiện các hợp đồng DVKT về xây dựng CSDL đất đai. Chỉ áp dụng đối với các Doanh nghiệp nhà nước (DNNN) hay đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) đáp ứng hoàn toàn các tiêu chí về tư cách hợp lệ được nêu trong điều 3.23b Phần III của Quy định về đấu thầu của NHTG.

(2) Các ĐVSN - các đơn vị nhà nước trực tiếp thuộc Sở TNMT (cụ thể là Văn phòng đăng ký đất đai) được phép ký hợp đồng trực tiếp đối với các công việc được xác định chỉ được thực hiện bởi chính đơn vị đó thông qua phương thức Thỏa thuận Force Account. Quy định về đấu thầu cho phép các ĐVSN này được giao nhiệm vụ để thực hiện các công việc được tính theo đơn giá quy định trong gói thầu DVKT xây dựng CSDL đất đai bao gồm: đăng ký đất đai; các bước công việc trong xây dựng CSDL đất đai (chuẩn bị; thu thập tài liệu; rà soát, đánh giá và phân loại tài liệu).

Đối với các gói thầu DVKT có thể áp dụng phương thức Yêu cầu nộp Hồ sơ dự thầu cạnh tranh trong nước theo hình thức lô - gói, có nghĩa là một gói thầu với nhiều hợp phần độc lập, mỗi hợp phần tối thiểu là một huyện.

Giải pháp quản lý hợp đồng: Đối với mỗi hạng mục xây dựng CSDL đất đai trên một địa bàn cụ thể sẽ được thực hiện thông qua 03 (ba) hợp đồng khác nhau: (i) hợp đồng ký kết giữa chủ đầu tư và nhà thầu thắng thầu dựa trên kết quả lựa chọn nhà thầu; (ii) Thỏa thuận Force Account ký kết giữa chủ đầu tư và Văn phòng đăng ký đất đai tại địa bàn thực hiện; và (iii) hợp đồng giám sát, kiểm tra, nghiệm thu xây dựng CSDL đất đai được ký kết giữa chủ đầu tư và nhà thầu thắng thầu dựa trên kết quả lựa chọn nhà thầu (nội dung công việc cho từng nhà thầu được chỉ rõ tại các Mục: 3.2.2.2; 3.2.2.3; 3.2.2.4).

9.3.6.2. Cơ chế thanh toán đối với các gói thầu DVKT

Việc thanh toán hợp đồng: chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán trực tiếp cho từng nhà thầu đã hoàn thành về tích hợp CSDL đất đai (theo kết quả đầu ra) của hạng mục xây dựng CSDL đất đai và theo đơn giá của hợp đồng.

9.3.6.3. Phương thức đấu thầu đối với gói thầu thuê dịch vụ CNTT

Áp dụng phương thức Yêu cầu nộp Hồ sơ dự thầu cạnh tranh trong nước đối với các gói thầu lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ thương mại cho thuê cơ sở hạ tầng

CNTT (đối với thuê máy chủ CSDL, thuê đặt chỗ và thuê đường truyền) theo hình thức lô - gói, có nghĩa là một gói thầu với 2 hợp phần độc lập, một hợp phần về “Thuê máy chủ tầng ứng dụng và tầng dịch vụ, thuê đặt chỗ cho máy chủ tầng dữ liệu và dịch vụ quản trị trung tâm dữ liệu” và hợp phần còn lại là “Thuê đường truyền dữ liệu cho hệ thống MPLIS”. Đối với gói thầu thuê cơ sở hạ tầng CNTT, Bộ TN&MT đề nghị sử dụng vốn IDA để thực hiện gói thầu này trong suốt thời gian thực hiện dự án. Sau khi dự án kết thúc, Chính phủ Việt Nam cam kết sẽ bố trí vốn để duy trì và vận hành hệ thống CSDL thông tin đất đai quốc gia.

9.3.6.4. Phương thức đấu thầu theo Thỏa thuận khung

Phương thức đấu thầu theo thỏa thuận khung được áp dụng đối với gói thầu mua sắm thiết bị ngoại vi cho các VPĐK và gói thầu máy tính, máy in cho cấp xã được thực hiện theo hướng dẫn tại Mục 6.57 và Mục 6.58 của Quy định về đấu thầu của NHTG phiên bản tháng 7 năm 2016. Quy trình tổ chức lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ đính 9.3.11.

- BQLDA cấp Trung ương tổng hợp nhu cầu mua sắm, tổ chức lựa chọn nhà thầu, ký thỏa thuận khung với một hoặc một số nhà cung cấp (với các tiêu chí kỹ thuật đồng bộ, phí, mức giá hoặc cơ chế định giá, ước tính tổng khối lượng, thời gian và địa điểm thực hiện hợp đồng...). Các nhà thầu được lựa chọn trong Thỏa thuận không được bảo đảm chắc chắn rằng sẽ được trao hợp đồng cũng như không có bất kỳ cam kết nào liên quan đến khối lượng hàng hóa sẽ được thực hiện; Thỏa thuận khung có thời hạn tối đa là 3 năm, trường hợp gia hạn thì không quá 2 năm với điều kiện là việc thực hiện các hợp đồng trong Thỏa thuận khung được đánh giá là đáp ứng yêu cầu.

- Trên cơ sở Thỏa thuận khung, BQLDA cấp tỉnh sẽ thực hiện các nội dung công việc sau:

+ Tổ chức mời thầu theo một trong các phương thức đấu thầu cạnh tranh phù hợp (Yêu cầu nộp hồ sơ dự thầu, Yêu cầu nộp hồ sơ chào giá, lựa chọn trực tiếp) giữa các nhà thầu đã được lựa chọn trong giai đoạn trước và được nêu trong Thỏa thuận khung.

+ Ký hợp đồng với nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất dựa trên giá chào và điều kiện giao hàng của các nhà thầu. Trường hợp ký kết với nhà thầu khác không thuộc các nhà thầu đã được lựa chọn trong Thỏa thuận khung thì không được thanh toán hợp đồng. BQLDA cấp tỉnh không cần quảng cáo rộng rãi cho từng hợp đồng đặt hàng cụ thể tại địa phương.

- Hợp đồng đặt hàng

Đối với mỗi gói thầu trong Thỏa thuận khung, một công ty phải được tuyển chọn từ nhóm trong Thỏa thuận khung, sử dụng quy trình đấu thầu thứ cấp hoặc một trong các quy trình được mô tả trong Thỏa thuận khung.

Đấu thầu thứ cấp cho quy trình đặt hàng phải lựa chọn một hoặc cả hai hình thức sau:

a) Cạnh tranh nhỏ dựa trên các tiêu chí mục tiêu để đặt hàng được mô tả trong Thỏa thuận khung như:

- Yêu cầu nộp hồ sơ chào giá cạnh tranh (RFQ - từ một số hoặc tất cả các thành

viên trong nhóm) dựa trên chi phí được đánh giá thấp nhất;

- Yêu cầu nộp hồ sơ dự thầu cạnh tranh (RFB - từ một số hoặc tất cả các thành viên trong nhóm), dựa trên chuyên môn, các giải pháp được đề xuất và giá trị đồng tiền đầu tư; và/hoặc

b) Lựa chọn trực tiếp dựa trên các tiêu chí mục tiêu để đặt hàng đã được mô tả trong thỏa thuận khung, như:

- Vị trí khi các hợp đồng đặt hàng được trao cho công ty có khả năng thực hiện tốt nhất dựa trên vị trí của họ và vị trí mà hàng hóa, xây lắp, dịch vụ phi tư vấn và dịch vụ tư vấn sẽ được thực hiện.

- Phân chia cân bằng cung ứng/phạm vi/nhiệm vụ khi giới hạn giá trị tối đa là cố định và các hợp đồng đặt hàng được trao lần lượt trên cơ sở quay vòng khi một công ty đã đạt tới giới hạn giá trị tối đa;

Là một phần trong quy trình đặt hàng, các công ty phải nhận được một bản mô tả phạm vi cung ứng/nhiệm vụ mà họ sẽ thực hiện theo dự kiến. Yêu cầu công việc hoặc đơn đặt hàng được phát hành trong quy trình đặt hàng phải xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, sản phẩm, khung thời gian và giá hoặc cơ chế giá. Giá cho từng hợp đồng đặt hàng sẽ dựa trên các loại phí, mức giá hoặc cơ chế định giá trong Thỏa thuận khung.

- Trường hợp các BQLDA cấp tỉnh không lựa chọn được nhà thầu theo thỏa thuận khung thì báo cáo BQLDA TW để được hướng dẫn, giải quyết.

9.4. Tổ chức lựa chọn nhà thầu

- Quy trình thực hiện các phương thức đấu thầu được nêu cụ thể tại Phụ lục 9.3 (từ Phụ đính 9.3.1 đến Phụ đính 9.3.11);

- Thỏa thuận Force Account giữa chủ đầu tư và Văn phòng đăng ký đất đai chi tiết tại Phụ đính 9.3.12;

- Mẫu Điều khoản tham chiếu Tư vấn Giám sát, kiểm tra, nghiệm thu xây dựng CSDL đất đai chi tiết tại Phụ đính 9.3.13;

- Mẫu Hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ kỹ thuật sẽ được CPMU hướng dẫn sau khi có thư không phản đối của NHTG.

Ghi chú: - Ngày trong các bảng được hiểu là ngày làm việc.

- Tất cả các TOR gói thầu dịch vụ tư vấn đều phải xin ý kiến NHTG.

9.5. Quản lý hợp đồng

Quản lý hợp đồng bao gồm việc theo dõi thường xuyên, giám sát tất cả các hoạt động và trách nhiệm của nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng, bao gồm các điều khoản và điều kiện của hợp đồng như khối lượng, chất lượng, thời gian, tiến độ thực hiện và thanh toán. Mục tiêu của công tác này nhằm đảm bảo hợp đồng được thực hiện một cách tốt nhất với đầy đủ trách nhiệm của các bên. Quản lý hợp đồng là yếu tố quan trọng trong quá trình đấu thầu nhằm đảm bảo giá trị nguồn vốn đầu tư sẽ đạt hiệu quả trong khi thực hiện hợp đồng.

9.5.1. Nguyên tắc và nội dung quản lý hợp đồng

a) Các nguyên tắc quản lý hợp đồng gồm:

- Quản lý hợp đồng cần phải tuân thủ Quy định về đấu thầu của NHTG.
- Các BQLDA chịu trách nhiệm đối với bất cứ thiệt hại nào gây ra bởi việc quản lý hợp đồng không hiệu quả.
- Các BQLDA chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát chặt chẽ tiến độ thực hiện hợp đồng để đảm bảo nâng cao hiệu quả thực hiện hợp đồng.

b) Nội dung quản lý hợp đồng gồm:

- Độ trình bản sao các tài liệu hợp đồng như hợp đồng, bảo đảm thực hiện hợp đồng, tiến độ thanh toán, hóa đơn, phụ lục hợp đồng.
- Dự trù và phân tích các rủi ro, chuẩn bị và đề xuất các biện pháp để giảm thiểu rủi ro có thể ảnh hưởng tới việc hoàn thành hợp đồng.
- Giám sát/quản lý hợp đồng trong quá trình thực hiện hợp đồng, bao gồm hiệu lực của hợp đồng, việc tuân thủ các điều khoản của hợp đồng và phụ lục hợp đồng.
- Theo dõi tiến độ của hợp đồng dựa trên tiến độ cam kết.
- Tổng hợp, theo dõi báo cáo của tư vấn giám sát (nếu có) và quá trình nghiệm thu thanh lý hợp đồng.

9.5.2. Biểu mẫu báo cáo về quản lý hợp đồng

Các biểu mẫu về quản lý hợp đồng được áp dụng thống nhất trong toàn dự án theo *Phụ đính 9.2.1 - Phụ đính 9.2.4*).

9.5.4. Giám sát thực hiện

BQLDA có trách nhiệm giám sát thực hiện hợp đồng. Dựa trên các báo cáo về quản lý hợp đồng, BQLDA có quyết định hoặc hành động kịp thời để đảm bảo hiệu quả của việc quản lý hợp đồng.

Việc theo dõi hợp đồng nhằm đảm bảo thực hiện đúng với các điều khoản của hợp đồng được ký kết bao gồm:

- Số hợp đồng, giá trị, thời gian thực hiện hợp đồng, bảo đảm thực hiện hợp đồng, tạm ứng, bảo hành, bảo trì, bảo hiểm (nếu có).
- Tiến độ, bao gồm tiến độ bàn giao, thời gian hoàn thành hợp đồng và tiến độ thanh toán.
- Việc thực hiện thỏa thuận liên danh của các nhà thầu thành viên.
- Tiêu chuẩn kỹ thuật, số lượng, chất lượng được quy định trong hợp đồng.
- Việc huy động các nguồn lực của nhà thầu để thực hiện hợp đồng (nhân lực, thiết bị, dòng tiền).
- Kinh phí cho hợp đồng theo ngân sách được duyệt.

9.5.5. Điều chỉnh hợp đồng

Các hợp đồng đã ký có thể được điều chỉnh một số điều khoản nếu thực sự cần thiết trong những tình huống nhất định. Riêng về thay đổi giá, chỉ những hợp đồng có

thời gian thực hiện lớn hơn 18 tháng mà trong bản hợp đồng đã ký có điều khoản điều chỉnh giá mới được phép điều chỉnh giá. Việc điều chỉnh hợp đồng phải được thực hiện theo quy định của NHTG.

9.6. Hệ thống theo dõi trao đổi thông tin đấu thầu (STEP)

STEP là hệ thống theo dõi trao đổi thông tin đấu thầu chính thức giữa NHTG và Bên vay vốn thực hiện dự án. Các bên thực hiện dự án cùng cập nhật, chia sẻ và sử dụng một nguồn dữ liệu đấu thầu thống nhất được lưu giữ trên hệ thống. Hệ thống này được áp dụng bắt buộc trong khuôn khổ dự án VILGP đối với tất cả các gói thầu sử dụng toàn bộ hay một phần tiền của NHTG tài trợ.

9.6.1. Các tính năng của STEP

- Cập nhật thông tin đầu vào (kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hợp đồng và các thông tin, tài liệu trong quá trình thực hiện hợp đồng).

- Lập kế hoạch: Hệ thống hỗ trợ các bên thực hiện dự án lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và theo dõi quy trình thực hiện của từng hoạt động đấu thầu từ lúc lập kế hoạch đến khi kết thúc hợp đồng. Mọi trao đổi và cảnh báo được cập nhật thường xuyên trên hệ thống.

- Theo dõi vòng đời của từng hoạt động: lưu giữ thông tin hợp đồng và cập nhật tình hình thực hiện của các bên.

- Xác định rủi ro: xác định mức rủi ro của từng hoạt động và hỗ trợ hệ thống đánh giá rủi ro của dự án.

- Kiểm tra tính hợp lệ: kiểm tra tính hợp lệ của nhà thầu; giảm thiểu rủi ro khi thanh toán không hợp lệ.

- Lưu giữ thông tin đấu thầu: lưu giữ đầy đủ các thông tin liên quan đến các hoạt động đấu thầu theo từng giai đoạn thực hiện và dễ dàng sử dụng nhằm hỗ trợ phân tích thị trường cũng như phục vụ công tác theo dõi, báo cáo.

- Tăng cường tính minh bạch: tự động đăng thông tin và hỗ trợ công khai các thông tin liên quan đến thực hiện hợp đồng.

- Kết nối với các hệ thống khác: đảm bảo sự đồng bộ và liên kết với các hệ thống khác liên quan đến thông tin đấu thầu.

- Theo dõi và báo cáo: những thông tin được cập nhật và lưu giữ trên STEP được xử lý để hỗ trợ các bên theo dõi tiến độ thực hiện dự án và đưa ra các báo cáo phân tích theo yêu cầu.

9.6.2. Đăng ký sử dụng hệ thống STEP

Mỗi BQLDA sẽ đăng ký mở một tài khoản gửi tới NHTG gồm thông tin về BQLDA và thông tin người sử dụng để NHTG thực hiện các thủ tục mở tài khoản thông qua thông báo bằng email để người sử dụng hoàn tất các thủ tục đăng ký tài khoản, mật khẩu cho tài khoản. Trang STEP chính thức của NHTG tại địa chỉ: www.step.worldbank.org.

Sau khi đăng nhập vào hệ thống, người sử dụng điền các thông tin liên quan đến dự án và các hoạt động đấu thầu của dự án. Đối với BQLDA cấp Trung ương là

tổng số hoạt động của toàn bộ dự án, bao gồm cả các hoạt động của BQLDA các địa phương. Các thông tin liên quan đến dự án và các hoạt động đấu thầu của dự án sau khi đăng tải và được chấp thuận sẽ được tự động theo dõi và giám sát bởi hệ thống, những cảnh báo liên quan đến việc chậm thực hiện, quá hạn sẽ được hệ thống thông báo công khai.

9.6.3. Tổ chức đấu thầu trên hệ thống STEP

Quy trình thực hiện các gói thầu mua sắm hàng hóa, công trình, dịch vụ phi tư vấn và tư vấn thực hiện theo từng phương thức đấu thầu trình bày trong các phụ lục đính kèm, tuân thủ theo Quy định về đấu thầu của NHTG. Các bước thực hiện đấu thầu được thao tác trực tiếp trên hệ thống STEP. Các tài liệu liên quan đến đấu thầu sau khi gửi đi và đã được Ngân hàng xem xét trên hệ thống không thể thu hồi hoặc chỉnh sửa.

Các BQLDA có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các tài liệu và thông tin liên quan trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu để NHTG xem xét cấp thư không phản đối đối với các gói thầu thuộc diện xét duyệt trước, bao gồm các thông tin về dự thảo Hồ sơ mời thầu/Hồ sơ mời nộp đề xuất, Thông báo mời bày tỏ quan tâm (ROEI), Thông báo mời thầu, sửa đổi Hồ sơ mời thầu/Hồ sơ mời nộp đề xuất (nếu có), tài liệu về nộp hồ sơ dự thầu, mở thầu và biên bản đóng, mở thầu; Báo cáo đánh giá HSDT và đề xuất trao hợp đồng; Thông báo dự kiến trao hợp đồng; Ký hợp đồng; Sửa đổi hợp đồng (nếu có), Hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng.

Đối với các gói thầu thuộc diện xét duyệt sau, BQLDA thực hiện tương tự như các hoạt động đấu thầu thuộc diện xét duyệt trước, tuy nhiên BQLDA không phải gửi đến Ngân hàng để xem xét, phê duyệt. Toàn bộ các thông tin liên quan đến các gói thầu thuộc diện xét duyệt sau sẽ được NHTG xem xét sau.

Các cán bộ có liên quan sử dụng hệ thống STEP cần nắm vững các quy định về đấu thầu của NHTG và các hướng dẫn sử dụng hệ thống STEP. NHTG sẽ phối hợp với BQLDA cấp Trung ương tổ chức các hội nghị tập huấn, đào tạo về các nội dung này cho Giám đốc BQLDA (hoặc người được ủy quyền), cán bộ phụ trách đấu thầu, kế toán dự án để sử dụng các chức năng của hệ thống trong việc cung cấp thông tin đấu thầu, thực hiện các thủ tục đấu thầu theo đúng quy định của NHTG. Trong quá trình sử dụng, mọi vướng mắc và thắc mắc sẽ được các cán bộ của NHTG và BQLDA cấp Trung ương giải đáp kịp thời và thấu đáo để các hoạt động đấu thầu triển khai đúng thời hạn và đúng quy định của NHTG.

CHƯƠNG X. QUẢN TRỊ DỰ ÁN VÀ TĂNG CƯỜNG SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN

Dự án VILG được triển khai với mục tiêu xây dựng và triển khai MPLIS thống nhất trên cơ sở kiến trúc hệ thống, phần mềm quản lý hệ thống thống nhất trên toàn quốc và hoàn thiện CSDL đất đai quốc gia, phục vụ công tác quản lý đất đai, cung cấp dịch vụ công về đất đai và chia sẻ thông tin đất đai với các ngành có liên quan (thuế, công chứng, ngân hàng...), người dân, doanh nghiệp.

Hệ thống thông tin đất đai là nội dung mới được quy định trong Luật đất đai 2013, đồng thời, Dự án cũng sẽ triển khai cung cấp dịch vụ công về đất đai một cách hệ thống và trên phạm vi rộng. Do vậy, việc đảm bảo hiệu quả, sự minh bạch, trách nhiệm giải trình trong triển khai Dự án và việc huy động sự tham gia của người dân, giúp người dân hiểu về những lợi ích của Dự án mang lại cho họ cũng như giúp nâng cao quyền và nghĩa vụ của họ đối với những hoạt động, kết quả của Dự án là rất cần thiết.

Các hướng dẫn liên quan đến quản trị Dự án và sự tham gia của người dân được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành có liên quan của Chính phủ Việt Nam và NHTG.

Sau khi CSDL địa chính được xây dựng, bàn giao cho Văn phòng Đăng ký đất đai và đưa vào hệ thống để vận hành theo tiến độ gói thầu thì thông tin trong CSDL của thửa đất được cung cấp miễn phí cho người có quyền sử dụng thửa đất đó trong vòng 03 tháng thông qua Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc công chức địa chính ở xã, phường, thị trấn. Trường hợp phát hiện có sai sót so với GCN được cấp thì người sử dụng đất đề nghị chỉnh sửa các thông tin có sai sót, Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm phối hợp với nhà thầu xây dựng CSDL đất đai chỉnh sửa sai sót theo đúng quy định.

Nội dung của chương này gồm: (i) quy định trách nhiệm của các bên liên quan, đặc biệt là các BQLDA trong việc xây dựng và vận hành website của Dự án và một số kênh cung cấp thông tin để công khai các thông tin về quá trình chuẩn bị và thực hiện Dự án; (ii) các quy định liên quan đến khiếu nại, tố cáo, tranh chấp của người dân; (iii) các biện pháp nhằm tăng cường nhận thức của các bên có liên quan, nâng cao tính minh bạch và công khai trong triển khai Dự án và hiệu quả của công tác theo dõi, đánh giá Dự án.

10.1. Quản trị Dự án

10.1.1 Xây dựng và vận hành trang thông tin điện tử của Dự án

Trong quá trình triển khai, Dự án VILG có rất nhiều loại thông tin như thông tin chung của Dự án, thông tin về đấu thầu mua sắm, tiến độ thực hiện Dự án cấp Trung ương và địa phương, ... Do vậy, việc xây dựng và biên tập, cập nhật các thông tin, tài liệu trên website rất cần thiết để Dự án tăng cường công tác truyền thông, thực hiện tốt việc quản trị và tương tác với người dân, huy động sự tham gia và ủng hộ của người dân trong quá trình thực hiện Dự án.

Module cung cấp thông tin của Dự án sẽ được xây dựng trên nền website của Tổng cục QLDD, Sở TNMT và bao gồm các thông tin cơ bản sau:

1	Trang chủ	- Bao gồm các thông tin mới nhất được trích xuất từ các module, được sắp xếp thành các khối thông tin rõ ràng, giúp người xem có thể dễ dàng nắm bắt một cách tổng quát các hoạt động của Dự án.
2	Giới thiệu	- Giới thiệu sơ đồ tổ chức ban quản lý Dự án. - Giới thiệu Dự án VILG: Mục tiêu, các hợp phần của Dự án
3	Tin tức	- Tin tức được chia thành nhiều chủ đề liên quan đến các hoạt động của Dự án. - Mỗi tin bài bao gồm hình minh họa, nội dung tóm tắt, chi tiết, các hình ảnh mô tả trong bài, các định dạng media như video, flash, âm thanh ... - Các tin mới nổi bật. - Tin tiêu điểm. - Sự kiện qua ảnh - Theo dòng sự kiện
4	Tài liệu Dự án	- Các tài liệu pháp lý của Dự án - Các tài liệu trong quá trình triển khai Dự án: báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất - Các tài liệu kết quả Dự án - Báo cáo thực hiện kế hoạch DTTS - Báo cáo về thực hiện chính sách an toàn xã hội
5	Đấu thầu	- Công khai thông tin đấu thầu gồm tên gói thầu, nội dung, ngày mở thầu, ngày hết hạn, địa bàn triển khai. - Thông báo mời thầu; thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu.
6	Danh bạ	- Hiện thị danh bạ gồm địa chỉ, điện thoại liên hệ của BQLDA cấp Trung ương và cấp tỉnh, các Sở TNMT các tỉnh.
7	Kênh tiếp nhận và thông báo kết quả xử lý khiếu nại	- Tiếp nhận thông tin, khiếu nại liên quan đến việc triển khai Dự án - Công bố kết quả xử lý thông tin, khiếu nại liên quan đến việc triển khai Dự án
8	Diễn đàn trao đổi	- Tạo các chủ đề trao đổi, thảo luận giữa các BQLDA cấp Trung ương và cấp tỉnh.
9	Thống kê	- Hiện thị một số thông tin thống kê như số người đang truy cập, số người truy cập trong ngày.
10	Tìm kiếm	- Người sử dụng có thể tìm kiếm theo 2 dạng tìm kiếm nhanh và tìm kiếm đầy đủ, có thể tìm kiếm thông tin trên toàn site, hoặc tìm riêng trong từng mục. - Tối ưu hóa thuật toán tìm kiếm, giúp kết quả hiển thị nhanh chóng, giảm tải cho máy chủ.
11	Liên hệ	Thông tin liên hệ cần thiết

Trách nhiệm của BQLDA cấp Trung ương và BQLDA cấp tỉnh trong việc xây dựng và biên tập, cập nhật trên website.

- BQLDA cấp Trung ương chịu trách nhiệm xây dựng, biên tập, cập nhật và tổng hợp các thông tin từ các nguồn của toàn Dự án để đăng tải trên website của Tổng cục QLDD. BQLDA cấp Trung ương phân công nhiệm vụ cho Ủy viên của Ban QLDA phối hợp với bộ phận quản trị trang thông tin điện tử của Tổng cục QLDD để đăng tải, cập nhật.

- BQLDA cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời và chính xác các thông tin cho BQLDA cấp Trung ương. Đồng thời, chịu trách nhiệm xây dựng, biên tập, cập nhật và tổng hợp các thông tin từ nguồn của Dự án triển khai trên địa bàn tỉnh để đăng tải trên website của UBND tỉnh, Sở TNMT.

10.1.2. Các kênh trao đổi thông tin khác:

Thông tin về triển khai Dự án cũng sẽ được chia sẻ thông qua các cuộc họp với người dân, các nhóm DTTS trong khuôn khổ các hoạt động triển khai Kế hoạch phát triển DTTS tại các tỉnh.

Tại các cuộc họp tham vấn cộng đồng, các buổi tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng, các buổi họp với các nhóm DTTS trong khuôn khổ hoạt động triển khai kế hoạch phát triển DTTS cấp Trung ương và cấp tỉnh, BQLDA cấp Trung ương và các BQLDA cấp tỉnh sẽ trao đổi, cập nhật thông tin về triển khai Dự án tới những người tham gia họp, đồng thời có những phản hồi kịp thời đối với những thắc mắc của họ.

Hướng dẫn về cách thức thực hiện các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng được mô tả chi tiết tại Chương VI của Sổ tay này.

BQLDA cấp Trung ương và các BQLDA cấp tỉnh có trách nhiệm cử đầu mối tiếp nhận thông tin từ các bên có liên quan để chuyển đến cán bộ có thẩm quyền xử lý, sau đó chuyển lại thông tin phản hồi. Định kỳ hàng tháng, BQLDA cấp Trung ương và các BQLDA cấp tỉnh thống kê các thông tin trao đổi để báo cáo lãnh đạo BQLDA cấp Trung ương và các BQLDA cấp tỉnh.

10.1.3. Rủi ro trong thực hiện Dự án và các biện pháp giảm thiểu rủi ro:

- Về thể chế:

+ Việc nghiên cứu và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành không kịp thời các quy định về xây dựng, quản lý và khai thác MPLIS, CSDL đất đai, đặc biệt là các quy định liên quan chính sách phí, lệ phí sẽ làm ảnh hưởng đến việc triển khai các gói thầu chính của Dự án liên quan đến xây dựng MPLIS và CSDL đất đai; các gói thầu vận hành cơ chế cung cấp dịch vụ của các VPĐKĐĐ.

+ Các biện pháp khắc phục rủi ro về thể chế: Tổng cục QLDD, Bộ TNMT cần phải đi trước một bước trong việc xây dựng khung pháp lý phục vụ cho việc triển khai Dự án; đặc biệt là chủ động phối hợp với Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân các tỉnh để hoàn thiện các quy định liên quan đến phí và lệ phí khi thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực đất đai. Đây là một trong những điều kiện quan trọng để vận hành cơ chế cung cấp dịch vụ của các VPĐKĐĐ.

- Về kỹ thuật:

+ Sự không đồng bộ trong phát triển công nghệ thông tin giữa các cơ quan ở TW, giữa TW và các địa phương, giữa các địa phương với nhau sẽ làm hạn chế việc phát huy hiệu quả của một hệ thống quản lý đất đai hiện đại. Sự thiếu đồng bộ thể hiện ở khía cạnh đường truyền không đủ cho việc xây dựng mạng thông tin đất đai, các địa phương không muốn chia sẻ thông tin của mình với địa phương khác cũng như chia sẻ thông tin giữa các cơ quan trong cùng một cấp với nhau, thông tin đất đai không được cập nhật đầy đủ, mạng thông tin không được bảo trì thường xuyên. Hiện nay ở các địa phương việc xây dựng và vận hành CSDL đất đai có sự chênh lệch lớn và từ nhiều nguồn khác nhau nhưng hiện nay MPLIS chưa vận hành nên có thể gặp khó khăn khi chuyển đổi và tích hợp được dữ liệu ở quy mô lớn.

+ Việc thay đổi công nghệ sẽ gặp nhiều lực cản đặc biệt là đối với cấp huyện (ảnh hưởng từ bộ phận “một cửa” đến quá trình tác nghiệp và trả kết quả) sẽ gặp nhiều khó khăn do sẽ phải được đào tạo lại và thay đổi các thói quen tác nghiệp khi vận hành trên Website.

+ Việc cung cấp các thông tin đất đai của cá nhân có thể dẫn đến rò rỉ các thông tin tài sản cá nhân và các thông tin riêng tư. Do đó, vấn đề bảo mật thông tin phải được tổ chức thực hiện nghiêm túc để hạn chế các khiếu nại. Để giảm thiểu tình trạng này, đòi hỏi các VPĐKĐĐ phải tuân thủ nghiêm túc các quy định về vấn đề này.

+ Độ chính xác và độ tin cậy của thông tin đất đai, đặc biệt là liên quan đến chủ sử dụng đất, chủ sở hữu hiện tại của tài sản gắn liền với đất là hết sức quan trọng. Thông tin trong CSDL đất đai được cung cấp không chính xác và không có độ tin cậy có thể là nguyên nhân gây ra thiệt hại đối với người giao dịch và gây ra khiếu nại, tranh chấp.

- Các biện pháp khắc phục rủi ro về kỹ thuật:

+ Tăng cường đồng bộ hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, cơ chế chia sẻ thông tin giữa TW và địa phương và giữa các địa phương với nhau;

+ Bộ TNMT rà soát lại các thủ tục hiện hành về các giao dịch đất đai chính thức mà các đơn vị cấp tỉnh, huyện, xã tuân theo, bao gồm việc tiếp cận thông tin, xác định các vấn đề chủ yếu và những mâu thuẫn gây trở ngại các giao dịch. Các thủ tục cần được làm rõ hoặc chỉnh sửa, bổ sung để chuẩn hóa và sắp xếp hợp lý các quy trình hiện tại, giảm thiểu tối đa thời gian yêu cầu để hoàn thành giao dịch đất đai, và thiết lập một cơ chế chi phí minh bạch.

+ Hệ thống MPLIS sẽ được quản lý, theo dõi chặt chẽ để các vướng mắc trong quá trình xây dựng sẽ được giải quyết, nhằm đảm bảo hệ thống phải vận hành được. Các thủ tục và chuẩn dịch vụ sau khi được ban hành phải được phổ biến rõ ràng đến các cán bộ quản lý đất đai thông qua các hoạt động đào tạo, tập huấn và sau đó công bố công khai tới tất cả người sử dụng đất. Cần lưu ý đặc biệt tới việc kiểm tra về thời gian dự kiến để hoàn thành giao dịch.

+ Cập nhật đầy đủ, rà soát thường xuyên đảm bảo độ chính xác của các thông tin trong CSDL đất đai.

+ Tăng cường các biện pháp để đảm bảo an ninh, an toàn của hệ thống.

- Về nguồn kinh phí: Nguồn kinh phí dành cho công tác quản lý nhà nước về đất đai của các địa phương (đặc biệt là cập nhật thường xuyên CSDL về đất đai) có thể sẽ không đáp ứng được cho nhiệm vụ cập nhật thông tin thường xuyên vào MPLIS trong giai đoạn sau khi Dự án kết thúc.

- Các biện pháp khắc phục rủi ro về nguồn kinh phí:

+ Bổ sung kế hoạch kinh phí hàng năm nhiệm vụ chi cho công nghệ thông tin vào Mục lục ngân sách theo chỉ đạo của Chính phủ.

+ Hoàn thiện các quy định về phí và lệ phí trong việc khai thác và cung cấp dịch vụ đất đai để đảm bảo nguồn thu bền vững.

10.1.4. Các giải pháp giảm thiểu các khiếu nại, tranh chấp trong phạm vi dự án

10.1.4.1. Các giải pháp giảm thiểu khiếu nại

Trong quá trình triển khai dự án, để khuyến khích người dân tham gia giám sát thực hiện các hoạt động của dự án, giúp làm giảm tối đa các trường hợp phải giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật; hạn chế những ách tắc trong quá trình thực hiện, bảo đảm cho Dự án hoàn thành đúng theo kế hoạch; tạo dựng lòng tin của người dân đối với dịch vụ công về đất đai, góp phần nâng cao hiệu quả của dự án, các đơn vị triển khai Dự án cần thực hiện các giải pháp sau:

- Thực hiện công khai trên mạng thông tin của Dự án VILG, đồng thời niêm yết tại trụ sở Văn phòng Đăng ký đất đai và các chi nhánh, bộ phận “một cửa” tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các địa phương về quyền khiếu nại, tố cáo; quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo và kết quả giải quyết để người dân biết, thực hiện.

- Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện, cơ quan tài nguyên và môi trường các cấp phải có cán bộ tư vấn cho người dân về quyền khiếu nại, tố cáo; hướng dẫn, trợ giúp người dân thực hiện trình tự, thủ tục khiếu nại, tố cáo.

- CPMU, các PPMU và các nhà thầu phải công bố địa chỉ tiếp nhận thông tin phản ánh của các tổ chức, cá nhân về các sai phạm trong quá trình thực hiện Dự án bằng nhiều hình thức thuận tiện (điện thoại, thư điện tử, gửi qua đường bưu điện) để có thể phát hiện sớm thông tin và tổ chức kiểm tra, xác minh, xử lý kịp thời các trường hợp có sai phạm để hạn chế phát sinh thành vụ việc khiếu nại, tố cáo.

Trách nhiệm kiểm tra, xác minh thông tin phản ánh của các tổ chức, cá nhân và xử lý sai phạm nếu có đối với trường hợp chưa nghiệm thu sản phẩm sẽ do đơn vị chủ trì thi công công việc có thông tin phản ánh thực hiện; trường hợp công việc có thông tin phản ánh đã được nghiệm thu sản phẩm thì do đơn vị tiếp nhận sản phẩm thực hiện.

- Trường hợp đã kiểm tra, xác minh, xử lý thông tin phản ánh hoặc giải quyết khiếu nại, tố cáo mà không có sai phạm hoặc sai phạm đã được xử lý giải quyết mà

người phản ánh, khiếu nại, tố cáo vẫn chưa chấp thuận thì kêu gọi sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương hoặc các tổ chức đoàn thể, mặt trận tổ quốc cùng phân tích, giải thích để người phản ánh nhận thức lại nội dung phản ánh của mình; nếu cộng đồng và các tổ chức xã hội nhận thấy việc phản ánh là hợp lý thì các ý kiến đó là một nguồn thông tin quan trọng để cơ quan có thẩm quyền quyết định giải quyết hợp lý.

- CPMU và các PPMU có trách nhiệm lập Báo cáo hàng quý về tình hình tiếp nhận đơn, tình hình và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo (có thể tổng hợp thành một mục trong báo cáo chung cho PPMU và CPMU); báo cáo được công khai trên mạng thông tin điện tử; các PPMU có trách nhiệm và gửi báo cáo về Tổng cục QLDD để theo dõi, tổng hợp.

10.1.4.2. Các giải pháp giảm thiểu tranh chấp

- Đề cao việc hòa giải ở cơ sở đối với mọi trường hợp tranh chấp phát sinh liên quan đến thực hiện Dự án VILG để phát huy tính tự giác của các bên và tăng cường sự đoàn kết giữa các bên liên quan;

- Tăng cường sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức xã hội vào quá trình giải quyết tranh chấp, nhất là các trường hợp tranh chấp về quyền và nghĩa vụ liên quan đến sử dụng đất phát sinh sau khi công khai hóa thông tin đất đai để nâng cao tỷ lệ thành công và rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp;

- BQLDA cấp Trung ương và các BQLDA cấp tỉnh có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp, báo cáo hàng năm về tình hình tiếp nhận và giải quyết tranh chấp phát sinh liên quan đến thực hiện Dự án VILG; các BQLDA cấp tỉnh có trách nhiệm và gửi báo cáo về Tổng cục QLDD để theo dõi, tổng hợp.

- Trong quá trình thực hiện Dự án, nhất là khi phát hiện dấu hiệu tranh chấp, BQLDA cấp Trung ương và các BQLDA cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị khác tham gia thực hiện Dự án, kể cả các tổ chức tư vấn cần chủ động tiếp cận phân tích, giải thích cho các bên liên quan hiểu rõ sự việc để có thể hóa giải tranh chấp; trường hợp xác định có tranh chấp thì hướng dẫn cho các bên liên quan thực hiện thủ tục giải quyết tranh chấp theo quy định.

10.2. Quy trình giải quyết khiếu nại, tranh chấp

Mục tiêu của phần này nhằm đưa ra quy trình giải quyết khiếu nại, tranh chấp đối với các hoạt động liên quan đến thực hiện Dự án VILG một cách phù hợp với quy định của pháp luật của Việt Nam và NHTG, nâng cao tính công khai, minh bạch cao và trách nhiệm giải quyết của các cơ quan của Dự án VILG nhằm tạo điều kiện triển khai Dự án một cách hiệu quả, đạt được các mục tiêu đề ra.

10.2.1. Quy trình giải quyết khiếu nại

Trong quá trình thực hiện có thể sẽ phát sinh khiếu nại, tố cáo trong các trường hợp sau đây:

- Khiếu nại của các tổ chức, cá nhân trong việc đấu thầu, lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện các gói thầu;

- Khiếu nại của người sử dụng đất liên quan kết quả xây dựng CSDL đất đai;
- Khiếu nại của người sử dụng đất liên quan đến chất lượng cung cấp dịch vụ công về đất đai;
- Khiếu nại của người sử dụng đất về tác động của Dự án ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của các bên có liên quan và các vấn đề khác có liên quan đến thực hiện Dự án.

10.2.1.1. Nguyên tắc giải quyết

Việc giải quyết khiếu nại liên quan đến thực hiện Dự án VILG thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Bảo đảm khách quan, công khai, dân chủ và kịp thời.
- Việc giải quyết khiếu nại của người sử dụng đất phải thực hiện theo đúng quy định của Luật khiếu nại năm 2011 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn, quy định chi tiết thi hành Luật.

10.2.1.2. Hình thức khiếu nại

Các hình thức thực hiện khiếu nại bao gồm:

- Việc khiếu nại được thực hiện bằng thông qua điện thoại, thư điện tử, văn bản gửi qua đường bưu điện hoặc khiếu nại trực tiếp.

BQLDA cung cấp số điện thoại của BQLDA cho bất kỳ cá nhân nào muốn khiếu nại. Số điện thoại sẽ được ghi rõ trong các tài liệu, hồ sơ do các BQLDA ban hành.

Người khiếu nại cũng có thể vào trang thông tin của dự án, mục khiếu nại - khiếu kiện để trực tiếp đăng tải thông tin khiếu nại.

- Trường hợp khiếu nại được thực hiện bằng đơn thì trong đơn khiếu nại phải ghi rõ ngày, tháng, năm khiếu nại; tên, địa chỉ của người khiếu nại; tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân bị khiếu nại; nội dung, lý do khiếu nại, tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại và yêu cầu giải quyết của người khiếu nại. Đơn khiếu nại phải do người khiếu nại ký tên hoặc điểm chỉ.

- Trường hợp người khiếu nại đến khiếu nại trực tiếp thì người tiếp nhận khiếu nại hướng dẫn viết đơn khiếu nại hoặc người tiếp nhận ghi lại việc khiếu nại bằng văn bản và yêu cầu người khiếu nại ký hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản, trong đó ghi rõ nội dung theo quy định.

- Trường hợp nhiều người đến khiếu nại trực tiếp thì cơ quan có thẩm quyền tổ chức tiếp và hướng dẫn người khiếu nại cử đại diện để trình bày nội dung khiếu nại; người tiếp nhận khiếu nại ghi lại việc khiếu nại bằng văn bản, trong đó ghi rõ nội dung theo quy định;

Trường hợp nhiều người khiếu nại bằng đơn thì trong đơn phải ghi rõ nội dung theo quy định, có chữ ký của những người khiếu nại và phải cử người đại diện để trình bày khi có yêu cầu của người giải quyết khiếu nại;

- Trường hợp khiếu nại được thực hiện thông qua người đại diện thì người đại diện phải là một trong những người khiếu nại, có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của việc đại diện và thực hiện khiếu nại theo quy định của Luật Khiếu nại.

10.2.1.3. Trình tự giải quyết khiếu nại

Bằng việc thực hiện giải pháp trên đây, việc giải quyết khiếu nại trong quá trình thực hiện Dự án có thể được phân thành 2 giai đoạn:

Bước 1: Tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh sai phạm:

- Tổ chức, cá nhân phản ánh thông tin về sai phạm đến các địa chỉ tiếp nhận do BQLDA cấp Trung ương, các BQLDA cấp tỉnh và các VPĐKĐĐ.

Các khiếu nại được lưu trong hồ sơ cùng các thông tin, hồ sơ cập nhật cho đến khi vấn đề được giải quyết xong. Ngay sau khi nhận được thông tin phản ánh sai phạm, tiến hành sao chụp thành 3 bản: Bản gốc sẽ được lưu giữ trong Hồ sơ và 3 bản sao (1 bản cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết, 1 bản chuyển cho đương sự; 1 bản chuyển cho BQLDA) trong vòng 24 giờ. Các thông tin cần ghi chép trong nhật ký khiếu nại:

- + Ngày và giờ nhận khiếu nại;
- + Tên, địa chỉ và các chi tiết liên lạc của người khiếu nại;
- + Mô tả tóm tắt khiếu nại;
- + Hoạt động được thực hiện để giải quyết các khiếu nại bao gồm: người đã liên hệ và kết quả của mỗi bước trong quá trình giải quyết khiếu nại;
- + Ngày và thời gian liên lạc với người khiếu nại trong quá trình xử lý khiếu nại;
- + Giải pháp xử lý sau cùng;
- + Ngày, thời gian và cách thức thông báo kết quả giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại;
- + Chữ ký người khiếu nại khi nhận kết quả.

Bước 2: BQLDA và các nhà thầu tiếp nhận thông tin, cùng phối hợp với các đơn vị liên quan, tổ chức kiểm tra, xác minh, khắc phục sai phạm (nếu có), thông báo cho người phản ánh thông tin biết trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông tin khiếu nại.

Bước 3: Giải quyết khiếu nại nếu phát sinh

Nếu tổ chức, cá nhân phản ánh thông tin về sai phạm không đồng ý với kết quả xử lý của BQLDA và các nhà thầu thì gửi đơn khiếu nại đến cơ quan, cá nhân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định tại các Điều 18, 19, 20, 21, 22 và 23 của Luật Khiếu nại.

- Trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại như sau:

- + Khiếu nại lần đầu gồm các công việc:
 - ✓ Thụ lý giải quyết khiếu nại

- ✓ Xác minh nội dung khiếu nại
- ✓ Tổ chức đối thoại
- ✓ Quyết định giải quyết khiếu nại
- ✓ Gửi, công bố quyết định giải quyết khiếu nại

+ Khiếu nại lần hai (nếu có) gồm các công việc:

- ✓ Thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai
- ✓ Xác minh nội dung khiếu nại lần hai
- ✓ Tổ chức đối thoại lần hai
- ✓ Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai
- ✓ Gửi, công bố quyết định giải quyết khiếu nại

+ Khởi kiện ra Tòa án: Nếu người khiếu nại không nhận được phản hồi hoặc không thỏa mãn với quyết định đưa ra cho khiếu nại của mình, có thể kiện ra Tòa án. Quyết định của Tòa án sẽ là quyết định cuối cùng.

- Thời hạn giải quyết khiếu nại:

+ Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu: không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý.

Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.

+ Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.

Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý.

+ Hết thời hạn giải quyết khiếu nại quy định tại Điều 37 của Luật này mà khiếu nại không được giải quyết hoặc người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần hai thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Trình tự thực hiện cụ thể từng công việc trên đây thực hiện theo quy định tại các Điều từ 27 đến Điều 43 của Luật Khiếu nại.

BQLDA có trách nhiệm tổng hợp nội dung các khiếu nại kết quả xử lý để báo cáo Sở TNMT 06 tháng 01 lần (Có thể tổng hợp vào báo cáo chung của Dự án).

10.2.2. Quy trình giải quyết tranh chấp

10.2.2.1. Nguyên tắc giải quyết

Tất cả cán bộ của Dự án VILG cần tôn trọng các nguyên tắc liên quan đến giải quyết tranh chấp như sau:

- Việc giải quyết tranh chấp phải bảo đảm khách quan, công bằng, công khai và kịp thời, dứt điểm được coi như một tiêu chí quan trọng trong triển khai Dự án VILG
- Kết quả giải quyết tranh chấp phải được công khai, minh bạch trong suốt quá trình thực hiện Dự án ở địa phương.

10.2.2.2. Hình thức tranh chấp

Dự án có nội dung trọng tâm là xây dựng và triển khai MPLIS; xây dựng, hoàn thiện CSDL đất đai; hiện đại hóa tổ chức cung cấp dịch vụ công về đất đai; thiết lập hệ thống theo dõi và đánh giá trình hình quản lý sử dụng đất xây dựng CSDL đất đai; nâng cao nhận thức cộng đồng. Do đó, tranh chấp pháp sinh liên quan đến thực hiện Dự án có thể xảy ra trong các trường hợp sau:

- Tranh chấp về quyền lợi, nghĩa vụ trong thực hiện hợp đồng dịch vụ của Dự án;
- Tranh chấp về quyền và nghĩa vụ liên quan đến sử dụng đất phát sinh do thông tin đất đai có sai sót.

10.2.2.3. Trình tự giải quyết tranh chấp

a) Trường hợp tranh chấp hợp đồng dịch vụ của Dự án:

Trình tự giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định tại Chương XII Phần Thứ hai của Bộ Luật Tố tụng dân sự:

- *Bước 1: khởi kiện và thụ lý vụ án:*
 - + Gửi đơn khởi kiện kèm theo tài liệu, chứng cứ đến Tòa án có thẩm quyền;
 - + Tiếp nhận và xử lý đơn kiện hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện hoặc trả lại đơn khởi kiện (trong các trường hợp quy định tại Điều 192 của Bộ Luật Tố tụng dân sự)
 - + Thụ lý vụ án và thông báo về việc thụ lý vụ án cho các bên liên quan biết;
 - + Phân công Thẩm phán giải quyết vụ án;
- *Bước 2: Thực hiện thủ tục hòa giải (trừ trường hợp quy định tại Điều 206 và 207 của Bộ Luật Tố tụng dân sự) và chuẩn bị xét xử*
 - + Thẩm phán lập hồ sơ vụ án; xác định tư cách đương sự, người tham gia tố tụng khác; xác định quan hệ tranh chấp; làm rõ những tình tiết khách quan xác minh thu thập chứng cứ...;
 - + Thẩm phán mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (Trước khi tiến hành phiên họp, Thẩm phán phải thông báo cho đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự về thời gian, địa điểm tiến hành phiên họp và nội dung của phiên họp);
 - + Tiến hành hòa giải theo thủ tục:

++ Thẩm phán phổ biến cho các đương sự về các quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án để các đương sự liên hệ đến quyền, nghĩa vụ của mình, phân tích hậu quả pháp lý của việc hòa giải thành để họ tự nguyện thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án;

++ Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trình bày nội dung tranh chấp, bổ sung yêu cầu khởi kiện; những căn cứ để bảo vệ yêu cầu khởi kiện và đề xuất quan điểm về những vấn đề cần hòa giải, hướng giải quyết vụ án (nếu có);

++ Bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu phản tố (nếu có); những căn cứ để phản đối yêu cầu của nguyên đơn; những căn cứ để bảo vệ yêu cầu phản tố của mình và đề xuất quan điểm về những vấn đề cần hòa giải, hướng giải quyết vụ án (nếu có);

++ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn; trình bày yêu cầu độc lập của mình (nếu có); những căn cứ để phản đối yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn; những căn cứ để bảo vệ yêu cầu độc lập của mình và đề xuất quan điểm về những vấn đề cần hòa giải, hướng giải quyết vụ án (nếu có);

++ Người khác tham gia phiên họp hòa giải (nếu có) phát biểu ý kiến;

++ Sau khi các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trình bày hết ý kiến của mình, Thẩm phán xác định những vấn đề các đương sự đã thống nhất, chưa thống nhất và yêu cầu các đương sự trình bày bổ sung về những nội dung chưa rõ, chưa thống nhất;

++ Thẩm phán kết luận về những vấn đề các đương sự đã thống nhất, chưa thống nhất;

++ Lập Biên bản hòa giải;

++ Thẩm phán ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự (nếu hòa giải thành).

+ Trường hợp có các căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 214 của Bộ Luật Tố tụng dân sự thì Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; Trường hợp có các căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 217 của Bộ Luật Tố tụng dân sự thì ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự.

+ Trường hợp hòa giải không thành và không có căn cứ đình chỉ vụ án thì phải quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Bước 3: Mở phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại các điều từ 222 đến 269 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Bước 4: Giải quyết vụ án tại tòa án phúc thẩm theo quy định tại các điều từ 270 đến 324 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Bước 5: Giải quyết vụ án tại tòa giám đốc thẩm theo quy định tại các điều từ 325 đến 350 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

b) Trường hợp tranh chấp về quyền và nghĩa vụ liên quan đến sử dụng đất phát sinh do thông tin đất đai có sai sót.

Trình tự giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định tại các Điều 202, 203 của Luật Đất đai và các Điều 88, 89, 90, 91 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP:

- Trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp như sau:

+ Hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND xã gồm các công việc:

++ Thụ lý đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai;

++ Thẩm tra, xác minh; thu thập giấy tờ, tài liệu cơ liên quan;

++ Thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai;

++ Tổ chức cuộc họp hòa giải có sự tham gia của các bên tranh chấp, thành viên Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

++ Lập biên bản hòa giải gửi các bên liên quan;

++ Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức lại cuộc họp Hội đồng hòa giải để xem xét giải quyết ý kiến bổ sung (nếu trong 10 ngày vẫn còn có ý kiến đối với biên bản hòa giải thành) và lập biên bản hòa giải thành hoặc không thành

++ UBND cấp xã gửi biên bản hòa giải thành đến cơ quan Tài nguyên và Môi trường để làm thủ tục đăng ký biến động theo quy định tại Khoản 5 Điều 202 của Luật Đất đai (nếu kết quả hòa giải làm thay đổi ranh giới, diện tích, đối tượng sử dụng đất) hoặc hướng dẫn các bên tranh chấp gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp tiếp theo (nếu hòa giải không thành).

+ Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện, tỉnh (đối với trường hợp hòa giải không thành) gồm các công việc:

++ Thụ lý đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp;

++ Chủ tịch UBND cấp có thẩm quyền giao trách nhiệm cơ quan chuyên môn giải quyết;

++ Cơ quan chuyên môn thẩm tra, xác minh vụ việc; tiếp tục tổ chức hòa giải; nếu hòa giải không thành thì tổ chức cuộc họp các ban, ngành liên quan để lấy ý kiến tư vấn; hoàn chỉnh hồ sơ trình Chủ tịch UBND cấp ban hành quyết định giải quyết tranh chấp;

++ Chủ tịch UBND cấp có thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai; hoặc quyết định hòa giải thành;

++ Gửi quyết định giải quyết tranh chấp; quyết định hòa giải thành cho các bên liên quan để thực hiện;

++ Trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết lần đầu thì có quyền khiếu nại đến cơ quan hành chính cấp trên (UBND cấp tỉnh hoặc Bộ TNMT) hoặc khởi kiện ra Tòa án nhân dân.

+ Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ TNMT (đối với trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh) gồm các công việc:

++ Thu lý đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp;

++ Bộ trưởng phân công đơn vị có chức năng tham mưu giải quyết;

++ Đơn vị được phân công giải quyết thu thập, nghiên cứu hồ sơ; tổ chức hòa giải; thẩm tra, xác minh; hoàn chỉnh hồ sơ trình Bộ trưởng ban hành quyết định giải quyết tranh chấp;

++ Bộ trưởng Bộ TNMT ban hành quyết định giải quyết tranh chấp dứt đại; hoặc quyết định hòa giải thành;

++ Gửi quyết định giải quyết tranh chấp; quyết định hòa giải thành cho các bên liên quan để thực hiện.

BQLDA có trách nhiệm tổng hợp nội dung các tranh chấp kết quả xử lý để báo cáo Sở TNMT 06 tháng 01 lần.

10.3. Các biện pháp nhằm tăng cường quản trị Dự án, giảm thiểu nguy cơ gian lận và tham nhũng

Để tăng cường quản trị Dự án, giảm thiểu nguy cơ gian lận và tham nhũng trong thực hiện các hoạt động, BQLDA cấp Trung ương và cấp tỉnh cần lưu ý đến các vấn đề sau:

- Nâng cao ý thức và năng lực: Có kế hoạch tập huấn cho các cán bộ trong BQLDA cấp Trung ương và cấp tỉnh về các quy định đối với cán bộ, công chức trong thực thi công vụ theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức, số 22/2008/QH12 ban hành ngày 13/11/2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành và theo tiêu chuẩn của cán bộ, công chức trong ngành tài nguyên và môi trường. Mục đích của hoạt động này là để các cán bộ trong các BQLDA nhận thức được đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của mình trong triển khai Dự án.

Đồng thời, khi xây dựng và đánh giá kế hoạch hoạt động của các BQLDA, cần bao gồm kế hoạch phòng ngừa sai phạm và tham nhũng, tăng cường minh bạch, trách nhiệm giải trình của các bên có liên quan.

- Tăng cường tính minh bạch và công khai thông tin: Các thông tin có liên quan đến Dự án được công bố cho các bên có liên quan (trong đó bao gồm các đối tượng hưởng lợi). Dự án cần được quản lý một cách minh bạch và công bằng, các thông tin dứt đại cần được cung cấp một cách chính xác và công khai.

- Tăng cường trách nhiệm và cam kết của các bên có liên quan: Chủ Dự án và các đối tác ký kết hợp đồng sẽ áp dụng và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong thực hiện công việc, và thực hiện các biện pháp kiểm soát liêm chính của Dự án, thực thi công bằng và có báo cáo về các hình thức xử lý vi phạm;

- Tăng cường công tác theo dõi và đánh giá Dự án thông qua quy trình theo dõi, đánh giá của Dự án, kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập, sự giám sát của nhà tài trợ, cơ quan chủ quản, chủ Dự án và của cộng đồng theo quy định của pháp luật.

DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC

Ký hiệu Phụ lục	Tên phụ lục
Phụ lục 3.1	Hướng dẫn lập Thiết kế kỹ thuật – dự toán gói thầu dịch vụ kỹ thuật xây dựng CSDL đất đai
Phụ đính 3.1.1	Mẫu báo cáo Kết quả khảo sát và Danh mục biểu mẫu phục vụ khảo sát xây dựng CSDL đất đai
Phụ đính 3.1.2	Thiết kế kỹ thuật - Dự toán hoàn thiện hồ sơ địa chính và xây dựng CSDL đất đai
Phụ lục 3.2	Quy trình xây dựng CSDL địa chính
Phụ lục 3.3	Quy trình chuyển đổi, bổ sung, hoàn thiện CSDL địa chính đã xây dựng
Phụ lục 3.4	Quy trình xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê
Phụ lục 3.5	Quy trình xây dựng CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
Phụ lục 3.6	Quy trình xây dựng CSDL giá đất
Phụ lục 3.7	Cập nhật và khai thác CSDL đất đai
Phụ lục 3.8	Giao nộp sản phẩm
Phụ lục 3.9	Hướng dẫn về công tác giám sát, kiểm tra và nghiệm thu xây dựng CSDL đất đai
Phụ lục 3.10	Giám sát, kiểm tra và nghiệm thu hoạt động liên quan đến phần mềm ứng dụng (phần mềm nội bộ)
Phụ lục 3.11	Giám sát, kiểm tra và nghiệm thu hoạt động mua sắm/thuê trang thiết bị, hạ tầng mạng và phần mềm thương mại
Phụ lục 4.1	Thông báo triệu tập
Phụ lục 4.2	Chương trình khóa học
Phụ lục 4.3	Danh sách học viên
Phụ lục 4.4	Danh sách học viên được cấp chứng chỉ (nếu có)
Phụ lục 4.5	Kế hoạch hành động của học viên sau khóa học
Phụ lục 4.6	Phiếu đánh giá khóa học
Phụ lục 4.7	Báo cáo tổng kết khóa đào tạo
Phụ lục 4.8	Tổng hợp kết quả đào tạo năm
Phụ lục 6	Nội dung Kế hoạch phát triển DTTS
Phụ lục 7.1	Khung kết quả của dự án VILG
Phụ lục 7.2	Báo cáo về tình hình thực hiện dự án

Ký hiệu Phụ lục	Tên phụ lục
Phụ lục 7.3	Báo cáo giám sát, đánh giá điều chỉnh dự án đầu tư
Phụ lục 7.4	Báo cáo kết thúc dự án
Phụ lục 7.5	Báo cáo tình hình tiếp nhận và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi
Phụ lục 7.6	Nội dung và yêu cầu đối với các loại báo cáo giám sát, đánh giá
Phụ lục 8	Hướng dẫn quản lý tài chính
Phụ đính 8.1	Phân công nhiệm vụ của cán bộ tài chính kế toán và tiêu chuẩn tuyển dụng
Phụ đính 8.2	Một số định mức chi tiêu của dự án theo quy định hiện hành
Phụ đính 8.3	Hệ thống tài khoản kế toán chủ yếu áp dụng cho dự án
Phụ đính 8.4	Mẫu biểu báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán
Phụ đính 8.5	Điều khoản tham chiếu của kiểm toán báo cáo tài chính dự án
Phụ đính 8.6	Tổng hợp cơ cấu nguồn vốn dự án
Phụ đính 8.7	Bảng tổng hợp quyết toán
Phụ lục 9.1	Dự kiến Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Ban Quản lý Dự án
Phụ lục 9.2	Mẫu biểu quản lý hợp đồng
Phụ đính 9.2.1	Quản lý hợp đồng/Gói thầu dịch vụ kỹ thuật
Phụ đính 9.2.2	Quản lý hợp đồng/Tư vấn giám sát, kiểm tra, nghiệm thu
Phụ đính 9.2.3	Quản lý hợp đồng/Mua sắm hàng hóa, thiết bị
Phụ đính 9.2.4	Quản lý hợp đồng/Dịch vụ tư vấn
Phụ lục 9.3	Quy trình đấu thầu theo các phương thức đấu thầu/tuyển chọn
Phụ đính 9.3.1	Quy trình Yêu cầu nộp Hồ sơ dự thầu cạnh tranh quốc tế
Phụ đính 9.3.2	Quy trình Yêu cầu nộp Hồ sơ dự thầu cạnh tranh trong nước
Phụ đính 9.3.3	Quy trình Yêu cầu nộp Hồ sơ chào giá (RFQ)
Phụ đính 9.3.4	Quy trình Yêu cầu nộp Hồ sơ dự thầu cạnh tranh trong nước đối với các gói thầu DVKT
Phụ đính 9.3.5	Quy trình tuyển chọn tư vấn dựa trên chất lượng và chi phí (QCBS) hoặc giá thấp nhất (LCS), thực hiện tại TW
Phụ đính 9.3.6	Quy trình tuyển chọn tư vấn dựa trên năng lực của tư vấn (CQS), thực hiện tại Trung ương
Phụ đính 9.3.7	Quy trình tuyển chọn tư vấn cá nhân (IC), thực hiện tại Trung ương
Phụ đính 9.3.8	Quy trình tuyển chọn tư vấn cá nhân (IC), thực hiện tại cấp tỉnh

Ký hiệu Phụ lục	Tên phụ lục
Phụ đính 9.3.9	Quy trình Ký hợp đồng trực tiếp đối với hàng hóa và DVKT (DS)
Phụ đính 9.3.10	Quy trình tuyển chọn tư vấn từ một nguồn duy nhất/chi định thầu (SSS/DS)
Phụ đính 9.3.11	Quy trình mua sắm thỏa thuận khung
Phụ đính 9.3.12.	Thỏa thuận Force Account
Phụ đính 9.3.13	Điều khoản tham chiếu